

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

Số: 1401/BVBD-VTTBYT

V/v: Mời gửi báo giá cung ứng Vật tư tiêu hao và hóa chất cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản, Vật tư tiêu hao Chấn thương chỉnh hình và Phẫu thuật thần kinh tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026-2027-2028.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bưu điện

Địa chỉ: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

2.1: Vật tư tiêu hao và hóa chất cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản:

- Họ tên người nhận: Lương Thị Hạnh
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- SĐT: 0944.272.244

2.1: Vật tư tiêu hao Chấn thương chỉnh hình và Phẫu thuật thần kinh:

- Họ tên người nhận: Nguyễn Thị Phương
- Chức vụ: Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- SĐT: 0971.254.758

II. Thành phần báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 01 đính kèm: Bản gốc có ký đóng dấu người đại diện pháp luật.
- Quyết định trúng thầu tại Cơ sở y tế khác, không phải tại Bệnh viện Bưu điện (sau đây viết tắt là: *Quyết định trúng thầu*); Ưu tiên đã ký trong vòng 1 năm trở lại đây tính từ ngày 20/05/2026 hoặc trước đó (nếu có và đánh giá còn hợp lý): Bản sao y, đóng dấu công ty.

III. Nội dung yêu cầu trong báo giá và trên Quyết định trúng thầu:

1. Nội dung yêu cầu trong báo giá gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

- Danh mục hàng hóa: *Chi tiết tại các phụ lục 02 đính kèm. Chào theo mẫu tại Phụ lục 01.*
- Địa điểm giao hàng:

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 1: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Bệnh viện Bưu điện, cơ sở 2: Số 1 phố Yên Bái II, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Thời gian thực hiện: 24 tháng.
- Thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng và hóa đơn.

- Các thông tin khác (nếu có).

2. Nội dung yêu cầu trên Quyết định trúng thầu (viết tắt: QĐTT):

- Bôi đậm (Highlight) danh mục được tham chiếu giá.
- Tại mỗi danh mục được tham chiếu giá trên QĐTT, Công ty ghi “Mã yêu cầu” (G....) để thuận lợi đối chiếu.

IV. Cách thức, thời gian tiếp nhận, hiệu lực báo giá:

1. Gửi trực tiếp đến địa chỉ:

Tầng 6- phòng Vật tư –TBYT, Bệnh viện Bưu điện, Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội. Ghi rõ tên người nhận như hướng dẫn tại Điều 2.

2. Gửi bản Quyết định trúng thầu tại CSYT khác, File excel và scan báo giá ký người đại diện pháp luật vào email: vttbyt.bvbd01072013@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20/05/2026 đến trước 17h ngày 31/05/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 720 ngày kể từ ngày 20/05/2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trường Giang

**PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo công văn số: 1401 /BVBD-VTTBYT ngày 20 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện Bru điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bru điện

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bru điện, chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan

STT	Mã yêu cầu ⁽¹⁾	Danh mục Hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng chính ⁽⁸⁾	Số lượng tùy chọn mua thêm ⁽⁹⁾	Đơn giá ⁽¹⁰⁾ (đồng)	Đơn vị tính ⁽¹¹⁾	Thành tiền ⁽¹²⁾ (đồng)	Mô tả tính năng kỹ thuật ⁽¹³⁾	QDĐT tham chiếu	
														Đơn giá trúng thầu (đồng) ⁽¹⁴⁾	Quyết định số ngày của ... ⁽¹⁵⁾
1												Cách tính: (12) = [(8) + (9)] *(10).			
2															
3															
4															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục IV - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 15.

(1) Là “Mã yêu cầu” nêu tại các Phụ lục.

(2) Là Tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” nêu tại các Phụ lục 02 đính kèm.

(3) Là ký hiệu, mã hiệu, model của hàng hóa.

(4) Là Hãng sản xuất.

(5) Là mã HS của từng hàng hóa.

(6), (7) Là năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.

(8) Là số lượng, khối lượng chính nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Là số lượng, khối lượng tùy chọn mua thêm nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Là đơn giá chào (đã bao gồm đầy đủ thuế, phí/lệ phí, chi phí vận chuyển, bàn giao và dịch vụ khác liên quan).

(12): Cách tính: $(12) = (8 + 9) * (10)$. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (đồng). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(15): Ví dụ: Quyết định số 123/QĐ-BV ngày 12/3/2025 của Bệnh viện A

(16): Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số: 1401 /BVBD-VTTBYT ngày 20 tháng 05 năm 2026 Về việc công khai thông tin nhu cầu Mua vật tư tiêu hao và hóa chất cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh sản, Vật tư tiêu hao Chấn thương chỉnh hình và Phẫu thuật thần kinh tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026-2027-2028)

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
I. VẬT TƯ TIÊU HAO VÀ HÓA CHẤT TRUNG TÂM HỖ TRỢ SINH SẢN									
1	G9.1	Bao đầu dò siêu âm chuyên dụng	Cái	21.350	6.400	<ul style="list-style-type: none">- Không có các chất bôi trơn và chất diệt tinh gây ảnh hưởng đến chất lượng của tinh trùng/trứng /phôi.- Nguyên liệu: Màng cao su tự nhiên;- Chiều dài (mm): 295 (\pm 10). Chiều rộng (mm): 44 (\pm 2);- Độ dày thành bao (mm): 0,18 (\pm 0,07);- Độ dày màng bao (mm): 0,29 max.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
2	G9.60	Bao nylon bọc dây đầu dò	Cái	23.700	7.100	<ul style="list-style-type: none">- Nguyên liệu: Màng nhựa;- Kích thước: Đường kính 150mm;- Tiệt trùng từng cái.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
3	G9.4	Coda Filter (Màng lọc cho máy lọc khí trong tủ cấy)	Cái	166	-	<ul style="list-style-type: none">- Gồm lớp lọc than hoạt tính kết hợp với màng lọc HEPA 99,997%;- Có thể loại bỏ các hạt bụi bẩn, tế bào mốc, vi khuẩn cũng như hấp thụ các loại khí VOCs và CACs trong tủ nuôi cấy như: styrene, ethanol, toluen, benzene, chloroethane, carcinogens, nonane, xylene;- Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương.- Tương thích với máy lọc khí Coda®2 Incubator Unit	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
4	G9.40	Gas Line Filter (màng lọc khí CO2 dẫn vào tủ cấy)	Cái	176	-	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể gắn vào đường khí nguồn cấp vào các tủ cấy, tủ thao tác dùng trong các quy trình hỗ trợ sinh sản hay thụ tinh trong ống nghiệm; - Lọc được $\geq 99\%$ các chất ô nhiễm như các hạt bụi bẩn, vi khuẩn; các loại hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) tồn tại trong các bình khí nguồn CO2/ N2/hỗn hợp; - Cấu tạo: gồm các lớp màng lọc than hoạt tính và HEPA (hoặc tương đương) được nén lại. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
5	G9.6.1	Dụng cụ chứa phôi dùng để đông phôi	Cái	62.690	18.800	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng chiều dài của cọng trữ phôi với nắp: ≥ 133 mm, chiều dài nắp: 65 mm; - Chiều dài của cọng trữ phôi: $\geq 104,5$mm; - Độ rộng bản load phôi: $\geq 1,4$mm; - Chiều dài của bản load phôi: $\geq 18,5$ mm; - Có đủ 5 màu sắc khác nhau để phân biệt; - Tiệt trùng bằng tia chiếu xạ gamma hoặc tương đương. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
6	G9.6.2	Cọng bảo quản phôi noãn	Cái	5.550	1.660	<p>Gồm thanh nhựa gắn miếng phim có tác dụng trữ phôi, có nắp đậy, trên cán thanh nhựa có màu sắc rõ nét giúp nhận diện bề mặt chứa phôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng chiều dài: ≥ 130mm (± 4mm); - Chiều dài thân: ≥ 88mm - Miếng phim chứa phôi phẳng: Chiều dài ≥ 18mm (± 2mm), Rộng $\geq 1,0$mm; <p>Tiệt trùng: Bằng tia chiếu xạ</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
7	G9.13	Đĩa petri 35mm, có MEA tested	Cái	185.000	55.500	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi cấy: 8.8 cm²; - Đường kính: 35 mm, chiều cao: 11 mm; - Nắp đậy có thiết kế thông hơi giúp quá trình trao đổi khí được thuận lợi; 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Nắp và thân hình trụ; không có: diềm, ngạnh, tai; - Khử trùng bằng chiếu xạ : $SAL \leq 10^{-6}$; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): ≤ 20 EU/cái hay ≤ 0.5 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: <ul style="list-style-type: none"> + >80% phôi thử nghiệm \rightarrow 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ - Kiểm nghiệm HSSA: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm soát và thử nghiệm khả năng di động tiên triển của tinh trùng sau 24 giờ >70%. 			
8	G9.93	Đĩa nuôi cấy 35mm, Chiều cao ngoài: 10 mm.	Chiếc	12.600	3.600	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài: 35 mm; - Chiều cao ngoài: 10mm; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test. - Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - Đĩa dạng trụ, không có diềm, ngạnh, tai. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
9	G9.14.1	Đĩa petri 60mm, có MEA tested	Cái	8.400	2.400	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi cấy: 21,5 cm²; - Đường kính: 54 mm, chiều cao: 11mm-14 mm; - Thân và nắp đĩa hình trụ; không có: diềm, ngạnh, tai; - Đường kính nắp: 57mm (± 2mm), Chiều cao nắp: 10mm (± 0.5mm); - Khử trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương, mức độ an toàn tiệt trùng (chiếu xạ): $\leq 10^{-6}$; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).			
10	G9.15.1	Đĩa nuôi cấy trứng, có MEA tested. Kích thước: $\geq 88\text{mm}$ và $\leq 92,5\text{mm}$	Cái	10.200	3.000	- Diện tích nuôi cấy: 56,7-67 cm ² ; - Đường kính: 88-92,5 mm; - Chiều cao ngoài: 15-20 mm; - Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn tiệt trùng (chiếu xạ): $\leq 10^{-6}$; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế	24 tháng
11	G9.15.2	Đĩa petri 90mm, có MEA tested	Cái	3.600	960	- Đường kính: 90 -95 mm; - Chất liệu: polystyrene; - Đáy phẳng, cạnh thon; - Khử trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương; - Nội độc tố: ≤ 0.25 EU/đĩa; - Kiểm nghiệm MEA-test;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
12	G9.26	Đĩa nuôi cấy 4 giếng	Cái	35.880	10.680	- Diện tích nuôi cấy: 1,9 cm ² ; hoặc dung tích nuôi cấy 1,8 ml; - Kích thước (mm): 66 x 66 (± 2 mm); - Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn tiệt trùng (chiếu xạ): 10^{-6} ; - Vật liệu kiểm nghiệm USP cấp VI; - Kiểm nghiệm MEA-test, không chứa nội độc tố gây sốt (non- pyrogenic).	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế	24 tháng
13	G9.48	Môi trường lọc tinh trùng	ml	14.700	4.400	- Upper layer 45% + pH=7.20 - 7.60; + Độ thẩm thấu: 310 - 340 mOsm/kg; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn: < 0.5 EU/ml;	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Lower layer 90% + pH=7.20 - 7.60; + Độ thẩm thấu: 320 - 350 mOsm/kg; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn: <0.5 EU/ml; + Tỷ trọng: 1.1050 - 1.1150 g/ml; + Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng: \geq 80%; + Độ nhớt: < 1.65 cP. - Đóng gói: \leq 50ml/lọ 			
14	G9.18	Môi trường để rửa tinh trùng	ml	13.250	3.750	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: không chứa phenol đỏ, hệ đệm HEPES, bicarbonate, muối sinh lý, glucose, lactate, pyruvate; - Nồng độ HSA: 3,2-4,8 g/lit; - pH=7,30-7,60; - Độ thẩm thấu: 270-290 mOsm/kg; - Sàng lọc vi khuẩn: Âm tính; - Sàng lọc nấm: Âm tính; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): <0,25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào): \geq80%; - Đóng gói \leq 50 ml/lọ. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
15	G9.20	Môi trường thụ tinh chứa HAS	ml	80.040	24.000	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Fructose, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Human serum albumin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; - pH (tại +37°C, 6% CO₂): 7.30 ± 0.10; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê. 			
16	G9.25.1	Môi trường xử lý trứng chứa HAS	ml	58.410	17.520	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; - Hệ đệm MOPS; - pH (tại +37°C và 6% CO₂): $7,27 \pm 0,07$; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê;			
17	G9.22	Dung dịch rửa và làm sạch cổ tử cung	ml	142.875	42.750	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Calcium chloride, Gentamicin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate, Nước tiêm. - Hệ đệm bicarbonate; pH (tại +37°C và 6% CO₂): 7,30 ± 0,10; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.25 EU/ml; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
18	G9.28.1	Dung dịch loại bỏ tế bào chứa Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người	Bộ	586	175	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Calcium chloride, Gentamicin, di-Sodium hydrogen phosphate, Albumin huyết thanh người, Hyaluronidase, Magnesium chloride, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium chloride, Nước tiêm; - pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7.27 ± 0.07; - Độ thẩm thấu: 280 ± 5 mOsm/kg; - Mức độ tiệt trùng: Yêu cầu đạt; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): < 0.5 EU/ml; - Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: yêu cầu đạt. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
19	G9.51.1	Môi trường	ml	54.625	16.375	- Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa	Không	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		chuẩn bị tinh trùng				Albumin huyết thanh người; - pH: 7.25-7.50; - Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 ± 5 ; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0.4 ; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào): $\geq 80\%$; - Thành phần: Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate.	yêu cầu	y tế	
20	G9.61	Môi trường nuôi cấy phôi liên tục	ml	37.160	11.120	- Dùng trong các quy trình hỗ trợ sinh sản: thao tác với giao tử, nuôi cấy phôi người từ khi thụ tinh đến ngày 5/6; - Thành phần: 19 loại amino acid, muối (Sodium Chloride, Potassium Chloride, Potassium Phosphate, Calcium Chloride, Magnesium Sulfate, Sodium Citrate); cơ chất tạo năng lượng, protein huyết thanh người, EDTA, Hydrochloric Acid, kháng sinh gentamicin; - Kiểm nghiệm: MEA, LAL, HSSA; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
21	G9.50.2	Môi trường dùng để tinh sạch tinh trùng	ml	28.200	8.400	- Môi trường Gradient tiệt trùng gồm 2 lớp: + Lớp trên (40-45%) có độ thẩm thấu 285-340 mOsm/kg + Lớp dưới (80-90%) có độ thẩm thấu: 280-340 mOsm/kg - pH: 7,2 - 7,6 - Thử nghiệm nội độc tố (LAL): $< 0,5$ EU/ml	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: $\geq 80\%$ - Thành phần chứa: HEPES, Silane coated silica, Gentamicin - Đóng gói: ≤ 100 ml/lo - Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương 			
22	G9.50.3	Môi trường dùng để phân loại tinh trùng pha chế sẵn	ml	15.300	4.560	<p>Môi trường Gradient gồm 2 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): $\leq 10^{-3}$; - pH: 7.60 ± 0.30; - Độ thẩm thấu: 290-353 mOsm/kg; - Thành phần: Calcium chloride, Glucose, HEPES, Magnesium sulphate, mono-Potassium hydrogen phosphate, Potassium chloride, Hạt keo silica phủ silane, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate. 	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế	24 tháng
23	G9.29.1	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	ml	294	88	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI; - Dung dịch dạng nhớt chứa albumin huyết thanh người dùng để xử lý tinh trùng; - Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 1,0$; - Tỷ lệ sống sót của tinh trùng: $\geq 40\%$; - Thành phần: EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, pyruvate, Nước tiêm. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
24	G9.31.1	Kim chọc hút trứng một nòng	Cái	13.650	4.090	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn nòng, đốc kim dạng khóa vặn (luer-lock) dùng cắm trực tiếp vào bơm tiêm không qua dây dẫn trung gian; 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		dài ≥ 32 cm và $\leq 32,5$ cm				<ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim có đánh dấu vang âm (echogenic marking); - Chiều dài kim: ≥ 32 cm, $\leq 32,5$cm, 17G. - Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc EO, mức độ tiệt trùng : $SAL \leq 10^{-6}$; - Chất liệu: Thép không gỉ; - Kiểm nghiệm nội độc tố (LAL): ≤ 20EU/cái; - Kiểm nghiệm MEA: thử nghiệm 1 tế bào $\geq 80\%$ sau 96 giờ; - Kiểm nghiệm độc tính tế bào, test thử dưới da. 			
25	G9.31.3	Kim chọc nang thu nhận noãn	Cái	2.420	720	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 1 nòng, đầu kim có 3 cạnh vát ; - Phản xạ siêu âm cao hơn với công nghệ khác - Thành mỏng và cứng - Chiều dài kim: 300 mm; - Đường kính ngoài / trong: 1,4 / 1,0 mm; - Nối với bơm tiêm bằng khóa Leur; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
26	G9.87	Kim chọc hút trứng bằng tay	Chiếc	4.060	1.210	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc hút trứng bằng tay 17G, 30cm. - Đầu kim tăng cường phản âm, mũi kim vát 3 cạnh. - Cán kim thiết kế công thái học dễ dàng kiểm soát cầm nắm trong quá trình chọc hút. - Đầu nối luer-lock để kết nối với ống tiêm. - Đóng gói, tiệt trùng bằng ETO đơn chiếc. - Đạt kiểm nghiệm MEA test $\geq 80\%$, LAL test ≤ 20EU/đơn vị. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
27	G9.109	Kim chọc nang lạc nội mạc	Cái	183	54	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc hút trứng bằng tay 16G, chiều dài $35 \pm 0,5$ cm. - Đầu kim tăng cường phản âm, mũi kim vát 3 cạnh. - Cán kim thiết kế công thái học dễ dàng kiểm soát 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> cầm nắm trong quá trình chọc hút. - Đầu nối lure-lock để kết nối với bơm tiêm. - Đóng gói, tiệt trùng bằng ETO đơn chiếc. - Đạt kiểm nghiệm MEA test, LAL test . 			
28	G9.32.1	Kim giữ trứng $\geq 20^\circ$ và $\leq 35^\circ$	Cái	1.850	550	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thủy tinh; - Kích thước trong: ID = 15-30 μm; - Kích thước ngoài: OD = 100-120 μm; - Góc đầu kim từ 20° - 35°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu: $\leq 1\text{mm}$; - Đầu kim phẳng và vuông để hỗ trợ tốt hơn cho tế bào trứng và phôi; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc; - Kiểm nghiệm MEA-test; - Kiểm nghiệm nội độc tố. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
29	G9.32.2	Kim hỗ trợ tạo phôi	Cái	840	250	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: 20μm, đường kính ngoài: 120μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ ; - Chiều dài tip: 600μm-700μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiệt trùng từng cái. - MEA test, LAL. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
30	G9.35.1	Kim tiêm tinh trùng vào noãn 35 độ	Cái	14.910	4.470	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: ID 4.5-5.0μm; OD: 6-7 μm; - Đầu kim được thiết kế với các góc từ 0° - 35°; Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu là 0.55mm; - Chất liệu: Thủy tinh; - Tiệt trùng từng cây. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
31	G9.35.2	Kim tiêm trứng	Cái	4.390	1.310	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng thao tác với giao tử và phôi người trong các quy trình hỗ trợ sinh sản; 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: ID = 4.0-5.5 μm; - Góc đầu kim từ 20° - 35°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu: Khoảng 0.6-1mm; - Góc vát đầu kim (bevel) 20° ; 30°; - Kim có phần côn dài song song cho khả năng kiểm soát chất lỏng; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc: SAL $\leq 10^{-6}$ - Kiểm nghiệm phôi chuột (MEA 1 tế bào, 96 giờ): $\geq 80\%$ mở rộng thành phôi nang; - Kiểm nghiệm nội độc tố: ≤ 20 EU/cái. 			
32	G9.33.1	Kim sinh thiết phôi 45 độ	Cái	30	9	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: ID 25 μm; - Đầu kim được thiết kế với các góc từ 0° - 45°; - Chiều dài từ mũi kim đến khuỷu là 0,55 mm; - Đầu bằng hoặc đầu vát; - Chất liệu: Thủy tinh; - Tiệt trùng từng cây. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
33	G9.36	Lọ đựng tinh trùng 150ml	Chiếc	33.250	9.800	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polypropylen, nắp vặn màu đỏ; - Chiều cao: 75 \pm 1mm, đường kính nắp: 62 \pm 1 mm, đường kính đáy: 48 \pm 1 mm, đường kính miệng: 55 \pm 2 mm; - Thể tích: 150ml; - Tiệt trùng đóng gói từng cái. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
34	G9.103	Lọ chứa tinh trùng 120ml	Cái	24.500	7.350	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ chứa thể tích 120ml có nhãn mờ - Vật liệu: polypropylene với nắp vặn màu đỏ - Đóng gói tiệt trùng từng cái 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
35	G9.67.1	Đĩa 3 giếng	Cái	1.120	330	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polystyrene; - Cấu tạo gồm: 3 giếng hình nón; 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình thủy tinh hóa và rã đông - Có khe để cố định để đặt dụng cụ chứa phôi. 			
36	G9.67	Đĩa dùng cho đông phôi	Cái	9.240	2.770	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho kỹ thuật thủy tinh hóa trong trữ đông phôi/noãn; - Kích thước đĩa: 65 x 25 x10mm (\pm 3 mm mỗi chiều); - Chất liệu: polystyrene; - Cấu tạo gồm 3 giếng hình bán cầu ở mặt trước hạn chế tạo điểm mù; - Có khe đặt dụng cụ chứa phôi ở mặt sau; - Có rãnh nhỏ dung dịch thừa; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
37	G9.38.1	Môi trường dùng để đông trứng và phôi từ giai đoạn phân tách đến giai đoạn phôi nang	Kit	6.422	1.926	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: chứa Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Ethylene Glycol; Dimethyl Sulfoxide; Endotoxin free Trehalose.; + 1 lọ (x 1ml) Equilibration Solution, ES - dung dịch cân bằng; + 2 lọ (x 1ml) Vitrification Solution, VS - dung dịch thủy tinh hóa; + 4 cây Cryotec - cọng trữ; + 3 Vitri plate - đĩa đông; - Dùng cho 3 lần đông. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
38	G9.38.2	Môi trường bảo quản phôi noãn	Kit	1.113	333	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường chứa DMSO dùng để bảo quản lạnh phôi cho tất cả các giai đoạn phát triển từ giai đoạn sớm đến giai đoạn phôi blastocyst bằng phương pháp thủy tinh hóa; - Tỷ lệ sống trên 90% cho cả hệ thống đóng và mở có sẵn; - pH: 7,2-7,6 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Nội độc tố vi khuẩn: LAL [EU/mL]: < 0,25; - Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 1 ống môi trường BS (Basic Solution): 1,5 ml + 1 ống môi trường ES (Equilibration Solution): 1,5 ml + 2 ống môi trường VS (Vitrification Solution): 2x1,5 ml Dùng cho 4 - 5 lần đông. 			
39	G9.39.1	Môi trường dùng để rã đông trứng và phôi giai đoạn phân tách	Kit	5.298	1.589	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Endotoxin free Trehalose + 5 lọ (x 1,8ml) Warming Solution, TS - dung dịch làm ấm; + 1 lọ (x 1,8ml) Diluent Solution, DS - dung dịch pha loãng; + 2 lọ (x 1,8ml) Washing Solution, WS - dung dịch rửa; - Dùng cho 5 lần rã. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
40	G9.39.2	Môi trường rã đông nhanh noãn và phôi	Kit	2.108	632	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường chứa: HPC, Trehalose, DMSO, Ethylene Glycol, Gentamicin, Hydroxypropyl Cellulose; Dùng để rã đông phôi cực nhanh từ giai đoạn trứng đến giai đoạn túi phôi giúp thời gian tối thiểu (1 phút), sống sót tối đa, - Bao gồm: 4 ống môi trường TS (Thawing Solution): 4x4 ml; - Dùng cho 4 lần rã; - LAL, MEAtest 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
41	G9.41	Dầu Parafin phủ đĩa nuôi cấy	ml	153.300	45.900	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phủ môi trường trong IVF và các kỹ thuật vi thao tác; - Thành phần: dầu paraffin nhẹ; - Độ nhớt: 22.4 (±2.1) cP ở 30 độ C; - Tỷ trọng: 851.00 (±4.4) mg/ ml ở 30 độ C; - Tiệt trùng bằng phương pháp lọc, mức độ tiệt trùng: SAL ≤ 10⁻³; - Kiểm nghiệm nội độc tố vi khuẩn (LAL): ≤ 0.25 EU/ml; - Kiểm nghiệm MEA: ≥ 80% phôi thử nghiệm → 1 tế bào thành phôi nang trong 96 giờ; - Kiểm nghiệm MEA vi giọt: số lượng phôi từ 1 tế bào thành phôi nang sau 96 giờ giữa nhóm kiểm nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê; - Thử nghiệm dầu với tinh trùng người: yêu cầu đạt. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
42	G9.88	Dầu phủ môi trường nuôi cấy	ml	421.500	126.400	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng phủ môi trường nuôi cấy khi thao tác với giao tử và phôi; - Thành phần: Dầu khoáng nhẹ hoặc dầu paraffin nhẹ; - Tiệt trùng: Mức độ tiệt trùng: SAL ≤ 10⁻³; - Thử nghiệm nội độc tố LAL, tương thích sinh học MEA. 	Nhóm EU hoặc G7	Thiết bị y tế	24 tháng
43	G9.49.1	Môi trường đông tinh	ml	600	160	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đệm MOPS hoặc HEPES; - pH: 7,2-7,65; - Nội độc tố: < 1,0EU/ml; - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: ≥ 50%; - Thành phần: Glucose, Glycerol, Potassium 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Nước tiêm.			
44	G9.52	Bơm xi lanh có đầu xoáy 10ml	Chiếc	220.100	66.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene, không chứa cao su tự nhiên, không chứa PVC (polyvinylchloride); - Dung tích: 10 ml, đầu xoắn (luer lock); - Không gắn sẵn kim tiêm; - Không chứa chất gây sốt; - Đóng gói riêng từng cái, khử trùng bằng EO; - Có chứng nhận CE. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
45	G9.53.1	Bơm xi lanh đầu thẳng 1ml	Chiếc	11.200	3.300	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene, không chứa cao su tự nhiên, không chứa PVC (polyvinylchloride); - Dung tích: 1 ml, đầu thẳng (luer slip); - Gắn sẵn kim tiêm 1ml 27G 1/2; - Không chứa chất gây sốt; - Đóng gói riêng từng cái, khử trùng bằng EO; - Có chứng nhận CE. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
46	G9.55	Tube 14ml đáy tròn	Cái	13.000	3.500	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích ống 14ml; - Chất liệu polystyrene trong suốt, đáy tròn; - Bề mặt kỵ nước, trở về mặt sinh học để phục hồi tốt tế bào / protein; - Ổn định từ 4° C đến 60° C; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1400 rcf; - Chất liệu nắp đậy polyethylene, hai nắp; - Không chứa DNase/RNase; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$; - Non-Pyrogenic; - Endotoxins: ≤ 4 EU/device; - Kích thước: + Chiều cao của ống: 96 mm (± 2mm); 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						+ Đường kính ngoài của ống: 16 mm (± 1 mm).			
47	G9.104	Ống nghiệm 14 ml (MEA, HSSA TESTED), đóng gói tiệt trùng từng cái	Chiếc	10.500	3.000	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao tổng : 100 ± 5 mm; - Đáy tròn, nắp chụp 2 nấc: nấc 1 cho phép trao đổi khí, nấc 2 để bịt kín; - Chia độ 0,5 ml, vạch chia màu trắng; - Không độc, không gây sốt; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - Đóng gói tiệt trùng từng chiếc. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
48	G9.57	Tube 5ml đáy tròn	Cái	14.000	4.000	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích ống 5ml; - Chất liệu polystyrene trong suốt, đáy tròn; - Bề mặt kỵ nước, trơ về mặt sinh học để phục hồi tốt tế bào / protein; - Ổn định từ 4° C đến 60° C; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1400 rcf; - Chất liệu nắp đậy polyethylene, hai nấc; - Không chứa DNase/RNase; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-3}$; - Non-Pyrogenic; - Endotoxins: ≤ 4 EU/device; - Kích thước: + Chiều cao của ống: 76 mm (± 2mm); + Đường kính ngoài ống: 12 mm (± 1mm). 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
49	G9.97	Ống nghiệm 5 ml	Chiếc	9.500	2.500	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao tổng: 75 ± 2 mm; - Đáy tròn, nắp chụp 2 nấc: Nấc 1 cho phép trao đổi khí, nấc 2 để bịt kín; 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Chất liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - ISO 13485 hoặc tương đương. 			
50	G9.59	Găng phẫu thuật không bột	Đôi	120.750	36.200	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bột; - Chất liệu: Cao su; - Lòng bàn tay nhám (palm textured), bề mặt chống trượt để tạo độ nhạy tối ưu khi sử dụng; - Độ đàn hồi cao, mềm và cho cảm giác thật khi sử dụng; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ hoặc tương đương; - Đầu ngón tay cong. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
51	G9.84	Catheter bơm tinh trùng 17 cm	Cái	3.000	900	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 17cm; - Đầu tip kiểu đóng, có lỗ ở cả 2 bên; - Không thấm, có thể điều chỉnh được; - Khử trùng bằng chiếu xạ; - Đóng gói riêng từng cái. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
52	G9.106	Dụng cụ chuyên phôi đầu tròn	Cái	14.805	4.441	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter chuyên phôi: Thân kim loại trợ cứng, phần đầu xa mềm, đầu trơn nhẵn. <ul style="list-style-type: none"> + Dài: ≥ 250 mm đến ≤ 300 mm; + Đường kính trong: $\geq 0,5$ mm; + Đường kính ngoài: ≤ 3 mm; - Tiệt trùng bằng ETO; - Đóng gói riêng từng cái. - Kiểm nghiệm MEA - test, không chứa nội độc tố gây sốt (non-pyrogenic) (kiểm nghiệm LAL). 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Đạt chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA, ISO 13485.			
53	G9.86	Catheter chuyển phôi mềm thông thường	Cái	6.300	1.890	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 3 phần: Ống dẫn hướng, ống chuyển phôi, thanh định hình. - Ống dẫn hướng: <ul style="list-style-type: none"> + Phần cuối có thể uốn tạo hình + Có 2 vị trí đánh dấu khoảng cách 55 mm và 60 mm + Chiều dài toàn bộ: 210 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 185 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài phần tạo hình: 1,7/1,15 mm + Đường kính trong/ngoài phần còn lại: 1,6/2,6 mm - Ống chuyển phôi: <ul style="list-style-type: none"> + Mỏng ở đầu gần để dễ thao tác + Chiều dài toàn bộ: 265 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 230 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài: 0,6/1,0 mm - Thanh định hình: <ul style="list-style-type: none"> + Có dạng que kim loại với đặc tính dẻo. + Chiều dài toàn bộ: 235 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 210 ± 5 mm + Đường kính ngoài: 1 mm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
54	G9.8.1	Dụng cụ chuyển phôi đầu mềm tiết trùng từng cây	Cái	1.325	375	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 phần chính: Cây dẫn hướng, cây chuyển phôi. Ngoài ra có thể bổ sung thêm cây định hình cho những ca chuyển phôi khó. - Cây dẫn hướng: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu cây có dạng củ tròn kích thước 3 mm 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài: 200 ± 2 mm + Đường kính ngoài phần tạo hình: $2,2 \pm 0,05$ mm - Cây chuyển phôi: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài: 266 ± 2 mm + Đường kính ngoài phần tạo hình: $1,0 \pm 0,05$ mm + Dung tích: 210 μl - Tiệt trùng bằng chiếu xạ 			
55	G9.95	Pipet hút mẫu 1 ml	Chiếc	11.400	3.300	<ul style="list-style-type: none"> - Có bông đậy; - Chiều cao tổng : 280 ± 5 mm; - Đường kính ngoài: 5 ± 0.5 mm; - Có vạch chia độ; - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - ISO 13485 hoặc tương đương. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
56	G9.96	Pipet hút mẫu 10 ml	Chiếc	4.800	1.400	<ul style="list-style-type: none"> - Có bông đậy; - Chiều dài tổng: 340 ± 10 mm; - Đường kính ngoài: 10 ± 1 mm - Có vạch chia độ; - Không độc; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test; dán dấu CE; - Vật liệu polystyrene kiểm nghiệm USP cấp VI; - Không chứa Bisphenol A; 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Khử trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch. - ISO 13485 hoặc tương đương. 			
57	G9.98	Đầu tip 200 μ l	Chiếc	19.000	5.500	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài $53 \pm 0,5$ mm; đường kính ngoài đầu tip $0,8 \pm 0.05$ mm; đường kính trong đầu tip $0,5 \pm 0.05$ mm. - Thở tích hút lớn nhất 200 μl. - Tương thích rộng rãi với hầu hết các thương hiệu micropipette trên thị trường - Đóng gói tiệt trùng từng cái. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
58	G9.99	Ống đồng tinh 1,8ml	Chiếc	6.450	1.900	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene, chịu được nhiệt độ -196C. - Chiều cao tổng : 45mm (± 2 mm); - Đường kính ngoài: 11mm (± 1 mm); - Đáy tròn, sử dụng cho giá hoặc khay đông lạnh. - Có vạch chia và vùng viết thông tin màu trắng; - Không độc, không gây sốt; - Kiểm nghiệm MEA-test, HSSA test, dán dấu CE; - Không chứa Bisphenol A; - Tiệt trùng bằng chiếu xạ; sản xuất đóng gói trong phòng sạch; - ISO 13485 hoặc tương đương. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
59	G9.100	Kim tách trứng mềm	Cái	11.560	3.460	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng 1 lần dùng thao tác với trứng, blastomer, phôi và tách trứng; - Kiểm nghiệm MEA, nội độc tố LAL; - Chất liệu: Nhựa dẻo y tế để không làm vỡ trứng/phôi, không gây trầy xước bề mặt đĩa; - Phần đầu được cắt thẳng chính xác; 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với hầu hết các Micropipettors trên thị trường; - Đường kính đầu tip: từ 135 µm đến 145µm; - Tiết trùng bằng chiếu xạ Gama; - Không chứa Bisphenol A. 			
60	G9.101	Kim tách trứng thường	Chiếc	10.500	3.150	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Làm từ polymer y tế chất lượng cao trong điều kiện phòng sạch; - Tổng thể tích: 20-25 µl, tùy thuộc vào kích thước; - Đường kính ngoài gân: 900µm; - Đường kính đầu tip: Từ 125µm đến 600µm; - Kiểm nghiệm MEA-test (>80%) và kiểm nghiệm nội độc tố (<0.05EU, - Tiết trùng bằng chiếu xạ (SAL): $\leq 10^{-6}$; - ISO 13485, dán dấu CE. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
61	G9.14.3	Đĩa nuôi phôi liên tục Timelapse	Cái	2.120	600	<ul style="list-style-type: none"> - Có 16 vi giếng nuôi cấy phôi, đánh số thứ tự, nằm trong 2 khoang; - Có 4 giếng rửa, mỗi giếng chứa được từ 25-30 µl môi trường nuôi cấy; - Dùng trong điều kiện môi trường nuôi cấy không tạo ẩm; - Kích thước: 50mm × 70 mm ($\pm 0,5$ mm); - Có nắp đậy, đóng gói riêng lẻ từng cái; - Tiết trùng bằng tia E- SAL 10^{-6}; - Thử nghiệm độc tố đối với phôi bằng phôi chuột 1 tế bào - tối thiểu 80% túi phôi mở rộng sau 96 giờ. - Tương thích với hệ thống Timelapse EmbryoScope+ 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
62	G9.144	Môi trường ly giải mô	ml	756	225	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường có độ pH (ở 37 ° C): 7.20-7.70 - Áp suất thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 – 310 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		tinh hoàn				<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: NaCl, KCl, KH₂PO₄, MgSO₄.7H₂O, NaHCO₃, CaCl₂.2H₂O, D(+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Amino Acids, HEPES, , Phenolred; - Hoạt độ collagenase 1000 CDU/ml (Collagen Digestion Units). - Tiệt trùng: SAL≤10⁻³; 			
63	G9.49.2	Môi trường bảo quản tinh trùng	ml	1.344	403	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đệm HEPES; - pH: 7,2-7,5; - Nội độc tố: < 1,0EU/ml; - Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người: ≥ 50%; - Thành phần: Glucose, Glycerol, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Nước tiêm, Magnesium sulphate, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium Pyruvate, Calcium lactate. 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
64	G9.58	VOC Pre - filter (Màng tiền lọc cho tủ thao tác)	Cái	84	25	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày: 8 -12 mm. - Lọc các loại hạt bụi kích thước vừa và lớn và lọc VOC. - Phù hợp với các loại Tủ thao tác K-Systems, Esco hay Thermo. 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
65	G9.45.2	Pipette chia vạch 1 ml, chiều dài 279mm	Cái	1.600	480	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích hút 1ml; có vạch chia thẻ tích ≥ 1.3 ml; - Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): ≤ 10⁻⁶; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						+ Chiều dài pipet: 277-279.40 mm + Đường kính 4.6-4.7 mm			
66	G9.44.2	Pipette chia vạch 10ml, chiều dài 346mm	Cái	3.800	1.000	- Thê tích hút 10ml - Chất liệu Polystyrene; - Tiệt trùng (SAL): $\leq 10^{-6}$; - Không chứa độc tố gây sốt; - Không chứa enzyme phân hủy DNA/RNA; - Đạt tiêu chuẩn USP Class VI; - Kích thước: + Chiều dài pipet: 338-347 mm + Đường kính 9.6-10.0 mm	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
67	G9.12.2	Đầu tip không có đầu lọc $\leq 20\mu\text{l}$, chiều dài 40mm	Cái	53.600	16.000	- Chiều dài: 40mm; - Dải thể tích: 0,1 - 20ul; - Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau; - Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	G7	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
68	G9.54.2	Đầu tip không có đầu lọc $\leq 200\mu\text{l}$, chiều dài 53mm	Chiếc	207.900	62.300	- Chiều dài: 53mm; - Dải thể tích: 2 - 200ul; - Có vạch chia thể tích rõ ràng; - Phù hợp với nhiều loại pipet khác nhau; - Không chứa nội độc tố Pyrogen, Dnase, Rnase, ATP, DNA người, DNA vi khuẩn; - Tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	G7	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
69	G9.102	Tube trữ đông tinh trùng	Cái	3.900	1.150	- Vật liệu: Polypropylene; - Chiều cao: 48-49 mm; - Đường kính ngoài: 12,5-12,7 mm; - Thê tích: 1,8 - 2,0 ml; đáy tròn, có ren;	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Dạng đứng, ống có chân, có nhãn mờ ghi thông tin; - Tiệt trùng, không chứa Dnase và Rnase 			
70	G9.2	Casette chứa cọng rơm chứa phôi 140mm	Cái	38.250	11.450	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài 140 ± 1 mm; - Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi; - Có nhiều màu sắc khác nhau; - Khả năng chứa cọng trữ phôi: 3 cọng 0,5 ml (không que), 8 cọng 0,25 ml (không que), 3 cọng 90 mm (có que). 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
71	G9.9	Dụng cụ hút mẫu môi trường	Cái	4	1	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để hút mẫu môi trường dùng với Pipettes bằng nhựa hoặc thủy tinh có dung tích 1-100ml, đối với Pasteur pipettes 5ml/10ml. - Vận tốc hút: Tùy thuộc vào nút điều khiển bằng tay. - Vận hành nhờ pin sạc - Có chân đỡ bổ sung đóng mở được để khi gắn pipette có thể tự đứng vững trên bàn mà không làm pipette tiếp xúc với mặt bàn 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
72	G9.10	Dung dịch khử khuẩn dùng cho sàn nhà, bề mặt thiết bị trong Labo	Bình	8	2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm nghiệm MEA; - Sử dụng cho sàn nhà, bề mặt các thiết bị khác trong Labo; - Không chất độc hại, không cồn, không mùi, mức độ VOC thấp hoặc không tạo VOC trong các thiết bị nuôi phôi và trong phòng lab; - Không gây hại da, không để lại vệt ố, có thể sử dụng an toàn trong các phòng thí nghiệm kín; - Có khả năng diệt vi khuẩn, nấm (candida), tảo và một số loại virus; trung hòa vi khuẩn gây ra mùi 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						hôi; làm tan vết máu khô.			
73	G9.82	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng cho tủ ấm CO2 trong phòng IVF (5 lít)	Bình	19	5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm nghiệm MEA; - Dùng để khử trùng bề mặt kim loại như tủ CO2, tủ thao tác, các thiết bị trong lab IVF; - An toàn, không độc hại, không cồn, không mùi không gây ảnh hưởng đến phôi trứng; - Không cần pha loãng với nước; - Hiệu quả chống lại virus viêm gan B, HIV, rotavirus, mycobacterium và vi khuẩn, nấm (candida). 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
74	G9.83	Dung dịch khử khuẩn, nấm, VOC, bảo vệ da cho phòng IVF	Bình	27	8	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm nghiệm MEA và HSSA; - Sử dụng trên bề mặt da tay, làm mềm da, bảo vệ da; - Không mùi, không chứa cồn, không phát tán các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), không ăn mòn kim loại, không gây ô nhiễm môi trường; - Khử trùng lâu dài, tốc độ bay hơi thấp; - Diệt khuẩn, diệt nấm, chống lây nhiễm HIV, viêm gan B, viêm gan C, cúm A, Ebola, Herpes, virus cúm (H1N1 / H5N1), Corona. 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
75	G9.16	Đĩa nuôi cấy tế bào cỡ 20x100mm	Cái	3.000	800	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đĩa 100 x 20mm; - Chất liệu: polystyrene; - USP Class VI; - Không chứa độc tố gây sốt. Đạt mức chấp nhận của Endotoxins theo USP là ≤ 0.125 EU/ml hoặc ≤ 5 EU/device; - Bề mặt được xử lý TC để tăng độ bám dính của tế bào; - Tiệt trùng bằng tia gamm: $SAL \leq 10^{-3}$; 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tăng trưởng: 58.95 cm²; - Thể tích làm việc: 16 - 17.5 mL. 			
76	G9.30	IVF Trigas 7m3 Cylinder (Bình hỗn hợp khí trộn sẵn dùng để nuôi cây phôi)	Bình 7m3	128	38	<p>Là bình chứa hỗn hợp khí trộn sẵn chuyên dùng để nuôi cây phôi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần khí trộn và nồng độ: 6%-7% CO2 (\pm 0.2%), 5% O2 (\pm 0.2%), cân bằng bởi N2. - Kích thước vỏ bình: cao 143cm x đường kính ngoài 23cm. - Trọng lượng bình rỗng: 65 kg - Thể tích chứa chất lỏng: 47 lít (\pm 2%) - Dung lượng hỗn hợp khí trộn sẵn chứa trong bình: 7m3 (2.000psi) - Vỏ bình chứa khí được xử lý tiệt trùng, loại bỏ tối đa tạp chất, đảm bảo độ tinh khiết của khí, giúp ổn định nồng độ hỗn hợp khí trong suốt thời gian sử dụng. 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
77	G9.113	Khí nuôi cây hỗn hợp	Bình	158	47	<p>Bình chứa hỗn hợp khí trộn sẵn chuyên dùng để nuôi cây phôi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần khí trộn nồng độ: 6% CO2 (\pm 0.6%), 5% O2 (\pm 0.7%), cân bằng bởi N2 hoặc khí trộn nồng độ: 7% CO2 (\pm 0.7%), 5% O2 (\pm 0.7%) cân bằng bởi N2 - Dung lượng hỗn hợp khí trộn sẵn chứa trong bình: 6,8m3 (~2.088psi) - Khí được bơm vào bình ở áp suất 144bar. - Vỏ bình chứa khí được xử lý tiệt trùng bằng công nghệ đặc biệt, loại bỏ tối đa tạp chất, đảm bảo độ tinh khiết của khí, giúp ổn định nồng độ hỗn hợp khí trong suốt thời gian sử dụng. 	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Có giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng nồng độ khí trộn trong từng bình, sử dụng thiết bị kiểm tra nồng độ khí với độ chính xác cao ($\pm 0.12\%$ kết quả đo).			
78	G9.43	Pasteur pipette tiết trùng 150mm	Cái	111.000	33.250	- Chất liệu thủy tinh; - Thân trên: OD: 6,5-7,1 mm; - Đường kính ngoài đầu phun (OD): 1.2mm; - Đường kính trong đầu phun (ID): 0.7mm; - Bề dày thành ống: 0.50-0.53 mm; - Tiết trùng bằng EO hoặc hơi nước - Có bông nút ở đầu	G7	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
79	G9.56	Tube 15ml đáy nhọn	Cái	37.000	11.000	- Thể tích ống 15ml; - Chất liệu Polystyrene; - Chất liệu nắp ống Polyethylene, loại vặn; - Bề mặt kỵ nước, trơ về mặt sinh học; - Ổn định từ 4 ° C đến 60 ° C; - Ống thiết kế hình nón, phù hợp với hầu hết các máy ly tâm để bàn; - Có thể chịu được lực ly tâm lên đến 1800 rcf; - Các vạch chia theo từng bước tăng dần 0,5 mL; - Không chứa DNase/RNase; - Kích thước (sai số mỗi cái không quá 1 mm): + Chiều cao của ống: 120mm + Đường kính ngoài của ống: 15.5mm; + Chiều dài phần đáy nhọn: 20.3mm; + Đường kính trong của nắp: 19.9mm; + Chiều cao của nắp: 10.4mm.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
80	G9.70	Bộ bình tạo âm và màng	Bộ	210	63	Mỗi bộ gồm: - 01 bình: dung tích 125 ml, chất liệu nhựa y tế, có	Không yêu cầu	Không phải thiết	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		lọc thay thế cho tủ cấy BT37				nắp đậy và 03 ống dẫn khí bằng silicone, tiết trùng từng bộ. '- 01 màng lọc: kích thước lỗ 0,2 μ m (\pm 0.02 μ m), tiết trùng từng cái. - Tương thích với tủ nuôi cấy phôi BT37		bị y tế	
81	G9.70.1	Bộ bình tạo ẩm và màng lọc thể hệ 2	Cái	24	5	- Mỗi bộ gồm: 01 bình có dung tích 125 ml, chất liệu nhựa y tế, có nắp đậy và ống dẫn khí, tiết trùng từng cái; - Mỗi bình tạo ẩm sẽ kèm theo 1 màng lọc 0,2 μ m (\pm 0.02 μ m), tiết trùng từng cái. - Tương thích với tủ nuôi cấy phôi BT37 mark II	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
82	G9.71	Dụng cụ trữ phôi trong nitơ lỏng	Bộ	34	10	- Dung tích chứa Nitơ: \leq 47.4 lít - Trọng lượng bình rỗng: \geq 18 kg - Trọng lượng bình đầy: \geq 54.6 kg - Chiều cao bình: \leq 718 mm - Đường kính cổ (miệng) bình: \leq 127 mm - Đường kính bình: \leq 508 mm - Chiều cao canister: \leq 279 mm - Đường kính canister: \leq 72 mm - Lượng Nitơ dung mỗi ngày: \leq 0.39 lít - Chất liệu vỏ bình: Nhôm - Bình có cấu trúc gồm 2 lớp , giữa 2 lớp thành bình có lớp chân không cách nhiệt. - Bình có 10 canister - 10 Bộ phụ kiện (bao gồm 2 cốc nhựa goblet và giá đỡ inox cao/thấp có đáy dạng tròn kín) chia canister của Bình trữ phôi thành 02 tầng để tăng gấp đôi dung lượng lưu trữ.	Không yêu cầu	Không phải thiết bị y tế	24 tháng
83	G9.72	Dụng cụ trữ	Bộ	6	1	- Dung tích chứa Nitơ: \leq 47.4 lít	Không	Không	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		ting trong nitơ lỏng				<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng bình rỗng: ≥ 15 kg - Trọng lượng bình đầy: ≥ 54 kg - Chiều cao bình: ≤ 718 mm - Đường kính cổ (miệng) bình: ≤ 127 mm - Đường kính bình: ≤ 508 mm - Lượng Nitơ dung mỗi ngày: ≤ 0.39 lít - Chất liệu vỏ bình: Nhôm - Bình có cấu trúc gồm 2 lớp, giữa 2 lớp thành bình có lớp chân không cách nhiệt. - Bình có 6 giá đỡ - 30 hộp phụ kiện, mỗi hộp có 25 vị trí để cất các ống mẫu tinh trùng. 	yêu cầu	phải thiết bị y tế	

II. VẬT TƯ TIÊU HAO CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH VÀ PHẪU THUẬT THÀNH KINH

1	G3.219.1	Vít khóa trong mô cổ lõi sau các cổ titanium	Cái	427	128	Vít khóa trong cho vít cổ sau được làm bởi chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI) đồng bộ cho vít cổ sau đa trục. Đường kính ngoài 6,0mm, đường kính trong 5,0mm, bước ren 1mm, chiều cao ốc khóa 3,4mm. Bước ren liên tục hạn chế tối đa ốc bị trượt ra ngoài.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
2	G3.221.1	Vít cứng đa trục mô cổ lõi sau các cổ	Cái	427	128	Chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI), có kích thước 3,5mm, 4,0mm, 4,5mm x (10~50) mm. Mũ vít có đường kính trong 6,2mm, đường kính ngoài 7,6mm, chiều cao mũ vít 10,4mm, góc mũ vít 45 độ, bước ren 2,5mm Vít có nhiều màu sắc phù hợp với kích thước đường kính vít. Kết hợp cùng ốc khóa và thanh dọc cổ sau.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
3	G3.222.1	Nẹp dọc mô	Cái	58	17	Chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI). Thanh	Không	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cổ lõi sau phủ CoCr các cỡ				đọc có đường kính 3,5mm, chiều dài từ 30mm đến 240mm.	yêu cầu	y tế	
4	G3.526	Vít đa trục cột sống cổ sau góc xoay 80 độ	Cái	28	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Góc xoay ≥ 40 độ so với trục thẳng đứng về mỗi phía. Phạm vi góc xoay tối đa ≥ 80 độ, hình nón. - Đường kính: 3,5 mm; 4,0 mm và 4,5 mm. - Chiều dài: Từ 10 mm đến 40 mm. - Các vít được mã hóa bằng màu sắc khác nhau. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
5	G3.527	Vít ốc khóa trong dạng hình sao cột sống cổ sau	Cái	28	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Đường kính: $\leq 5,75$ mm. - Chiều cao: $\leq 3,5$ mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
6	G3.528	Nẹp dọc cột sống cổ đk $\geq 3,5$ mm và < 4 mm	Cái	4	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính: $\geq 3,5$ mm và < 4 mm. - Chiều dài: 60 mm, 120 mm và 240 mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
7	G3.553	Vít cột sống cổ lõi sau có góc dao động 60 độ	Cái	86	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính mũ vít 8,5 mm, chiều dài mũ vít 10,5 mm. Đường kính vít từ $\leq 3,5$ mm đến $\geq 4,5$ mm. Chiều dài vít từ ≤ 10 mm đến ≥ 60 mm, bước tăng 2 mm. - Góc dao động 60 độ, hướng đánh dấu sẵn cho phép mở rộng góc lệch lên đến 15 độ. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
8	G3.554	Vít (ốc) khóa trong cho vít cột	Cái	86	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính: 7,0mm. Chiều cao: 3,2mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		sống cổ lõi sau, hợp kim titanium							
9	G3.555	Nẹp dọc cổ sau loại thanh thẳng, đường kính 3,5/4,0mm	Cái	14	-	<ul style="list-style-type: none"> - Loại thanh thẳng. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương - Đường kính: 3,5mm; 4,0mm - Chiều dài: $\leq 30\text{mm}$ đến $\geq 400\text{mm}$ 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
10	G3.556	Nẹp dọc uốn sẵn cổ sau	Cái	10	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính gồm tối thiểu hai loại: 3,5 mm và 4,0mm. - Chiều dài gồm tối thiểu các loại: 120mm và 220mm. Phân đầu thanh nẹp uốn sẵn dài 50mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
11	G3.557	Nẹp nối vùng cổ - ngực, 2 đầu khác biệt	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 2 đầu khác nhau, nối phần cổ ngực và phần lưng ngực. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính phía cổ: 3,5mm và 4,0mm. Đường kính phía lưng gồm tối thiểu các loại: 4,5, 5,5 và 6,0mm. Chiều dài gồm tối thiểu các loại: 200mm và 500mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
12	G3.532	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 1 tầng	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4\text{mm}$ - Chỗ rộng $\leq 16\text{mm}$. - Chiều dài: Từ 20mm đến 34mm, bước tăng 2mm. - Phân đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Nẹp sử dụng cơ chế khóa vòng xoắn liên tục hoặc tương đương			
13	G3.533	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 2 tầng	Cái	4	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4\text{mm}$ - Chỗ rộng $\leq 16\text{mm}$. - Chiều dài: Từ 36mm đến 54mm, bước tăng 2mm. - Phần đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp - Nẹp sử dụng cơ chế khóa vòng xoắn liên tục hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
14	G3.534	Vít cột sống cổ trước cho nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, các cỡ	Cái	36	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Đường kính vít: 4,0mm và 4,5mm - Chiều dài vít: 11mm, 13mm, 15mm - Vít tự tarô	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
15	G3.536	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, độ uốn ≥ 5 độ, các cỡ	Cái	10	-	- Vật liệu: PEEK - Chiều rộng 15mm, chiều dài 13mm. - Chiều cao: Từ 5mm đến 10mm, bước tăng 1mm - Độ uốn ≥ 5 độ - Có 2 điểm đánh dấu căn quang. - Bề mặt trên và dưới miếng ghép có các đường viền và răng.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
16	G3.537	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa, độ	Cái	10	-	- Vật liệu: PEEK - Chiều rộng $\geq 17\text{mm}$ - Chiều dài $\geq 14\text{mm}$ - Chiều cao: Từ 5mm đến 12mm, bước tăng 1mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		ưỡn ≥ 7 độ				<ul style="list-style-type: none"> - Độ ưỡn ≥ 7 độ - Trên nẹp có 3 điểm bắt vít. Góc bắt vít nghiêng 40 độ. Cơ chế bắt vít tự khóa bằng vòng xoắn, khóa nghiêng tuần hoàn 360 độ. - Có 1 điểm đánh dấu căn quang. 			
17	G3.538	Vít tự taro, tự khoan cho miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa	Cái	36	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy. - Vít có các đường kính 4,0mm và 4,5mm. - Vít tự tarô. - Chiều dài vít từ ≤ 12mm đến ≥ 16mm, bước tăng 1mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
18	G3.628	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 3 tầng	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4$mm - Chỗ rộng ≤ 16mm. - Chiều dài: Từ 56mm đến 68mm, bước tăng 2mm. - Phần đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp - Nẹp sử dụng cơ chế khóa vòng xoắn liên tục hoặc tương đương 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
19	G3.549	Nẹp cổ lồi trước 1 tầng loại có vòng chặn	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp có 4 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp khoảng từ ≤ 20mm đến ≥ 36mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn giúp vít không bị dịch chuyển. 			
20	G3.550	Nẹp cổ lõi trước 2 tầng loại có vòng chặn	Cái	4	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp có 6 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp từ ≤ 38mm đến ≥ 56mm. - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn khiến vít không bị dịch chuyển. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
21	G3.551	Nẹp cổ lõi trước 3 tầng loại có vòng chặn	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp có 8 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp: ≤ 50mm đến ≥ 77mm. - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn khiến vít không bị dịch chuyển. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
22	G3.552	Vít cột sống cổ lõi trước dùng với vít 4,0/4,5mm	Cái	56	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính vít: 4,0mm; 4,5mm. Chiều dài vít: từ ≤ 10mm đến ≥ 20mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
23	G3.558	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ,	Cái	10	-	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế có răng. - Chất liệu PEEK hoặc tương đương. - Chiều cao: ≤ 4mm đến ≥ 16mm. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		thiết kế có răng, cao 4-16mm				- Chiều dài x rộng gồm tối thiểu các loại: 12x14mm, 14x16mm, 14x12mm, 16x14mm. - Hai bề mặt trên và dưới có rãnh tạo độ nhám giảm nguy cơ trượt.			
24	G3.559	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ kèm vít khóa tự taro	Cái	20	6	- Thiết kế có răng. - Chất liệu: PEEK và hợp kim Titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. - Kích cỡ gồm tối thiểu các loại: 12x14, 13x14, 14x14, 15x14, 16x14, 14x16, 15x16, 16x16, 17x16, 18x16, 19x16, 18x19mm. - Độ cao từ ≤ 4 mm đến ≥ 12 mm. Vít khóa tự taro đường kính 2,5mm và 3mm, chiều dài thân vít từ ≤ 12 mm đến ≥ 20 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
25	G3.285	Nẹp cổ trước một tầng	Chiếc	36	10	Nẹp được làm bởi chất liệu Titanium Ti-6Al-4V. Chiều dài tối thiểu 5 cỡ ≤ 10 mm đến ≥ 18 mm Nẹp cong 18 độ. Chiều dày của nẹp 2,45mm. Chiều rộng nẹp: chỗ rộng nhất: 18,3mm; chỗ hẹp nhất: 14mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
26	G3.286	Nẹp cổ trước hai tầng	Chiếc	12	-	Nẹp được làm bởi chất liệu Titanium Ti-6Al-4V. Chiều dài tối thiểu 7 cỡ ≤ 26 mm đến ≥ 38 mm và 41mm. Nẹp cong 18 độ. Chiều dày của nẹp 2,45mm. Chiều rộng nẹp: chỗ rộng nhất: 18,3mm; chỗ hẹp nhất: 14mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
27	G3.414	Vít cổ trước tự khóa	Chiếc	250	-	Vít có nhiều đường kính tối thiểu 3 cỡ $\leq 3,5$ mm đến $\geq 4,35$ mm, vít có chiều dài từ ≤ 10 mm đến ≥ 20 mm. Vít được cấu tạo tự khóa ở góc từ 15 độ ~ -7 độ ở giữa nẹp cổ trước và góc từ 20 độ ~ -12 độ khi bắt ở 2 đầu nẹp, khoảng cách bước ren 1,8mm, góc vát của ren trên thân vít đạt 85 độ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
28	G3.232.1	Nẹp cổ	Chiếc	10	-	Nẹp cổ trước một tầng uốn sẵn theo mặt phẳng	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		trước dài 10-18mm, cong 18 độ				đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, có 4 lỗ, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ 21mm đến 31mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.		y tế	
29	G3.233.1	Nẹp cổ trước dài từ 26-38mm và 41mm, cong 18 độ	Chiếc	4	-	Nẹp cổ trước hai tầng uốn sẵn theo mặt phẳng đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, có 6 lỗ, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ 36mm đến 51mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
30	G3.234.1	Nẹp cổ trước dài từ 42-63mm, cong 18 độ	Chiếc	3	-	Nẹp cổ trước ba tầng uốn sẵn theo mặt phẳng đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, có 8 lỗ, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ 56mm đến 76mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
31	G3.237.1	Vít hợp kim dùng cho nẹp cổ trước các cỡ, tịt khoan/tịt taro	Chiếc	119	35	Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, đường kính 4mm/4,5mm, chiều dài từ 10mm đến 22mm (bước tăng 2mm), tịt khoan/ tịt taro.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
32	G3.711	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ chất liệu PEEK	Cái	84	25	Miếng ghép đĩa đệm cổ chất liệu PEEK-Optima. Hình dạng giải phẫu kép, cong 6 độ. Miếng ghép có răng góc cạnh, khoảng ghép xương lớn, các điểm cản quang bằng vàng. Chiều rộng: 14mm, 16mm, chiều sâu: 13mm, 15mm, chiều cao: từ 4,5mm đến 8,5mm (bước tăng 1mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
33	G3.725	Vít đa trục	Bộ	30	-	1. Vít đa trục:	Châu Âu	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		rỗng ruột dùng để bơm xi măng tiết trùng kèm vít khóa trong				<ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu: Hợp kim Titanium. + Thân vít: Có ≥ 9 lỗ. Thân vít rỗng, có đường kính trong 1,8mm. Đầu mũi vít có đường kính trong 1,35mm. Đường kính: 5, 6, 7mm. Chiều dài: từ 35mm đến 60mm, bước tăng 5mm. 2. Vít khoá trong: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Hình lục giác. - Đóng gói tiết trùng sẵn chính hãng. 		y tế	
34	G3.654	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên	Cái	9	2	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PEEK - Có ít nhất 2 điểm đánh dấu bằng tantalum - Khoảng cách từ thành phía trước đến điểm đánh dấu: ≥ 2mm - Khoảng cách từ thành phía sau đến điểm đánh dấu: ≥ 5mm - Độ sâu răng cưa: $\geq 0,9$mm - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài: ≥ 28mm + Chiều rộng: ≥ 11mm + Chiều cao: trong khoảng 8-14mm + Độ uốn: trong khoảng 3 độ - 5 độ - Đóng gói tiết trùng sẵn chính hãng 	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
35	G3.655	Vít đa trục cột sống lưng kèm vít khóa trong các cỡ	Bộ	99	29	<ul style="list-style-type: none"> 1. Vít đa trục: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Góc xoay: trong khoảng 40 độ - 50 độ . - Đầu vít: <ul style="list-style-type: none"> + Thiết diện thấp. + Chiều dài: ≤ 14mm. + Chiều ngang: ít nhất 2 kích cỡ, trong khoảng từ 	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>10mm đến 13,5mm. + Đường kính: ≤ 14mm. - Thân vít: + Mũi vít thon nhỏ. + Đường kính ngoài: trong khoảng từ 4,0mm đến 7,0mm. + Đường kính trong: tối thiểu 3,25mm. + Khoảng cách ren vít: $\leq 2,7$mm. + Chiều dài: trong khoảng 25-60mm. - Tương thích với nẹp dọc có đường kính $\leq 5,4$mm. 2. Vít khoá trong: - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Hình lục giác. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p>			
36	G3.656	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn	Cái	18	5	<p>- Vật liệu: Hợp kim titanium. - Nẹp dọc được uốn sẵn. - Tương thích với hệ thống vít đa trục, vít khóa trong. - Kích cỡ: + Đường kính: $\leq 5,4$mm. + Chiều dài: trong khoảng từ 50mm đến 90mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p>	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
37	G3.638	Nẹp chống shock với khớp động	Cái	264	79	<p>Chất liệu Titanium, đường kính có tối thiểu 2 cỡ $\leq 5,0$mm - $\geq 5,5$mm thân hình trụ, thanh dọc động ở đầu xoay khoảng 14 độ, thanh cố định ở dưới với góc uốn khoảng 10 độ, thân có 1 vòng đệm giảm chấn bằng silicone dày 2mm, 1 vòng đệm bằng polycarbonate Urethane (PCU), cố định và chống thoái hóa đốt sóng liên kề (T10-S1)</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
38	G3.639	Vít đa trục đồng bộ nẹp vít cố định động kèm vít khóa trong	Cái	1.100	330	Vít đa trục titanium, chiều cao 13mm, thân rộng 11mm, góc mở vít đa 52 độ, đk 3 cỡ $\leq 5,5$ đến ≥ 7 mm Vít ốc khóa trong: Chất liệu titanium	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
39	G3.640	Miếng ghép đĩa đệm đường bên	Cái	12	-	Miếng ghép đĩa đệm chất liệu hợp chất Ti6Al4V Eli sử dụng trong kỹ thuật cố định nội soi cột sống lưng ít xâm lấn. Có thể quan sát tốt thông qua X-quang hoặc ảnh chụp CT. Loại thẳng: Chiều cao từ 8 đến 17mm (bước tăng 1mm), chiều dài 22mm, 36mm và 32mm, chiều rộng 10mm. Loại uốn: 0° và 6°. Dung tích khoang ghép xương từ 0,24cc đến 0,98cc. Đóng gói tiệt trùng.	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
40	G3.415	Vít đa trục rộng nòng titanium, tự taro, góc nghiêng 60 độ	Cái	121	36	Vít đa trục đa năng bơm xi măng ít xâm lấn, loãng xương: chất liệu hợp kim titanium Ti6Al4V, đóng gói tiệt trùng. Đường kính từ 4,5mm đến 7,5mm, chiều dài từ 30mm đến 60mm, góc quay của thân vít và mũ vít lên tới 53 độ. Có thể phân biệt bằng màu sắc. Là loại vít có hai bước ren trên thân: phần trên có khoảng cách bước ren bốn là 1,25mm, độ sâu bước ren bốn là 0,7mm; phần giữa có khoảng cách bước ren đôi 2,5mm, độ sâu bước ren đôi là 1mm, phần đầu vít hình nón có bước ren bốn và có rãnh cắt sắc để tăng cường lực bắt vào xương cứng, mũ vít hình hoa tulip cao 16mm, đường kính mũ vít 12,6mm; đường kính rỗng nòng 1,7mm, có thể chọn lựa bơm xi măng qua các lỗ. Là loại vít liền lá phẫu thuật ít xâm lấn.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
41	G3.465	Vít ốc khóa dùng cho vít đa trục rỗng nòng	Cái	159	47	Ốc khoá trong chất liệu hợp kim titanium, chiều cao 5,1mm ±1%, đường kính 9,6mm ±1%.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
42	G3.466	Vít đa trục cột sống lưng kèm vít khóa trong	Cái	80	24	- Vít đa trục: chất liệu titanium, mũ vít hình hoa tulip, đường kính từ 4,5 đến 7,5mm, chiều dài từ 30 đến 60mm. Trên thân vít có 2 vùng ren, vùng ren bốn có bước ren 1,25mm, độ sâu bước ren 0,7mm; vùng ren đôi có bước ren 2,5mm, độ sâu bước ren 1mm. Góc quay thân vít 53 độ, đường kính rỗng nòng 1,7mm, có thể chọn lựa bơm xi măng qua các lỗ. - Vít khóa trong: Chất liệu titanium.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
43	G3.466.1	Vít đa trục thiết kế ren dẫn từ kép đến bốn cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	54	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Dạng ren dẫn từ kép đến bốn. Khoảng cách giữa 2 ren của phần xương cứng là ≤ 1,38mm, phần xương xốp là ≤ 2,75mm. - Vít tự taro, ren vuông, kết hợp với vít khóa trong tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn. - Góc xoay ≥ 30 độ so với trục thẳng đứng. - Đường kính: 4,0mm, 4,5mm, 5,0mm, 5,5mm, 6,5mm, 7,5mm, 8,5mm. - Chiều dài: Từ 25 mm đến 55mm. - Chiều cao đầu mũ vít ≤ 15mm. Chiều rộng ≤ 13mm. Kích thước nẹp dọc chạy trên đầu mũ vít ≤ 10,9mm. - Tương thích với các nẹp dọc đường kính 5,0mm, 5,5mm, 6,0mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
44	G3.519	Vít ốc khóa	Cái	54	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V)	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		trong cho vít đa trục đầu mũ vít hình tulip				<ul style="list-style-type: none"> - Dạng rỗng, ren vuông, có 2 màu, phía dưới màu xanh dương đậm, phía trên màu bạc. - Đường kính $\leq 9,5\text{mm}$. - Chiều cao $\leq 4,8\text{mm}$. - Cơ chế khóa mặt bích xoắn hoặc tương đương - Tương thích với các nẹp dọc đường kính 5,0mm, 5,5mm. 		y tế	
45	G3.520	Nẹp dọc cho vít đa trục đk 5,5mm	Cái	20	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính 5,5mm - Chiều dài $\geq 500\text{mm}$ - Màu xanh dương đậm. Có đường đánh dấu màu trắng chạy toàn bộ nẹp dọc. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
46	G3.521	Nẹp nối ngang cột sống lưng ngực, chiều dài cố định	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Chiều dài: Từ 20mm đến 60mm. Bước tăng 2,5mm và 5mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
47	G3.540	Xương nhân tạo 5cc, dạng mảnh	Hộp	2	-	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β-TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau - Hình dạng: Dạng mảnh - Kích thước: 50x12,5x4mm. - Dung tích: 5cc. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
48	G3.535	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, độ ưỡn ≥ 5 độ, các cỡ	Cái	6	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PEEK. - Chiều cao: Từ 8mm đến 14mm. - Chiều rộng $\geq 10\text{mm}$. - Chiều dài: 25mm, 30mm, 35mm và 40mm. - Độ ưỡn ≥ 5 độ. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 điểm đánh dấu căn quang. - Dung tích khoang ghép xương từ 0,56cc đến 2,13cc tùy từng kích thước. 			
49	G3.539	Xương nhân tạo 2cc, dạng hình trụ	Hộp	10	-	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β-TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau - Hình dạng: Hình trụ - Kích thước: 8x20mm - Dung tích: 2cc. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
50	G3.522	Vít đa trục thiết kế hai luồng ren cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	30	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Thiết kế trục vít đôi với hai luồng ren chạy dọc thân vít. Vít rộng nòng, tự taro, ren vuông, kết hợp với vít khóa trong tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn. - Góc xoay ≥ 30 độ so với trục thẳng đứng. - Chiều dài đầu mũ vít ≤ 15mm. - Đường kính: 4,5mm, 5,5mm, 6,5mm, 7,5mm. - Chiều dài: Từ 25mm đến 50mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
51	G3.523	Vít ốc khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	30	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Đường kính ≤ 8mm. - Chiều cao $\leq 4,5$ mm. - Ren vuông. - Tương thích với vít đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
52	G3.524	Nẹp dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	12	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 5,5mm. - Chiều dài từ 20mm đến 160mm, được uốn sẵn. Bước tăng 5mm, 10mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
53	G3.525	Kim định vị và dùi cuông cung dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, có vạch chia độ sâu	Cái	6	-	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim dạng hình kim cương và đầu vát. - Độ sâu của kim tối đa ≥ 35mm. - Vỏ cách điện - Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
54	G3.211.8	Nẹp dọc cột sống Ti6Al4V ELI, đk 5,5mm	Cái	29	8	Nẹp dọc cột sống chất liệu Ti6Al4V ELI, đường kính $\geq 5,5$ mm dài ≥ 400 mm có đầu lục giác	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
55	G3.468	Vít cột sống đa trục hợp kim Ti6Al4V	Bộ	152	45	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vít cột sống lưng loại 2 vùng ren (double thread), chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low- 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		ELI kèm vít khoá trong loại 2 vùng ren				profile, đường kính từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), kích thước mũ vít (đường kính 13,5mm x chiều cao 15,1mm), góc mở của vít đa trục ≥ 52 độ, mũi vít tự taro, chiều dài từ ≤ 20 mm đến ≥ 90 mm. - Vít khóa trong có bước ren dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc.			
56	G3.469	Vít cột sống đa trục hợp kim Ti-6Al-7Nb kèm vít khoá trong	Bộ	47	14	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít cột sống lưng loại 2 vùng ren (double thread), chất liệu hợp kim titanium, mũ vít dạng low-profile, đường kính từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), kích thước mũ vít (đường kính 13,5mm x chiều cao 15,1mm), góc mở của vít đa trục ≥ 52 độ, mũi vít tự taro, chiều dài từ ≤ 20 mm đến ≥ 90 mm. - vít khóa trong có bước ren dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
57	G3.470	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng chất liệu PEEK OPTIMA các size	Cái	14	4	Miếng ghép đĩa đệm lưng PEEK OPTIMA, các kiểu uốn 0 độ và 4 độ, chiều dài 20mm và 25mm, chiều rộng ≤ 11 mm, chiều cao ≤ 9 mm đến ≥ 17 mm (mỗi cỡ tăng 1mm)	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
58	G3.751	Nẹp dọc cột sống lưng	Cái	203	60	Nẹp dọc thẳng chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) đường kính 5,5mm. Mũi hình viên đạn không gây chấn thương, đuôi có lỗ lục giác để chỉnh dọc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						Chiều dài 200mm. Trên thân có vạch đánh dấu để căn chỉnh dọc.			
59	G3.210.1	Vít cột sống đa trục bước ren đôi và vít khóa trong các cỡ	Bộ	951	285	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: - 01 Vít đa trục chất liệu hợp kim Titanium (TA6VELI) tương thích với nẹp dọc đường kính 5,5mm, đầu vít tự tarô, góc mở thân vít và mũ vít lên tới 60 độ. Mũ vít bước ren vuông, có hõm giúp kết nối chắc chắn với dụng cụ khi thao tác. Mũ vít với thiết kế Low profile, chiều cao mũ vít 14mm. Bước ren đôi khoảng cách bước ren 3mm, độ sâu bước ren 0,9mm. Vít có đường kính từ 4mm đến 8mm, có tối thiểu các cỡ: 4,5mm, 5,5mm, 6,0mm, 6,5mm, 7,5mm; chiều dài từ 25mm đến 90mm (bước tăng 5mm). - 01 Vít khoá trong chất liệu hợp kim Titanium (TA6VELI).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
60	G3.217.1	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo cột sống lưng các cỡ chống dịch chuyển	Cái	137	41	Đĩa đệm lưng vật liệu PEEK, ba điểm đánh dấu trực tantalum, được thiết kế với bề mặt răng cưa làm tăng sự ổn định và ngăn sự dịch chuyển. Thiết kế hình viên đạn, cạnh bên vát cho phép chèn dễ dàng hơn, dài 22/26/30mm, độ uốn 0/4/8 độ, chiều rộng 9/10/11mm và chiều cao 7/8/9/10/11/12/13/14/16mm. Dung tích khoang ghép xương từ 0,45cc đến 2,37cc.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
61	G3.531	Nẹp dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da	Cái	60	18	- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V ELI - Nẹp dọc uốn sẵn đường kính $\geq 5,5$ mm, độ dài từ ≤ 30 mm đến ≥ 200 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
62	G3.580	Vít đa trục rỗng nòng qua da kèm vít khóa trong, góc nghiêng 40 độ	Cái	201	60	<ul style="list-style-type: none"> - Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng, loại 3 vùng ren, chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính vít từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), góc mở của vít đa trục ≥ 40 độ. Mũi vít có ≥ 3 rãnh tự taro, chiều dài vít từ ≤ 20mm đến ≥ 90mm. Kích thước mũ vít 15x12x11mm. - Vít khóa trong tự gãy khi siết đến lực nhất định, chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI có đường kính ≤ 9mm, chiều cao ≤ 10mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
63	G3.581	Kim chọc dẫn đường, dùng cho vít qua da	Cái	28	-	Kim chọc dò cuống sống, đường kính $\leq 3,0$ mm, chiều dài ≥ 15 cm, mũi vít.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
64	G3.207.4	Vít cột sống đa trục titanium và vít khóa trong các cỡ	Bộ	220	66	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5 đến 8,5mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Đầu vít xẻ 3 rãnh dài 8mm. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm) có 4 lỗ tròn dùng nắn chỉnh cột sống. - Vít khóa trong chất liệu titanium 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
65	G3.212.4	Nẹp ngang các cỡ thiết kế 2 đầu cố định bằng 3 vít khóa trong hình hoa thị	Cái	14	4	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim titanium - Độ dài các cỡ 27 - 31mm, 30 - 37mm, 35 - 47mm, 45 - 67mm, 58 - 93mm. - Thiết kế 2 đầu cố định bằng 3 vít khóa trong hình hoa thị 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
66	G3.217.5	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo cột sống lưng dạng khoang chống trượt	Cái	1.375	412	- Chất liệu Peek - Độ dài 8,9,10,11,12,13,14 x 28mm - Cấu tạo dạng khoang có răng chống trượt ra phía sau.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
67	G3.345.1	Vít đa trục ren đôi kèm vít khóa trong các cỡ, chất liệu titan	Bộ	7.386	2.215	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5 đến 7,5mm. bước tăng 1mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm) có 2 lỗ tròn dùng nắm chỉnh cột sống. Thân vít chia làm 3 vùng ren khác nhau, tạo 1 góc nghiêng 50 độ so với mũ vít. - Vít khóa trong chất liệu titanium	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
68	G3.350.2	Nẹp dọc, chất liệu titan, đường kính 5,5mm	Cái	1.186	355	- Vật liệu hợp kim titanium - Đường kính 5,5mm - Độ dài 440mm, có đường chỉ đánh dấu xác định vị trí.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
69	G3.379	Vít đa trục rỗng nòng qua da kèm vít khóa trong, góc nghiêng 50 độ	Cái	176	52	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5 đến 7,5mm. bước tăng 1mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Vít rỗng nòng. Thân vít chia làm 3 vùng ren khác nhau. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm). Thân vít tạo 1 góc nghiêng 50 ^o so với mũ vít. - Vít khóa trong chất liệu titanium	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
70	G3.380	Nẹp dọc uốn sẵn 23 độ	Cái	27	8	- Chất liệu hợp kim Titanium. - Nẹp dọc tròn, đường kính 5,5mm, uốn sẵn 23 độ, có đường nét đứt đánh dấu xác định vị trí.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
71	G3.478	Bộ dẫn lưu áp lực âm Smart dạng lò xo	Bộ	38	-	- Công nghệ van khí 2 tầng - Bình dung tích tối thiểu 400 ml, có lò xo tạo áp lực hút. - Đường kính ngoài dây hút gồm tối thiểu hai loại 3,2mm hoặc 4,8mm. Đường kính trong gồm tối thiểu hai loại 1,6mm hoặc 2,8mm. Chiều dài dây hút 1.300 mm ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
72	G3.748	Đinh nội tủy xương đùi ngược dòng các cỡ	Cái	6	-	- Chất liệu titanium alloy - Đinh nội tủy xương đùi ngược dòng, có chốt, đường kính thân đinh: 10; 11,5 mm, đường kính đầu 11,5mm, dùng vít chốt đường kính 4,5 và 5,0mm - Chiều dài với mỗi cỡ đinh từ ≤260 mm đến ≥420 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
73	G3.335	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện, chất liệu titanium	Cái	108	32	- Chất liệu Titanium Alloy. - Đinh nội tủy xương chày có chốt - Đường kính 8,3; 9; 10; 11,5mm, đường kính đầu 11,5mm, dùng vít chốt khóa đường kính 4,5 mm và 5,0 mm. Chiều dài với mỗi cỡ đinh từ ≤260 mm đến ≥420 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
74	G3.336	Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương	Cái	16	4	- Chất liệu titanium alloy - Đinh nội tủy xương đùi có chốt, đường kính thân đinh: 9,5; 10; 11; 12 mm, đường kính đầu 13mm, dùng vít chốt đường kính 4,5 và 5,0mm, dùng vít cố xương đùi đường kính 6,3 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		diện, chất liệu titanium				- Chiều dài với mỗi cỡ đinh từ ≤ 320 mm - ≥ 440 mm.			
75	G3.337	Vít chốt khóa dùng với đinh nội tủy rộng nòng	Cái	339	101	- Chất liệu titanium Alloy. - Vít 4,5mm: Chiều dài ≤ 26 mm - ≥ 90 mm, bước tăng ≤ 5 mm - Vít 5,0mm: Chiều dài ≤ 26 mm - ≥ 100 mm, bước tăng ≤ 5 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
76	G3.338	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rộng nòng, titanium	Cái	10	-	- Chất liệu titanium hợp kim - Đường kính 6,3mm, thân 4,8mm - Chiều dài ≤ 65 mm - ≥ 125 mm, bước tăng 5 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
77	G3.339	Vít nắp đinh dùng với đinh nội tủy rộng nòng	Cái	5	1	- Chất liệu titanium hợp kim - Chiều dài từ 0 - 15mm sử dụng với nội tủy xương đùi/chày.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
78	G3.420	Đinh titan cổ xương đùi chống xoay	Cái	20	6	- Chất liệu Titanium hợp kim. - Đường kính đầu gần 16,5mm - Đinh ngắn: Đường kính đầu xa: 9,3, 10, 11, 12mm. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: ≤ 170 - ≥ 240 mm - Đinh dài: Đường kính đầu xa: 9,5, 10, 11, 12 mm có trái/ phải riêng biệt. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: ≤ 320 - ≥ 440 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
79	G3.421	Vít titan cổ xương đùi dạng đóng	Cái	20	6	- Vật liệu titanium hợp kim. - Nòng dẫn hướng: 3,5mm. - Đường kính thân: 10,3mm, độ dài: ≤ 70 -	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						≥120mm, mỗi bước tăng 5mm			
80	G3.422	Vít nắp đỉnh, titan	Cái	4		- Chất liệu titanium hợp kim - Chiều dài từ 0 - 15mm sử dụng với đỉnh chống xoay.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
81	G3.763	Đỉnh nội tủy rộng nòng xương chày đóng dưới xương bánh chè	Cái	11	3	- Đỉnh nội tủy rộng nòng xương chày, có chốt, chất liệu Titanium Alloy. - Có dụng cụ hỗ trợ đóng đỉnh dưới bánh chè. - Đường kính đầu đỉnh 12mm, đường kính thân từ 8mm đến 11mm, có tối thiểu 4 cỡ: 8,3mm, 9mm, 10mm, 11mm. Chiều dài đỉnh tương ứng với mỗi cỡ từ 250 mm đến 415 mm, bước tăng 15mm. - Góc nghiêng trước đầu đỉnh: 10 độ ± 1%, Góc nghiêng trước đuôi đỉnh: 2 độ ± 1%. - Số lỗ đầu gân đỉnh: 4 lỗ với 4 hướng bắt vít khác nhau, số lỗ đầu xa đỉnh: 3 lỗ. - Đỉnh có lỗ động (Dynamic) nằm phần đầu gân đỉnh, độ di động 7mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
82	G3.764	Vít chốt khóa các loại	Cái	44	13	- Chất liệu Titanium Alloy. - Với vít 4,3mm: Chiều dài từ 20mm đến 50mm, có tối thiểu các cỡ 26mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm và 50mm. - Với vít 4,5mm: Chiều dài từ 30mm đến 55mm, bước tăng 5mm. - Với vít 5,0mm: Chiều dài từ 25mm đến 90mm, bước tăng 5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
83	G3.765	Vít nắp đỉnh	Cái	11	3	Chất liệu Titanium Alloy. Chiều dài từ 5mm đến 15mm, bước tăng 5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
84	G3.619	Đỉnh nội tủy rộng	Cái	9	2	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính ≤ 8mm đến ≥11 mm gồm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		nòng xương chày				tối thiểu các loại: + Đường kính 8mm: Chiều dài 260/280/300/340/360 mm. + Đường kính 9mm: Chiều dài 260-380mm bước tăng 20mm. + Đường kính 10mm: Chiều dài 300-400mm bước tăng 20mm. + Đường kính 11mm: Chiều dài 300-420mm bước tăng 20mm.			
85	G3.620	Vít khoá đỉnh nội tủy, đk 4,0mm	Cái	33	9	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,0mm, chiều dài ≤ 20 đến ≥ 70 mm. Bước tăng 5mm. - Đầu bắt vít lục giác. Sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi và xương chày.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
86	G3.621	Vít khoá đỉnh nội tủy, đk 4,8mm	Cái	7	2	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,8mm, chiều dài ≤ 20 đến ≥ 90 mm. Bước tăng 5mm. - Đầu bắt vít lục giác. Sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi và xương chày.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
87	G3.622	Vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng, titan	Cái	10	-	- Chất liệu Titanium. - Chiều dài 1, 5, 10, 15, 20mm. - Dùng với đỉnh nội tủy xương chày.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
88	G3.623	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương đùi	Cái	7	2	- Loại dài: + Chất liệu Titanium. + Kích thước: chiều dài ≤ 340 mm, ≥ 460 mm. Đường kính đầu gần 15,5mm, đường kính đầu xa 10, 11, 12mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> + Góc bắt vít đầu gần: 120, 125, 130 độ. Vít bắt đầu gần đường kính 10,4mm, vít bắt đầu xa 4,8mm. + Phân biệt trái/phải. - Loại ngắn: + Chất liệu Titanium. + Kích thước: Chiều dài $\geq 170\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$. Đường kính đầu gần 15,5mm, đường kính đầu xa 9,10,11mm. + Góc bắt vít đầu gần: 120, 125, 130 độ. Vít bắt đầu gần đường kính 10,4mm, vít bắt đầu xa đường kính 4,0 và 4,8mm. 			
89	G3.624	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đỉnh nội tủy rộng nòng	Cái	5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 10,4mm, chiều dài ≥ 60 đến $\leq 120\text{mm}$. - Đầu bắt vít lục giác, sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
90	G3.625	Đỉnh nội tủy rộng nòng cổ xương đùi	Cái	5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium. - Kích thước: $\geq 10\text{mm}$ và $\leq 12\text{mm}$, gồm tối thiểu các size: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 10mm: Chiều dài 320 - 420mm bước tăng 20mm. + Đường kính 11mm: Chiều dài 340 - 420mm bước tăng 20mm. + Đường kính 12mm: Chiều dài 340 - 460mm bước tăng 20mm. - Góc bắt vít đầu gần: 125, 130 độ, vít bắt đầu gần đường kính 6,5mm. - Vít bắt đầu xa đường kính 4,8mm. - Phân biệt trái/phải. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
91	G3.626	Vít chốt cổ xương đùi	Cái	5	1	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 6,5mm, chiều dài ≤60 đến ≥120mm. - Đầu bắt vít lục giác. - Sử dụng với đinh nội tuỷ xương đùi.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
92	G3.613	Nẹp khóa bản hẹp lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Cái	18	5	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Có từ ≤5 lỗ đến ≥ 16 lỗ, độ dài từ 98mm đến 296mm. Nẹp dày 4,8mm, rộng 14mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xỏp 6,5mm, vít khóa 5,0mm. - Nẹp hạn chế tiếp xúc, độ cứng cao.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
93	G3.680	Vít khóa đường kính 5,0mm	Cái	366	109	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 5,0mm, chiều dài ≤14- ≥100mm. - Đầu mũ vít hình hoa khế, tự taro.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
94	G3.681	Vít xương cứng 4,5mm, tự taro	Cái	42	12	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,5mm, chiều dài ≤16- ≥60mm. - Đầu mũ vít hình lục giác.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
95	G3.617	Nẹp khóa bản rộng lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Cái	3	-	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Có từ ≤5 lỗ đến ≥18 lỗ, độ dài tương ứng từ 98mm đến 332mm. Nẹp dày 5,9mm, rộng 17,3mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xỏp 6,5mm, vít khóa 5,0mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
96	G3.618	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu	Cái	14	4	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: số lỗ ≤5 đến ≥13 lỗ thân, chiều dài 158-318mm, bề dày nẹp 5,5mm, bề rộng thân 16mm, đầu nẹp nhô lên 20mm, rộng 35mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		titan				- Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xóp 6,5mm, vít khoá 5,0mm. - Phân biệt trái/phải.			
97	G3.616	Vít xương xóp đường kính 6,5, vật liệu Titanium	Cái	40	-	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 6,5mm, chiều dài ≤50 đến ≥120mm, ren một phần thân vít. - Đầu mũ vít hình lục giác.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
98	G3.615	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các loại, chất liệu titan	Cái	14	4	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Số lỗ ≤4 đến ≥ 14 lỗ, chiều dài 82-262mm. Bề rộng nẹp 13,5mm, Bề rộng đầu nẹp 15mm. Đầu nẹp nâng lên 21mm, dài 32,5mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xóp 6,5mm, vít khoá 5,0mm. - Phân biệt trái/phải.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
99	G3.607	Nẹp khóa bản nhỏ lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Cái	3	-	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Có từ ≤4 lỗ đến ≥12 lỗ, độ dài từ 63mm đến 161mm. Nẹp dày 3,2mm, rộng 11,5mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3.5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
100	G3.606	Vít khóa đường kính 3,5mm nẹp mắt xích	Cái	476	142	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 3,5mm, chiều dài ≤10 đến ≥90mm. - Đầu mũ vít hình hoa khế, tự taro.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
101	G3.608	Vít xương cứng 3,5mm, tự taro	Cái	88	26	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 3,5mm, chiều dài ≤12 đến ≥50mm. - Đầu mũ vít hình lục giác.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
102	G3.611	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ	Cái	9	2	- Chất liệu Titanium. - Nẹp phía trên mặt trước: Kích thước: số lỗ ≤ 6 đến ≥ 8 lỗ thân, chiều dài 94-120mm, dày 3,2mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xỏp 4,0mm, vít khoá 3,5mm. - Phân biệt trái/phải.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
103	G3.610	Vít xương xỏp 4,0mm, chất liệu titan	Cái	14	4	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,0mm, chiều dài ≤ 20 đến ≥ 60 mm, ren một phần thân vít. - Đầu mũ vít hình lục giác.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
104	G3.614	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các cỡ, chất liệu titan	Cái	7	2	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Số lỗ ≤ 5 đến ≥ 21 lỗ, chiều dài thân nẹp từ 80 - 288mm. Bề dày nẹp 3,8mm, bề rộng nẹp 13,5mm, bề rộng đầu nẹp 12mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xỏp 4,0mm, vít khoá 3,5mm. - Phân biệt trái/phải.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
105	G3.627	Nẹp khóa đầu dưới xương quay 3 lỗ đầu trái/phải các loại	Cái	9	2	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Nẹp chữ T đầu vuông góc ≤ 3 lỗ. Số lỗ 3,4,5,6 lỗ thân, chiều dài nẹp từ 46,5 - 79,5mm. Bề dày nẹp 1,6mm, thân nẹp rộng 10mm. Đầu nẹp nhô lên 20 độ, đầu nẹp rộng 24mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xỏp 4,0mm, vít khoá 3,5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
106	G3.609	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại ngắn, chất	Cái	16	4	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Thân nẹp có ≤ 3 đến ≥ 13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 110 - 290mm, chiều rộng thân nẹp 12mm, chiều rộng đầu nẹp 20mm, đầu nẹp nhô lên 10,3mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		liệu Titanium				- Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3,5mm.			
107	G3.605	Nẹp khóa mắt xích, chất liệu titan	Cái	18	5	- Chất liệu Titanium. - Nẹp khoá nén ép mắt xích thẳng, có từ ≤ 4 đến ≥ 22 lỗ. - Chiều dài tương ứng từ 52-264mm. Nẹp dày 3,4mm, rộng 10,5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
108	G3.612	Nẹp khóa thân xương mác các cỡ	Cái	5	1	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Thân nẹp có ≤ 4 đến ≥ 14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 63 - 171mm, chiều rộng thân nẹp 10mm, dày 1,6mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít khoá 3,5mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
109	G3.311.1	Vít khóa titanium 4,5mm, tự taro, mũ vít hình lục giác	Cái	56	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính vít 4,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, đường kính mũ vít 8,0mm, chiều dài vít từ 10mm (± 2 mm) đến 84mm (± 1 mm).	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
110	G3.320.1	Vít xương cứng tự taro cho nẹp đa hướng, đường kính 4,5mm, titanium	Cái	22	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 4,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, đường kính mũ vít 7,0mm (± 1 mm), chiều dài vít từ 10mm (± 2 mm) đến 86mm (± 1 mm).	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
111	G3.598	Vít khóa 5,5mm, xương xóp, các cỡ, titan	Cái	38	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 5,5mm, đường kính lõi vít 2,4mm ($\pm 0,1$ mm), đường kính mũ vít tối thiểu 8,0mm, chiều dài vít từ 32mm	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						(±2mm) đến 90mm (±1mm).			
112	G3.545.2	Nẹp khóa đầu trên xương chày ngoài, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 3,0 mm, bề rộng đầu nẹp 29,5 mm (±0,1mm), bề rộng thân nẹp tối thiểu 15,0 mm, số lỗ: 3-13 lỗ, độ dài từ 85mm (±3mm) đến 240 mm (±2mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 15,0 mm	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
113	G3.545.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày trong, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 36 mm (±0,2mm), bề rộng thân nẹp 14,0 mm (±1mm), số lỗ: 3-13 lỗ, độ dài nẹp từ 80mm (±1mm) đến 240 mm (±1mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
114	G3.545.3	Nẹp khóa mâm chày chữ T, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 33 mm (±0,4mm), bề rộng thân nẹp 15 mm (±0,5mm), số lỗ: 4 lỗ, dài 95 mm (±1mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
115	G3.303.1	Nẹp khóa titanium bán rộng các cỡ, dày 5,2mm	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp dày 5,2 mm, bề rộng nẹp 17,0 mm (±0,5mm), số lỗ: 6-16 lỗ, độ dài nẹp từ 100mm (±3mm) đến 260 mm (±3mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
116	G3.341.1 .2	Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 26 mm (±0,5mm), bề rộng thân nẹp 15,0 mm (±0,5mm), số lỗ: 5-13 lỗ, độ dài nẹp từ 121mm (±1mm) đến 241 mm (±1mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 15,0 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
117	G3.306.1	Nẹp khóa	Cái	2	-	- Chất liệu titanium.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		titanium đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dày 5,7mm				- Độ dày nẹp 5,7 mm, bề rộng thân nẹp 16mm (± 1 mm), bề rộng đầu nẹp 39mm ($\pm 0,3$ mm), phần đầu nẹp có 7 lỗ, phần thân nẹp từ 5 lỗ đến 13 lỗ tương ứng chiều dài từ 164mm (± 1 mm) đến 325 mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp tối thiểu 20,0 mm.		y tế	
118	G3.300.1	Nẹp khóa titanium đầu trên, dày 4,0mm, 5-18 lỗ	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 23,5 mm ($\pm 0,1$ mm), bề rộng thân nẹp 15,0 mm ($\pm 0,5$ mm), số lỗ: 5-18 lỗ, chiều dài nẹp từ 70mm (± 2 mm) đến 282mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp tối thiểu 16,0 mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
119	G3.157.3	Vít khóa xương cứng 5,5mm	Cái	4	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 5,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 4,0mm, đường kính mũ vít 8,0mm, chiều dài vít từ 25mm (± 1 mm) đến 86mm (± 1 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
120	G3.546	Nẹp khóa đóng cứng ba khớp cổ chân, đa trục, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 25,0mm (± 1 mm), bề rộng phần thân nẹp 18,0mm (± 1 mm), độ dài nẹp 114 mm (± 1 mm), số lỗ 3/4 lỗ.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
121	G3.600	Vít xóp 6,5mm, titan, ren bán phần	Cái	2	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, đường kính vít 6,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, ren bán phần, đường kính thân vít 4,5mm, đường kính mũ vít tối thiểu 8,0mm, độ dài vít từ 46 (± 1 mm) đến 84mm (± 1 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
122	G3.298.1	Nẹp khóa titanium	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 3,4 mm, bề rộng nẹp 11,0 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		bản nhỏ các cỡ				($\pm 0,1$ mm), số lỗ: 4-16 lỗ, độ dài nẹp từ 50 đến 195mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12,0 mm.			
123	G3.310.1	Vít khóa titanium 3,5mm, tự taro, mũ vít hình lục giác	Cái	138	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 2,4mm, đường kính mũ vít 5,0mm ($\pm 0,3$ mm), chiều dài vít từ 10mm (± 2 mm) đến 80mm (± 2 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
124	G3.381	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, titan	Cái	36	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 2,4mm, đường kính mũ vít 5,0mm (± 1 mm), chiều dài vít từ 10 (± 2 mm) đến 52mm (± 2 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
125	G3.328.1	Nẹp khóa chữ Y đầu dưới xương cánh tay, trái, phải, các cỡ, titanium	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 2,5 mm, bề rộng thân nẹp 12,0mm, bề rộng đầu nẹp từ 55mm đến 55,5mm, số lỗ: 5/10/11 lỗ, độ dài nẹp từ 85mm đến 140mm, khoảng cách giữa các lỗ phân thân tối thiểu 8,0 mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
126	G3.341.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trong, titan	Cái	4	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp khóa đa trục. Độ dày đầu nẹp: tối thiểu 2,8mm, độ dày phần thân nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 20 mm (± 2 mm), bề rộng thân nẹp 15 mm ($\pm 0,5$ mm), đầu nẹp 8 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5-15 lỗ, độ dài nẹp từ 115mm (± 1 mm) đến 221 mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ phân thân tối thiểu 10,5 mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
127	G3.329.1	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại, đa trục	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp khóa đa trục. Độ dày nẹp tối thiểu 2,5 mm, bề rộng phần đầu nẹp 16 mm ($\pm 0,1$ mm), bề rộng phần thân nẹp 9,5mm ($\pm 0,2$ mm), số lỗ phần đầu nẹp 4 lỗ, số lỗ phần thân nẹp 5-11 lỗ, dài từ 85mm đến 155mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
128	G3.299.1	Nẹp khóa titanium mắt xích các cỡ, dày 2,5mm, 4-20 lỗ	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 2,5 mm, bề rộng nẹp 9,0mm (± 1 mm), số lỗ: 4-20 lỗ tương ứng độ dài nẹp từ 45mm (± 1 mm) đến 240mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12,0 mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
129	G3.326.1	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ, vật liệu Titanium, sâu móc 18,0/21,0mm	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0mm, bề rộng phần đầu nẹp 20mm (± 1 mm), bề rộng phần thân nẹp tối thiểu 10mm, khoảng cách giữa các lỗ phần thân nẹp 10mm ($\pm 0,2$ mm), chiều dài móc: 18mm ($\pm 0,5$ mm), chiều sâu móc 21,0 mm, số lỗ: 3-6 lỗ, độ dài từ 70mm đến 105 mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
130	G3.307.1	Nẹp khóa titanium xương đòn các cỡ	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 3,5 mm, bề rộng nẹp tối thiểu 10 mm, số lỗ: 6-9 lỗ, độ dài từ 78-105 (± 1 mm) mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
131	G3.301.1	Nẹp khóa titanium xương gót	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp đa trục. Độ dày nẹp 2,5 mm, phân biệt phải trái, chiều dài nẹp: 60mm (± 1 mm) đến 80mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		các cỡ, dày 2,5mm				(±1mm).			
132	G3.572	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài các loại, titanium	Cái	33	9	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 4mm, độ rộng 14mm, khoảng cách giữa các lỗ: 20mm. Số lỗ đầu: 4 lỗ, lỗ thân từ 7-15 lỗ, tương ứng với chiều dài từ ≤80 - ≥240mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nòng 4,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
133	G3.573	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày mặt trong các loại, titanium	Cái	9	2	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,2mm, độ rộng 14,2mm, số lỗ đầu 3 lỗ, số lỗ thân 3-10 lỗ tương ứng với chiều dài từ ≤68 - ≥180mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nòng 4,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
134	G3.574	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu dưới xương chày mặt trong các loại, titanium	Cái	7	2	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,6mm, độ rộng 13,7mm, số lỗ đầu 8 lỗ, số lỗ thân 4-14 lỗ tương ứng với chiều dài từ ≤116 - ≥246mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nòng 4,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
135	G3.575	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu	Cái	7	2	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Nẹp mặt ngoài: Độ dày 4mm, độ rộng 14mm. Số lỗ đầu: 4 lỗ, lỗ thân từ 5-15 lỗ, tương ứng với chiều	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		dưới xương chày mặt trước ngoài các loại, titanium				dài từ ≤ 117 - ≥ 277 mm - Sử dụng vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rỗng nòng 4,0mm			
136	G3.579	Vít khóa xóp rỗng nòng cho nẹp đa hướng, đường kính 4.0mm, các loại, Vật liệu titanium	Cái	8	-	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 4,0mm - Đường kính thân: 3,0mm - Đường kính nòng 1,1mm. - Sử dụng mũi khoan rỗng 3,0/3,5mm - Độ dài từ ≤ 32 - ≥ 88 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
137	G3.576	Vít xương cứng đường kính 3,5mm, toàn ren, tự tào, Vật liệu titanium	Cái	14	4	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,4mm - Độ dài từ ≤ 10 - ≥ 60 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
138	G3.577	Vít khóa đường kính 3,5mm dùng cho nẹp đa hướng, tự	Cái	561	168	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,7mm - Độ dài từ ≤ 10 - ≥ 80 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		taro các loại, Vật liệu Titanium							
139	G3.578	Vít khóa đa hướng 3,5mm, cho nẹp khóa đa hướng, tự taro, Vật liệu Titanium	Cái	339	101	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng, biên độ 10 độ - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,7mm - Độ dài từ ≤ 10 - ≥ 80mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
140	G3.570	Nẹp khóa đa hướng nén ép bản nhỏ, dày 3,2/3,8/4,0 các loại, titanium	Cái	42	12	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày có 3 loại: 3,2; 3,8 và 4,0 mm, độ rộng tương ứng từ 10,5; 12; 14 mm, chiều dài tương ứng ≤ 60 - ≥ 215mm, ≤ 51-≥ 205mm, và ≤ 51-≥ 205mm, khoảng cách giữa các lỗ: 13mm. - Sử dụng với vít khóa và vít thường 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
141	G3.571	Nẹp khóa đa hướng xương đòn tái tạo mặt các loại, Titanium	Cái	4	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,2mm. độ rộng 11mm. - Số lỗ thân 6,7,8 lỗ, tương ứng với chiều dài từ $\leq 103,2$-$\geq 122,5$mm - Sử dụng với vít khóa và vít thường 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
142	G3.308.1	Nẹp khóa titanium chữ L trái, phải các cỡ	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp: tối thiểu 1,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 11,7 ($\pm 0,2$mm) mm, bề rộng phần thân nẹp 5,0 mm ($\pm 0,1$mm), số lỗ phần đầu nẹp 2 lỗ, số lỗ trên 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						thân nẹp từ 3-5 lỗ, độ dài từ 28mm (± 1 mm) đến 40mm (± 1 mm), phân biệt trái/phải, khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 6,0mm.			
143	G3.599	Vít nén ép 2,0 mm, các cỡ, titan	Cái	38	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 2,0 mm, đường kính lõi vít 1,5mm ($\pm 0,2$ mm), đường kính mũ vít tối thiểu 4,0mm, chiều dài vít từ 6mm (± 1 mm) đến 42mm (± 2 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
144	G3.297.1	Nẹp khóa titanium chữ T các loại các cỡ	Cái	4	-	- Chất liệu Titanium. - Đầu 2 lỗ, độ dày nẹp 1,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 12,4 mm ($\pm 0,2$ mm), bề rộng phần thân nẹp 5,0 mm ($\pm 0,1$ mm) - Số lỗ trên thân từ 3-4 lỗ, độ dài từ 30-35 (± 1 mm).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
145	G3.352	Nẹp mini mu bàn tay, các loại, các cỡ, titan	Cái	2	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 1,5 mm, bề rộng nẹp tối thiểu 5,0 mm, có từ 5-8 lỗ, độ dài từ 25mm (± 2 mm) đến 40 mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ phần thân nẹp tối thiểu 5,0mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
146	G3.351	Nẹp mini thẳng, các loại, các cỡ, titan	Cái	2	-	- Chất liệu titanium. - Độ dày nẹp 1,0 mm ($\pm 0,2$ mm), bề rộng phần thân nẹp tối thiểu 5,0 mm, số lỗ: 3/4/5/6 lỗ, độ dài từ 16 (± 1 mm) đến 35mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 6,0mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
147	G3.565	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay trái/phải các loại,	Cái	71	21	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Dày 2mm, rộng 22mm, loại 3 dày 2,3mm, rộng 25,5 mm. - Số lỗ đầu 7 lỗ, số lỗ thân từ 2-5 lỗ tương ứng dài từ ≤ 54 - ≥ 81 mm, trái/phải riêng biệt - Sử dụng với vít khóa đa hướng. vít khóa và vít	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		tanium				thường 2,4 và 2,7mm			
148	G3.566	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương trụ trái/phải các loại, titanium	Cái	7	2	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium nguyên chất - Dày 2,3mm, rộng 6,5mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm - Số lỗ: 6,7 lỗ tương ứng với chiều dài 57 và 66mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa và vít thường 2,4 và 2,7mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
149	G3.567	Vít khóa đa hướng 2,7mm, cho nẹp khóa đa hướng, tự taro, titanium	Cái	306	91	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng, biên độ 10 độ - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 2,1mm - Độ dài từ ≤ 6 - ≥ 40mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
150	G3.568	Vít khóa đường kính 2,7mm dùng cho nẹp đa hướng, tự taro các loại, titanium	Cái	306	91	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 2,1mm - Độ dài từ ≤ 6 - ≥ 60mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
151	G3.569	Vít xương cứng đường kính 2,7mm, toàn ren, tự	Cái	121	36	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 1,9mm - Độ dài từ ≤ 6 - ≥ 40mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		taro, titanium							
152	G3.426	Nẹp khóa thẳng dùng vít 2,0mm, chất liệu titan	Cái	33	9	- Chất liệu titanium - Số lỗ từ 4 đến 8 lỗ, bước tăng 1 lỗ - Chiều dày nẹp 1,3mm, chiều rộng nẹp 5,0mm, độ dài $\leq 32\text{mm}$ - $\geq 58\text{mm}$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
153	G3.560	Nẹp khóa thẳng, vít 1,5mm, chất liệu titanium	Cái	9	2	- Chất liệu titanium - Gồm các cỡ 4 và 6 lỗ. - Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm. chiều dài nẹp $\leq 23\text{mm}$ và $\geq 36\text{mm}$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
154	G3.561	Nẹp khóa chữ Y, vít 1,5mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	10	-	- Chất liệu titanium - Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân: 8 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm $\pm 3\%$, chiều dài nẹp 46mm $\pm 3\%$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
155	G3.562	Nẹp khóa chữ Y, vít 2,0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	33	9	- Chất liệu titanium - Có 3 lỗ đầu và 7 lỗ thân. Độ dày nẹp 1,3mm, chiều rộng 5,0mm $\pm 3\%$, chiều dài nẹp 55mm $\pm 3\%$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
156	G3.563	Vít khóa đường kính 1,5mm, chất liệu titanium các	Cái	46	-	- Chất liệu titanium Alloy - Vít tự taro, mũ vít hình sao - Đường kính 1,5mm, đường kính lõi vít 1,1mm. Chiều dài trong khoảng từ ≤ 6 - $\geq 24\text{mm}$ - Sử dụng với hệ thống nẹp khóa 1,5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cỡ							
157	G3.564	Vít khóa đường kính 2,0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	542	162	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium Alloy - Vít tự taro, mũ vít hình sao. - Đường kính 2,0mm, đường kính lõi vít 1,4mm. Chiều dài từ ≤ 6 - ≥ 30mm - Sử dụng với hệ thống nẹp khóa 2,0mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
158	G3.476	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	Cái	1.848	554	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu đốt tích hợp 3 chức năng trong 1 (dẫn đường/công bơm thuốc riêng biệt có tối thiểu 3 chế độ đốt RF, PRF và STP Pulsed RF). Chiều dài có tối thiểu 04 cỡ trong khoảng 60mm - 200mm, đường kính có tối thiểu 04 cỡ trong khoảng 20G-23G. Kim có các chế độ kích thích dây thần kinh cảm giác và vận động. + Chế độ đốt: đơn cực, lưỡng cực và đa cực. + Tích hợp dây cáp điện kết nối đến máy đốt. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
159	G3.477	Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần dùng cho xương khớp	Cái	33	9	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính các loại từ 20G đến 22G, phủ Teflon hoặc tương đương, chiều dài 54mm/100mm/145mm, phân tỏa nhiệt tại đầu kim các loại 2/4/5/10/15mm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
160	G3.733.1	Đầu đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống	Cái	440	132	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40-70 độ - Chất liệu cách điện trên đầu là gốm sứ để đảm bảo an toàn - Góc nghiêng của lưỡi cắt đốt: ≤ 90 độ - Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công							
161	G3.733.2	Đầu đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡii đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống hai công	Cái	440	132	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40-70 độ - Đường kính đầu khoảng 2,8mm, chiều dài làm việc $\leq 135\text{mm}$ - Đầu lưỡii đốt uốn được khoảng 28 độ, điều khiển trực tiếp trên tay cầm. - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
162	G3.733.3	Đầu đốt sóng cao tần Plasma, đầu lưỡii hình móc câu dùng trong nội soi cột sống hai công	Cái	44	13	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40-70 độ C - Đường kính đầu đốt $\leq 3,8\text{mm}$, chiều dài làm việc $\leq 120\text{mm}$ - Đầu lưỡii cắt đốt hình móc câu - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
163	G3.733.4	Đầu đốt sóng cao tần Plasma đường kính thân đốt khoảng	Cái	44	13	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40 - 70 độ C - Đường kính ngoài $\leq 1,6\text{mm}$, chiều dài làm việc $\leq 85\text{mm}$ - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		1,6mm dùng trong nội soi cột sống hai công							
164	G3.733.5	Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	440	132	<ul style="list-style-type: none"> - Có 02 đầu kết nối hệ thống tưới với 02 kẹp bấm, chiều dài $\geq 1,5m$ - Có 01 đầu kết nối Luer-Lock với 01 kẹp bấm, chiều dài $\geq 3,0m$ - Sử dụng một lần, chất liệu không chứa latex - Đóng gói trong bao bì kép vô trùng bằng Ethylene Oxide 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
165	G3.733.6	Mũi khoan xương các cỡ dùng cho nội soi	Cái	440	132	<ul style="list-style-type: none"> + Mũi khoan mài thiết kế dùng trong nội soi cột sống 2 công + Đầu mũi khoan mài hình cầu, có loại mũi có rãnh và loại mũi kim cương, có 2 loại đầu bảo vệ khác nhau. + Đường kính mũi có các cỡ 3, 4 mm + Chiều dài làm việc 100, 130, 160mm + Tốc độ tối đa ≥ 20.000 vòng/phút + Mũi khoan mài có thể được khóa tại 16 vị trí khác nhau + Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
166	G3.733.7	Bộ khăn phẫu thuật nội soi	Bộ	440	132	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ khăn bao gồm: 01 khăn trải bàn dụng cụ, kích thước $\geq 140 \times 200cm$ 04 khăn thấm, kích thước $\geq 30 \times 40cm$ 01 bao kính chắn chì, kích thước $\geq 75 \times 100cm$ 01 bao chụp đầu đèn, kích thước $\geq 60 \times 60cm$ 01 khăn chụp, kích thước $\geq 240 \times 410cm$ 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Thiết kế có túi chứa dịch - Tiết trùng EO, sử dụng một lần.			
167	G3.673	Dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống	Cái	220	66	Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, chất liệu PVC DEHP-free. Ống dẫn được trang bị cổng UF để kết nối với ống bệnh nhân và một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới được kiểm soát bằng áp suất. Đầu vào kết nối bằng hai đầu nhọn. Có hai khóa kẹp đầu nước vào và 1 khóa kẹp đầu xả, áp suất được kiểm soát bằng ống đo áp suất kết nối với máy bơm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
168	G3.674	Bộ kim định vị	Bộ	66	19	Gồm 03 doa: màu xanh lục đường kính $\leq 5,0$ mm, màu vàng đường kính 6,5 mm và màu đỏ đường kính $\geq 7,5$ mm Kim chọc 18 G và 21 G, có tối thiểu 04 xy lanh, 02 dây dẫn đường, 01 bút đánh dấu, 03 đĩa, 02 nút bịt, 01 dao. Có 02 kích thước mũi kim: màu xanh $\leq 4,0$ mm và màu tím $\geq 8,5$ mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
169	G3.675	Mũi khoan rãnh khế	Cái	44	13	Mũi khoan (mài) hình rãnh khế loại dùng một lần, đường kính 3,5mm, chiều dài làm việc từ ≤ 235 mm đến ≥ 310 mm, tổng chiều dài từ ≤ 270 mm đến ≥ 355 mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
170	G3.676	Mũi khoan tròn kim cương dùng cho nội soi cột sống	Cái	176	52	Mũi khoan đầu kim cương, đầu tròn. Thân dài từ 250mm - 270mm, đường kính ngoài từ 2,0mm - 4,0mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
171	G3.677	Đầu đốt bằng sóng	Cái	220	66	Lưỡi (dao) cắt, đốt sử dụng trong phẫu thuật cột sống bằng sóng RF, loại dùng 1 lần. Sử dụng để bào	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		radio cao tần				mô vụn, làm sạch bọt khí và cầm máu cùng một lúc với nhiệt độ thấp cho phép tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh. Đầu dao đốt uốn được tùy thuộc vị trí bào, có thể được kích hoạt bằng phím trực tiếp trên tay cầm. Đường kính đốt 2,3mm, chiều dài làm việc 38cm, chiều dài của phần đầu khi uốn tối đa là 1,8cm, phần đầu đốt có thể uốn được góc 12 độ.			
172	G3.679	Bộ phụ kiện dành cho nội soi cột sống	Bộ	220	66	Dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống, kích thước 320x240cm, phần rạch có kích thước 60x30cm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
173	G3.165.1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi chạy máy, có hộp điều khiển	Cái	1.210	363	Dây sử dụng cho máy bơm nước. Chất liệu: plastic. Lưu lượng nước lên tới 2,5l/phút, có hộp điều khiển. Tổng chiều dài 2 dây: 5,3m. Có đường nước vào và ra.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
174	G3.166.1	Lưỡi bào mòn sụn khớp, đk 3,5, 4,5 và 5,5mm, thiết kế rỗng nòng	Cái	1.103	330	Lưỡi bào dùng trong nội soi khớp, thiết kế rỗng nòng, có mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính tối thiểu có 3 loại: 3,5mm; 4,5mm; 5,5mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
175	G3.180.1	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	139	41	Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All-Inside hoặc tương đương. Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK và nút chỉ số 0 buộc sẵn không tiêu chất liệu UHMW polyethelene	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
176	G3.517	Dụng cụ cắt	Cái	2	-	Dùng để đẩy, cắt chỉ ở bên trong ổ khớp sau khi	Không	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		chỉ sụn chêm các loại				khâu và thắt nút. Dạng thẳng	yêu cầu	y tế	
177	G3.168	Đầu đốt trong khớp loại thường	Cái	1.136	340	Đầu đốt lưỡng cực dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Tạo plasma dày ≤ 100 đến $\geq 200\mu\text{m}$. Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại. Có đường hút nước. Đường kính mũi 5,25mm. Đường kính phần thân 3,75mm. Đầu mũi nghiêng 90 độ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
178	G3.169.1	Đầu đốt trong khớp bằng sóng radio, bề mặt điện cực lớn, phủ plasma	Cái	7	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu đốt lưỡng cực dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. - Tạo plasma dày ≤ 100 đến $\geq 200 \mu\text{m}$, giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh - Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại - Có cảm biến theo dõi nhiệt độ chất lỏng trong khớp - Đường kính mũi 5,25mm - Đường kính phần thân 3,75mm - Độ chính xác nhiệt độ ± 3 độ C - Đầu mũi nghiêng 90 độ 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
179	G3.167.1	Lưỡi bào (mài) xương các cỡ, đk 4,0/5,5mm, thiết kế rỗng nòng	Cái	220	66	Lưỡi mài xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, thiết kế rỗng nòng, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính tối thiểu có 2 loại: 4,0mm, 5,5mm. Tốc độ tối đa 8.000 vòng/phút.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
180	G3.172.1	Trocar dùng trong nội soi khớp các cỡ, tích hợp khóa ba lớp	Cái	337	101	Ống trocar nhựa. Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4,5; 5,5; 6,5; 7,0; 8,5mm. Chiều dài 45, 55, 72, 90mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
181	G3.515	Dụng cụ khâu (cây đẩy chỉ)	Cái	16	-	Cây đẩy luồn chỉ. Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái $\geq 45^\circ$, cong phải $\geq 45^\circ$, uốn lên trên $\geq 45^\circ$, uốn lên trên $\geq 70^\circ$, hình lưỡi liềm. Vô trùng, sử dụng một lần. Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. Kèm chỉ #1 Monoflament dài 48" hoặc tương đương	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
182	G3.516	Kim lưỡi gà	Cái	60	18	Kim lưỡi gà dùng cho súng khâu chóp xoay. Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
183	G3.292.1	Vít chỉ neo đóng sụn, chất liệu PLLA phủ HA, kèm 2 chỉ siêu bền	Cái	49	14	<ul style="list-style-type: none"> - Vít được kết nối sẵn với tay - Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng - Kèm hai chỉ siêu bền - Đường kính $\geq 2,9$ mm, đường kính ngoài $\geq 3,7$ mm, dài $\geq 11,5$mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
184	G3.185.1	Vít chỉ tự tiêu các cỡ, chất liệu PLLA phủ HA, kèm 2-3 sợi chỉ siêu bền	Cái	872	261	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khóa ở đầu gần chống bật neo. - Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng - Kèm hai hoặc ba sợi chỉ siêu bền - Đường kính 4,5mm tương ứng chiều dài $\geq 18,7$mm, đường kính 5,5mm, 6,5mm tương ứng chiều dài $\geq 19,2$mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
185	G3.186.1	Vít chỉ chất liệu PEEK - OPTIMA, neo đóng với ren hình ngành mọc ngang	Cái	704	211	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiệt trùng. Thiết kế neo đóng với ren hình ngành mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4,5mm và 5,5mm tương ứng đường kính 5,8mm±0,1mm và 6,7mm±0,1mm. Chiều dài bung tương ứng 20,4mm±0,1mm và 20,8mm±0,1mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
186	G3.171.1	Chi siêu bền dùng trong nội soi khớp các cỡ, chất liệu UHMW polyethylen e	Cái	682	204	Chi không tiêu số 2 kèm kim. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene hoặc tương đương. Chiều dài 38 Inch. Màu sắc: trắng và trắng bên xanh. Đã tiệt trùng.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
187	G3.170.6	Mũi khoan dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng nòng (gồm: 01 mũi khoan dẫn đường, 01 mũi khoan ngược và 01 cây rút chỉ)	Bộ	128	38	- Mũi khoan ngược rỗng nòng, sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside - Một bộ bao gồm: 1 Mũi khoan dẫn đường $\geq 2,4\text{mm}$ 1 Mũi khoan ngược Khoan tiến tạo đường hầm đường kính thân $\geq 4,9\text{mm}$, lưỡi cắt có thể mở ra đóng vào, khoan ngược tạo đường hầm đường kính 5,5mm - 12mm, bước tăng 0,5mm, có ống đo chiều dài đường hầm xương. 1 Cây rút chỉ.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
188	G3.175.5	Vít cố định dây chằng tự tiêu, chất	Cái	20	6	Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: $\leq 6\text{mm}$ đến $\geq 11\text{mm}$. gồm tối thiểu các chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75%	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		liệu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite (HA)				poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA)			
189	G3.177.1	Vít cố định mảnh ghép dây chằng, chất liệu titanium và Polyester	Cái	14	-	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước nẹp: dài ≤ 12mm, rộng ≤ 4mm dày ≥ 2mm; 4 lỗ - Chất liệu chốt: titanium màu vàng - Chỉ kéo màu trắng số 5, chỉ lật màu xanh số 5. - Chiều dài vòng treo gân từ: ≤ 10 đến ≥ 60 mm - Chất liệu: Chốt làm bằng titanium màu vàng, vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester đường kính 5mm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
190	G3.177.7	Vít cố định mảnh ghép dây chằng với cơ chế khóa bên trong, tối đa gân và tối thiểu lực siết	Cái	715	214	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium màu xanh dương - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ ≤ 10 đến ≥ 105 mmm - Đường kính chỉ vòng loop: 1,5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester #2 duy nhất để kéo và lật - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
191	G3.182.1	Vít neo cố định dây chằng chéo sử dụng	Cái	5	1	Vít chốt cố định dây chằng. Chất liệu Titanium. Thiết kế hình tròn hoặc oval. Tối thiểu 3 cỡ tương ứng với đường hầm trong khoảng 4-7mm, 7,5-9,5mm, 10mm trở lên, tối thiểu 02 cỡ có phần chốt	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		trong kỹ thuật All inside				dài 3mm nằm trong đường hầm, đường kính từ ≤ 15 mm đến ≥ 20 mm, bề dày từ ≤ 3 mm đến $\geq 4,5$ mm, tối thiểu 02 cỡ có bề dày vành $\geq 1,75$ mm			
192	G3.644	Nẹp sọ tròn	Cái	157	47	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim Titanium - Nẹp hình tròn có tối thiểu 6 lỗ khoan - Đường kính nẹp tối thiểu 2 cỡ $\varnothing 14,5\text{mm} \pm 5\%$; $\varnothing 22\text{mm} \pm 5\%$ - Bề dày nẹp 0,5mm - Sử dụng vít 1,6mm hoặc 2,0mm - Đạt tiêu chuẩn FDA 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
193	G3.456	Lưới vá sọ titan cỡ 90x90mm	Miếng	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận, kích cỡ 90 x 90mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 1,6 mm - Bề dày bản 0,7mm $\pm 5\%$ - Tiêu chuẩn FDA 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
194	G3.457	Lưới vá sọ titan cỡ 161x187mm	Miếng	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận, kích cỡ 161 x 187mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 1,6 mm - Bề dày bản 0,6mm $\pm 5\%$ - Tiêu chuẩn FDA 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
195	G3.458	Lưới vá sọ titan cỡ 150x150mm	Miếng	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 - Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn tròn, kích cỡ 150 x 150mm - Dùng hệ thống vít tự khoan đường kính 2,0mm - Bề dày bản 0,8mm $\pm 5\%$ - Tiêu chuẩn FDA và CE 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
196	G3.455	Vít sọ não	Cái	498	149	- Chất liệu hợp kim Titanium	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 1,6mm/2,0mm chiều dài vít tối thiểu 3 cỡ từ ≤ 4 đến ≥ 6mm - Vít tự khoan - Đầu vít hình chữ thập - Đạt tiêu chuẩn FDA 		y tế	
197	G3.262.1	Vít titan các cỡ dùng cho miếng vá sọ	Cái	238	71	<ul style="list-style-type: none"> - Vít dùng trong phẫu thuật sọ não – hàm mặt - Đường kính: 2,0 mm - Chiều dài: tối thiểu 4 cỡ, dài từ ≤ 4mm đến ≥ 7 mm - Nguyên liệu: Titanium, bước ren dài 0,75 mm \pm 5% - Khe vặn vít chữ thập: Kích thước dài \times rộng \times sâu: 3,0 mm \times 0,9 mm \times 0,55 mm - Tương thích: Dụng cụ hệ vít mini 2,0 mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
198	G3.371.1	Miếng vá sọ titan 3D cỡ 200x200x0,6mm	Miếng	5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 200x200x0,6mm - Sử dụng vít đường kính 2.0 mm. - Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y", có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng chìm, khoảng cách lỗ vít: 6 mm. - Vật liệu: Titanium loại 2 - Lưới được đánh dấu và chia khu vực vá sọ bằng in laser thành các khu vực: vùng thái dương, vùng trán, vùng đỉnh, vùng chẩm, kèm dịch vụ uốn tạo hình 3D. - Thời gian tạo hình: tối đa 24 giờ kể từ khi nhận được dữ liệu CT/MRI. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
199	G3.691	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua	Bộ	557	167	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 bộ Bơm áp lực đẩy xi măng: Có thể điều chỉnh</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		da không bóng loại kim cong đi kim một bên				<p>áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại.</p> <p>2. 01 gói xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C ngăn làm chết mô xương, tự cứng với nồng độ chất phản quang cao cho phép trực quan hóa hoàn hảo. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn để nhồi.</p> <p>3. 01 cái kim chọc dò thân đốt sống: Thiết kế mũi kim 3 cạnh, côn luer tiêu chuẩn, khóa chống xoay. Có các chiều dài tối thiểu 6 cỡ từ $\leq 100\text{mm}$ đến $\geq 190\text{mm}$ tương ứng với các đường kính kim rỗng nòng bên ngoài tối thiểu 6 cỡ từ $\leq 3,0\text{mm}$ đến $\geq 4,2\text{mm}$, đường kính bên trong tối thiểu 6 cỡ từ $\leq 2,1\text{mm}$ đến $\geq 3,7\text{mm}$.</p> <p>4. 01 cái kim bơm xi măng cong rỗng nòng chất liệu PEEK: Phần kim cong dài 23mm, đường kính ngoài 2,8mm, đường kính trong 2,2mm.</p>			
200	G3.719	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng sử dụng xi	Bộ	396	118	<p>Yêu cầu chào chi tiết đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. 02 cái Kim chọc dò cuống sống 11G, gồm vỏ và nòng. Kim có chiều dài hoạt động $120\pm 5\text{mm}$, chiều dài toàn bộ $170\pm 5\text{mm}$. Hai kim đóng vô trùng kèm một kim khoan.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		măng độ nhớt cao				<p>2. 02 cái Bóng nong thân đốt sống áp lực tối đa 27ATM/400 PSI.</p> <p>3. 02 cái Bơm bóng dùng đồng hồ dạng analog.</p> <p>4. 06 cái Kim chọc bơm xi măng dài 180±5mm, gồm vỏ và nòng, vỏ có đường kính ngoài và đường kính trong lần lượt là: 3,00mm và 2,15mm, nòng có đường kính 2,0mm. Đi kèm là xi lanh dung tích 2,5ml.</p> <p>5. 01 Bộ trộn xi măng bao gồm: 01 bộ trộn dạng tay quay, 01 phễu rót. Dung tích ≥ 40cc/40 g xi măng</p> <p>6. 01 gói Xi măng sinh học cột sống độ nhớt cao, bao gồm:</p> <p>- Bột xi măng ≥26g , dung môi ≥ 10ml</p>			
201	G3.696	Xương nhân tạo có thể pha kháng sinh	Hộp	22	6	<p>Cấu tạo từ canxi sulfat tinh thể hóa</p> <p>Thời gian sử dụng với Vancomycin: khoảng 2-5 phút, sử dụng với Gentamicin: khoảng 3-5 phút, sử dụng với Tobramycin: khoảng 5-15 phút.</p> <p>Đóng gói: Bột, dung dịch, thìa và dụng cụ hỗ trợ tạo hình hạt cho các kích thước hạt tối thiểu 3 cỡ từ ≤3mm đến ≥6mm.</p>	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
202	G3.695	Bộ khớp háng toàn phần không xi kiểu đa trục linh động	Bộ	88	26	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titan được phủ cả Titanium plasma và HA. Đáy ổ cối có chốt chống xoay. Kích cỡ tối thiểu 14 cỡ từ ≤ 45mm đến ≥ 70mm.</p> <p>2. Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum alloy</p> <p>3. Lớp đệm xoay Liner phủ bột titanium và HA bên</p>	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>ngoài và bề mặt bên trong được đánh bóng.</p> <p>4. Lót đệm Crosslinked UHMWPE, có đường kính trong 22/28mm và đường kính ngoài 34/38/41/45mm</p> <p>5. Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan kích thích mọc xương. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có tối thiểu 13 kích thước (size): từ ≤0 đến ≥12 với chiều dài cả chuôi tương ứng từ ≤128mm đến ≥163mm, chiều dài đoạn phủ xốp từ ≤54mm đến ≥76mm. Loại cổ offset Standard dài từ ≤35,6mm đến ≥50,5mm, chiều cao cổ chuôi tối thiểu 5 cỡ từ ≤11,4mm đến ≥16,1mm, chiều dài cổ chuôi tối thiểu 5 cỡ từ ≤35,7mm đến ≥43,6mm.</p> <p>6. Vít bắt ổ cối cỡ tối thiểu 8 cỡ từ ≤15mm đến ≥40mm, chất liệu Ti6Al4V, đường kính 6,5mm</p>			
203	G3.728	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài, ổ cối chuyển động đôi	Bộ	7	2	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lót đệm (liner): Lót đệm chuyển động đôi. Vật liệu: Polyethylene. Kích cỡ: ≤46mm đến ≥60mm.</p> <p>2. Ổ cối: Bề mặt ngoài được phủ 2 lớp bằng phương pháp áp lực chân không: lớp bên dưới phủ titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite, bên ngoài ổ cối có ≥ 10 đỉnh cố định chống lật và xoay. Vật liệu: Hợp kim Cobalt- Chromium-molybdenum alloy hoặc tương đương. Kích cỡ: ≤46mm đến ≥60mm.</p> <p>3. Đầu xương đùi: Thép không gỉ. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22,2mm: có các size: -2; 0; +3, 12/14</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						đường kính 28mm: có các size: -3,5; 0; +3,5. 4. Chuôi xương đùi: Góc cổ chuôi $\leq 135^\circ$, cổ xương đùi có gờ. Vật liệu: hợp kim Ti-Al-V, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14 - 5 độ 40 phút, hình ê-líp. Chuôi các cỡ từ ≤ 12 đến ≥ 16 (tối thiểu 3 cỡ: 12, 14, 16). Chuôi có 2 lỗ bắt vít, tùy chọn vít khóa và vít điều chỉnh. Vít khóa đường kính $\leq 5,5\text{mm}$, dài ≤ 28 đến $\geq 55\text{mm}$; Vít điều chỉnh đường kính $\leq 5,5\text{mm}$, dài ≤ 30 đến $\geq 35\text{mm}$.			
204	G3.729	Khớp háng bán phần không xi măng, phủ HA plasma	Bộ	22	6	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu Hợp kim Titanium, bề mặt chuôi được hoàn thiện bằng lớp phủ kép $300\mu\text{m}$ Titanium tinh khiết và $50\mu\text{m}$ Hydroxyapatite với công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 12 cỡ, chiều dài chuôi từ 108,3mm đến 163,2mm. Góc cổ chuôi $127^\circ/135^\circ$ với offset trong từ 38,7mm đến 52,7mm và chiều dài thân cổ nằm trong từ 38,9mm đến 50,0mm. 2. Chỏm khớp: Vật liệu CrCo đường kính đầu $\varnothing 28\text{mm}$ (-3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Chỏm bán phần: Vật liệu kim loại kích cỡ từ 39mm đến 60 mm, bước tăng 1mm; có 22 cỡ. Lót đầu chỏm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có 4 cỡ tương ứng. Có thể sử dụng chỏm 28mm cho mọi kích cỡ đầu chỏm. Mã màu của nhãn cho phép xác định sự kết hợp vỏ/lớp lót phù hợp.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
205	G3.752	Bộ khớp	Bộ	3	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		háng toàn phần không xi măng chỏm Ceramic on Crosslinked, phủ HA toàn bộ				<p>thành lên bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối không xi măng, có 3 lỗ bắt vít, lỗ có nút chặn giúp bịt kín lỗ khi không sử dụng. Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. Lót ổ cối chất liệu Crosslinked X-HDPE. Kích thước phù hợp với ổ cối có đường kính từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. Có gờ chống trượt. Chỏm khớp chất liệu Ceramic, hai loại 32 và 36mm. Cổ côn: 12/14. Chuôi khớp háng không xi măng phủ HA toàn bộ. Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ ≤ 127 đến ≥ 163mm. Góc cổ chuôi 135 độ. Vít ổ cối Chất liệu TiAl6V4, Tụ taro. Đường kính 6,5mm, chiều dài từ ≤ 15 đến ≥ 60mm. 		y tế	
206	G3.749	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài liền khối, phủ HA toàn bộ	Bộ	10	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chỏm khớp bán phần: Kích thước đường kính trong khoảng từ ≤ 38 đến ≥ 60mm. Cổ chỏm khớp: 22/28mm Chỏm khớp 22/28mm: Vật liệu: CoCrMo. Cổ côn: 12/14. Kích thước: Chỏm 22 có tối thiểu 3 cỡ S, M, L. chỏm 28 có tối thiểu 5 cỡ: S, M, L, XL, XXL Chuôi dài phủ HA toàn bộ. Chất liệu TiAL64V. Lớp phủ bề mặt HA. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ ≤ 170mm đến ≥ 215mm. Góc cổ chuôi ≤ 127 độ. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
207	G3.750	Bộ khớp háng toàn	Bộ	3	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		phần không xi măng thay lại, chuỗi dài phủ HA toàn bộ				<ol style="list-style-type: none"> Ổ cối không xi măng, có 3 lỗ bắt vít, lỗ có nút chặn giúp bịt kín lỗ khi không sử dụng. Chất liệu: TiAl6V4. Bề mặt dạng thô nhám. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. Lót ổ cối chất liệu Crosslinked X-HDPE. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. Có gờ chống trượt. Chòm khớp chất liệu CoCrMo, hai loại 32 và 36mm. Cổ côn 12/14 Chuỗi dài phủ HA. Chất liệu Ti6Al4V. Lớp phủ bề mặt HA. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuỗi từ ≤ 170 đến ≥ 215mm. Góc cổ chuỗi 127 độ. Vít ổ cối Chất liệu TiAl6V4, Tụ taro. Đường kính 6,5mm, chiều dài từ ≤ 15 đến ≥ 60mm. 			
208	G3.760	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài dạng mô đùn	Bộ	2	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chòm kép: Chất liệu bên ngoài bằng CoCrMo hoặc tương đương, bên trong bằng nhựa cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương, tối thiểu 20 cỡ từ ≤ 40 đến ≥ 60mm Chòm: Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương, đường kính 22,2mm và 28mm, cổ đầu 12/14, tối thiểu 4 cỡ Cổ xương đùi: Dạng mô đùn, tùy chỉnh 360 độ, tối thiểu 3 loại: có cánh, không cánh và nghiêng chéo, mỗi loại có tối thiểu 3 kích cỡ, chiều dài từ ≤ 50 đến ≥ 70mm Chuỗi không xi măng: Dạng mô đùn, chất liệu hợp kim titan hoặc tương đương, dài 200 mm, cong, thiết kế dạng hoa khê, đường kính từ ≤ 13 đến 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>≥34mm (bước tăng 1mm)</p> <p>5. Vít chốt: chất liệu hợp kim titan phủ gốm TiN coating hoặc trong đơng, dùng để cố định phần cổ và thân xương đùi dạng mô đụn, sử dụng dụng cụ đo lực</p>			
209	G3.344.1	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 2 bóng kép)	Bộ	374	112	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 02 kim chọc dò cuống sống (taro) ≥7G, đường kính ≥3,6mm.</p> <p>2. 01 gói xi măng sinh học gồm: + ≥ 24 g bột gồm (Poly MMA, Poly MA, MMA, Zirconium dioxid, Benzoyl peroxid). + ≥ 10 ml dung dịch pha gồm (MMA, Dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone)</p> <p>3. 06 kim chọc bơm xi măng độ dài 25cm, thể tích 1,5ml.</p> <p>4. 02 bộ bóng nong kép cỡ (2x8)mm kèm đồng hồ đo áp lực từ 0 Bar đến 30 Bar.</p> <p>5. 01 cái bơm áp lực đẩy xi măng từ 0ml đến ≥ 35ml.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
210	G3.344.3	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	Bộ	594	178	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 02 cái Bóng nong thân đốt sống: Bóng nong, thể tích bóng lần lượt 3ml/4ml/6ml tương ứng với các size 10mm/15mm/20mm. Áp suất của bóng nong ≥400 psi. Trên đầu bóng có điểm đánh dấu để quan sát qua màn tăng sáng kèm 02 bơm áp lực đẩy tay cầm dạng chữ T, thể tích xilanh ≥20 ml.</p> <p>2. 02 cái Kim chọc dò qua đốt sống, cán nhựa, cỡ</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>≤11G, dài ≥12,5 cm, kim là loại vào cuống trực tiếp.</p> <p>3. 01 cái Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống dạng mũi khoan dài ≥19 cm, đóng tiết trùng.</p> <p>4. 06 cái Kim chọc bơm xi măng vào thân đốt sống chiều dài ≥19,5cm, dung tích chứa được ≥1,5cc xi măng.</p> <p>5. 01 cái Kim chọc sinh thiết xương đường kính ≤15G, dài ≥19cm.</p> <p>6. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng loại có tay quay, dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml.</p> <p>7. 01 gói xi măng gồm: 01 gói xi măng có độ nhớt thấp (low viscosity), khối lượng xi măng ≥20g (Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm ≥10ml dung dịch pha (Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone).</p>			
211	G3.690	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua da có bóng loại bóng cong đi kim một bên	Bộ	308	92	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 bộ Bơm áp lực đẩy xi măng. Có thể điều chỉnh áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại;</p> <p>2. 01 gói Xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C ngăn làm chết mô xương, tự cứng với nồng độ chất phản quang cao cho phép trực quan hóa hoàn hảo. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn để nhồi.</p> <p>3. 01 cái Bóng nong dạng cong, chiều dài bóng có tối thiểu 3 cỡ từ $\leq 18\text{mm}$ đến $\geq 26\text{mm}$, đường kính bóng nong 3,2mm, chiều dài ống ngoài $235 \pm 10\text{mm}$, dung tích định mức bóng: 4ml và 6ml, dung tích bơm phòng tối đa: 7ml và 9ml.</p> <p>4. 01 cái Xi lanh bơm phòng bóng đo áp lực bằng đồng hồ hiển thị Analog, dung tích 20ml, chịu được áp xuất tối đa 30ATM.</p> <p>5. 01 cái Kim chọc dò dài 130mm, đường kính ngoài 4,2mm, đường kính trong 3,7mm.</p> <p>6. 01 cái Kim chọc khoan dạng cong: dài $162 \pm 5\text{mm}/166 \pm 5\text{mm}$, đường kính $3,8 \pm 0,3\text{mm}$.</p> <p>7. 01 cái Kim chọc bơm xi măng dạng cong chất liệu PEEK: có đường kính ngoài 3,5mm, đường kính trong 2,9mm, phần kim cong dài có tối thiểu 3 cỡ từ $\leq 22\text{mm}$ đến $\geq 26\text{mm}$, tổng chiều dài phần kim là $161 \pm 5\text{mm}/165 \pm 5\text{mm}$</p>			
212	G3.717	Bộ bơm xi măng cột sống loại không bóng sử dụng xi măng độ nhớt cao	Bộ	528	158	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng: dạng súng và tháo lắp nhanh, dung tích $\geq 15\text{ml}$, ống bơm xi măng có đầu kết nối bằng thép không gỉ, bộ trộn xi măng loại tay quay dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>2. 02 cái Kim chọc dò cán nhựa, dạng tay cầm công thái học, gồm tối thiểu 2 loại chiều dài 10cm và 15cm. Kim là loại mũi vát.</p> <p>3. 01 gói xi măng gồm: Xi măng xương cột sống, bao gồm: - Xi măng xương có độ nhớt cao chứa 40% ZrO₂. + Thành phần: PoliMethyl MetaAcrylate, Zirconium Oxide, Benzoyl peroxid. + Khối lượng xi măng: 20g. - Dung dịch pha: 10ml dung dịch pha. Nhiệt độ đông cứng trong khoảng < 67,5 độ C, sẵn sàng để sử dụng trong 1 phút sau khi trộn.</p>			
213	G3.529	Kim đốt lạnh sóng cao tần	Bộ	330	99	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Kim đốt làm mát tích hợp bộ dây dẫn nước để làm mát đầu đốt kết nối với máy chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần dài cỡ $\geq 50\text{mm}$ và $\leq 150\text{mm}$, đường kính cỡ 17G. 2. 01 tấm điện cực trung tính loại kẹp dán bệnh nhân.</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
214	G3.530	Bộ kim đốt sóng cao tần	Bộ	330	99	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 02 Kim đốt chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần dài cỡ $\geq 50\text{mm}$ và $\leq 150\text{mm}$, đường kính các cỡ từ 18-22G 2. 01 Kim chọc dò cảm quang dài cỡ $\geq 50\text{mm}$ và $\leq 150\text{mm}$, đường kính các cỡ từ 18-22G, đầu hoạt động 5/10mm 3. 01 tấm điện cực trung tính loại kẹp dán bệnh nhân</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						nhân.			
215	G3.449	Que luồn dưới da sử dụng hỗ trợ đặt Shunt	Cái	8	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu thép -Que luồn dưới da bao gồm 3 thành phần: một trục hình ống với chiều dài 38±10cm và 60±10cm; tay cầm chữ T; và một thanh bịt đầu mũi hình viên đạn. -Chiều dài 60±10 cm hoặc 38±10 cm - Trục hình ống có thể uốn được bằng tay - Đường kính trong ≥3,3mm; đường kính ngoài ≥4,8mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
216	G3.450	Van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	Cái	33	9	<ul style="list-style-type: none"> Van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài, bao gồm: - Catheter não thất phủ barium dài 35cm ± 5%, đường kính trong 1,5mm và đường kính ngoài 2,8mm - Buồng nhỏ giọt dung tích 75ml ± 5%, kèm kính lúp - Có 4 thang đo áp lực, có 2 chỉ số đo là mm of Hg hoặc cm of H2O - Túi chứa dịch có thể tháo rời với dung tích ≥ 500 ml. - Có hai vị trí lấy mẫu/tiêm - Có 2 vị trí cố định: treo bằng dây và gắn vào cột - Kích thước bảng đo áp lực: 90 mm± 5% x 520 mm ± 5% - Dây dẫn dịch thiết kế không gãy gập, có sọc dễ nhận diện, chiều dài 60 inch. - Có lỗ thông hơi kỵ nước. - Hệ thống van 1 chiều chống trào ngược Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
217	G3.513	Dẫn lưu não thất-ổ bụng kèm khoang delta chống hiện tượng siphon	Cái	5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo gồm các bộ phận: cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van áp lực cố định, khoang delta. - Van có kích thước: $\geq 36\text{mm} \times 13\text{mm} \times 6\text{mm}$ với 3 loại áp lực khác nhau: 1; 1,5 và 2 - Catheter não thất dài 23 ± 10 cm, đường kính trong $\geq 1,3$ mm, đường kính ngoài $\geq 2,5$ mm - Catheter ổ bụng dài 90 ± 10 cm, đường kính trong $\geq 1,3$ mm, đường kính ngoài $\geq 2,5$ mm - Catheter phủ Barium - Màng silicone đàn hồi ở phía trên, phía dưới là chất liệu polypropylene - Khoang Delta kiểm soát hiện tượng siphon 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
218	G3.514	Dẫn lưu não thất ổ bụng có thể điều chỉnh áp lực kèm khoang delta chống hiện tượng siphon	Bộ	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo gồm các bộ phận: cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van có thể điều chỉnh áp lực, khoang delta. - Van có kích thước: $\geq 35\text{mm} \times 13\text{mm} \times 7\text{mm}$ - Catheter não thất dài 23 ± 10 cm, đường kính trong $\geq 1,3$ mm, đường kính ngoài $\geq 2,5$ mm - Catheter ổ bụng dài 90 ± 10 cm, đường kính trong $\geq 1,3$ mm, đường kính ngoài $\geq 2,5$ mm - Catheter phủ Barium - Van có 5 mức áp lực: 0,5; 1; 1,5; 2; 2,5 - Khoang Delta kiểm soát hiện tượng siphon 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
219	G3.251.2	Dẫn lưu dịch não tủy ngoài kiểu tiêu chuẩn kèm	Bộ	5	1	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Van chống trào ngược, có cổng lấy mẫu, vent/ống lọc khí kháng khuẩn. Khóa 4 chiều. Thẻ tích buồng dẫn lưu nhỏ giọt $\geq 50\text{ml}$, thẻ tích túi dẫn</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		catheter dẫn lưu não thất				<p>lưu ≥ 700ml. Thang đo áp lực theo cmH₂O và mmHg.</p> <p>2. Catheter não thất dài ≥ 20cm, có tối thiểu 2 loại đường kính ngoài: 2,5mm và 3,0mm, có dụng cụ đặt thả catheter ≥ 26cm.</p>			
220	G3.263.1	Miếng vá màng cứng cỡ 2,5x2,5cm, tự dính	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hóc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 2,5 x 2,5cm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
221	G3.264.1	Miếng vá màng cứng cỡ 2,5x7,5cm	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hóc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 2,5 x 7,5cm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
222	G3.265	Miếng vá màng cứng cỡ 5x5cm	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hóc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 5 x 5cm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
223	G3.263.2	Miếng vá màng cứng cỡ	Miếng	9	2	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid, Porcine Gelatin hoặc tương đương - Có khả năng tự tiêu hoàn toàn trong vòng khoảng 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		2,5x2,5cm				<ul style="list-style-type: none"> 12 tháng - Chống dính với mô não - Một miếng nhưng có thể sử dụng 2 cách: Tụ dính hoặc khâu. - Kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm 			
224	G3.363	Miếng vá màng cứng cỡ 6x8cm	Miếng	20	6	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid, Porcine Gelatin hoặc tương đương - Có khả năng tự tiêu hoàn toàn trong vòng khoảng 12 tháng - Chống dính với mô não - Một miếng nhưng có thể sử dụng 2 cách: Tụ dính hoặc khâu. - Kích thước khoảng 6x8cm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
225	G3.488	Vật liệu cầm máu tự tiêu cỡ 5,0 x 5,0cm	Miếng	55	16	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu cầm máu dạng vải không dệt tự tiêu được làm từ cellulose hoặc tương đương, kết cấu không dệt nhiều lớp - Kích thước: 5,0 x 5,0cm - Số lớp: ≥ 6 - Có các hình dạng: hình vuông, hình chữ nhật - Tự tiêu 100% trong vòng 7 -14 ngày - Thời gian đạt được sự cầm máu $\leq 64s$ - Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu: $\geq 0,130g$ 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
226	G3.489	Vật liệu cầm máu tự tiêu cỡ 9 x 8cm	Miếng	60	18	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu cầm máu dạng vải không dệt tự tiêu được làm từ cellulose hoặc tương đương, kết cấu không dệt nhiều lớp - Kích thước: 9,0 x 8,0cm - Số lớp: ≥ 6 - Có các hình dạng: hình vuông, hình chữ nhật 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Tự tiêu 100% trong vòng 7 -14 ngày - Thời gian đạt được sự cầm máu $\leq 64s$ - Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu: $\geq 0,130g$ 			
227	G3.712	Luỡi cắt sọ, dạng xoắn	Cái	60	18	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 1,8x15mm - Tiệt trùng, dùng 1 lần - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
228	G3.713	Luỡi khoan/cắt tạo hình, rãnh xoắn	Cái	55	16	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính các cỡ 1,5mm, 2,0mm. - Chiều dài: từ 60mm đến 65mm. - Tiệt trùng, dùng 1 lần - Luỡi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gập góc có kích thước khác nhau - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
229	G3.714	Mũi khoan sọ não tự dừng	Hộp	75	22	<ul style="list-style-type: none"> - Mũi khoan sọ tự dừng dùng cho độ dày xương sọ là 1mm; 2mm; 3mm - Có các kích cỡ cho người lớn và trẻ em gồm các loại - Đường kính trong/ đường kính ngoài 6,0 mm/9,0 mm; 7,0mm/11,0 mm; 8,0mm/11,0 mm, 11,0mm/14,0 mm - Cơ chế tự dừng (nhả) sớm - Thích hợp với các loại xương đồng đều và không đồng đều. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả cắt bền bỉ, dùng với đầu chụp Hudson hoặc tương đương - Tạo ra miếng đệm xương bảo vệ màng cứng. - Có tính năng chống trượt giúp khoan sọ an toàn và thuận tiện. - Có thể khởi động/dừng khi cần hoặc khởi động lại sau khi dừng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE và FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện 			
230	G3.715	Mũi khoan mài phá	Cái	18	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính có tối thiểu 8 cỡ 1,0/1,5/2,0/3,2/4,0/4,8/6,4/7,5mm. - Chiều dài: từ 50mm đến 60mm. - Mũi khoan điều chỉnh độ dài với 8 vị trí khác nhau. - Mũi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gập góc có kích thước khác nhau. - Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
231	G3.716	Mũi khoan mài đầu kim cương	Cái	27	8	<ul style="list-style-type: none"> - Mũi khoan mài đầu kim cương - Đường kính có tối thiểu 8 cỡ 0,8/1,0/1,5/2,1/3,3/4,2/5,0/6,0mm. - Chiều dài: từ 50mm đến 60mm. - Mũi khoan điều chỉnh độ dài với 8 vị trí khác nhau. - Mũi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gập góc có kích thước khác nhau. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện 			
232	G3.190.1 1	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng sứ/sứ	Bộ	38	11	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim titan. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. 2. Lớp lót: chất liệu Ceramic. Gồm tối thiểu các đường kính 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. 3. Chỏm khớp: chất liệu Ceramic. Kích thước: cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chỏm khớp 28mm tương thích với ổ cối 44-46mm. Chỏm khớp 32mm tương thích với ổ cối 46-50mm. Chỏm khớp 36mm tương thích với ổ cối 50-68mm. Chỏm 40mm tương thích với ổ cối 54-68mm. 4. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm \pm <5% (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm \pm <5% (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm \pm <5%, offset dọc 29 mm \pm <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm \pm <5%. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 - $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
233	G3.190.1 5	Bộ khớp háng toàn	Bộ	16	4	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		phần không xi măng CoCr on PE				<p>1. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm ± <5% (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm ± <5% (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm ± <5%, offset dọc 29 mm ± <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm ± <5%.</p> <p>2. Ổ cối chất liệu hợp kim Titan. Có tối thiểu 10 cỡ ổ cối đường kính ≤44 đến ≥62mm (bước tăng 2mm).</p> <p>3. Chỏm hợp kim CoCr, đường kính 28/32/36mm. Chỏm khớp 28mm tương thích với ổ cối 44-46mm. Chỏm khớp 32mm tương thích với ổ cối 46-50mm. Chỏm khớp 36mm tương thích với ổ cối 50-68mm.</p> <p>4. Lớp lót polyethylene cao phân tử liền kết ngang, có tối thiểu các đường kính 28/32/36 mm.</p> <p>5. Vít xương xỏ tự taro chất liệu Titan, đường kính trong khoảng từ 6,0 đến 6,5mm</p>			
234	G3.190.1	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng CoCr on PE có vitamin E	Bộ	20	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titan. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ ≤ 44mm đến ≥ 68mm bước tăng 2mm.</p> <p>2. Lớp lót: chất liệu Polyethylene có bổ sung vitamin E.</p> <p>3. Chỏm khớp: Cobalt Chrome.</p> <p>4. Chuôi xương đùi không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương,</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ-thân dao động trong khoảng 125 - 130 độ, có tối thiểu 16 cỡ, dài từ $\leq 115\text{mm}$ đến $\geq 160\text{mm}$ tương ứng với độ rộng bề ngang: 22,8mm đến 43,5mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 đến $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm.</p>			
235	G3.190.20	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng BioloX Ceramic on XPE có vitamin E, chỏm 28/32/36mm	Bộ	69	20	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA tối thiểu 0,08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Lớp lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lớp lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm. Chỏm khớp: chất liệu Ceramic BioloX Delta. Kích thước: 28mm (-2,5/+1/+4), 32mm (-3/+1/+5/+8), 36mm (-3/+1/+5/+9) với taper 12/14. Chuôi xương đùi không xi măng: loại cố định đầu gần, cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Độ rộng bề ngang từ $\leq 23\text{mm}$ đến $\geq 43\text{mm}$. Góc cổ khoảng 130 độ với đầu taper 12/14. Có 2 sự lựa chọn: offset thông thường có tối thiểu 16 cỡ chiều dài từ $\leq 115\text{mm}$ - $\geq 160\text{mm}$ và offset dài có tối thiểu 15 cỡ dài từ ≤ 120 - ≥ 160 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						mm. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ $\leq 15 - \geq 50$ mm, bước tăng 5mm.			
236	G3.190.2 2	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, CoCr on XPE có vitamin E, chòm 28/32/36mm	Bộ	5	1	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA tối thiểu 0,08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ ≤ 44mm - ≥ 68mm bước tăng 2mm. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ.</p> <p>2. Lớp lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lớp lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chòm khớp: chất liệu Cobalt Chrome. Kích thước 28mm (-3mm; +0mm; +2,5mm; +5mm; +7,5mm; +10mm), 32mm (-3mm; +0mm; +2,5mm; +5mm; +7,5mm, +10mm) và chòm 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm).</p> <p>4. Chuỗi dài không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. Dạng hình nôm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14. Chuỗi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài khoảng 180mm và dạng cong có chiều dài khoảng 230mm với tối thiểu 7 cỡ đường kính đầu xa từ ≤ 11mm - ≥ 18mm mỗi bên trái, phải.</p> <p>5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ $\leq 15 - \geq$</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						50mm, bước tăng 5mm.			
237	G3.682	Bộ khớp háng toàn phần không xi 2 trục linh động chỏm sứ	Bộ	62	18	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm \pm <5% (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm \pm <5% (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm \pm <5%, offset dọc 29 mm \pm <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm \pm <5%. Phần nhám thân chuôi \geq 2 lớp phủ. Lớp phủ trong chất liệu Titanium phun plasma chân không. Lớp phủ ngoài chất liệu Calcium phosphate cấu trúc vi tinh thể (20μm \pm <5%).</p> <p>2. Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titan hoặc tương đương. Có tối thiểu 10 cỡ ổ cối, đường kính từ \leq46mm đến \geq68 mm. Ổ cối 46/48/50mm dùng lót 35mm; ổ cối 50-54mm dùng lót 40mm; ổ cối 54-58mm dùng lót 42,5mm; ổ cối 60-68mm dùng lót 45mm.</p> <p>3. Lớp lót: Chất liệu CoCr hoặc tương đương. Có tối thiểu 4 cỡ, tương ứng đường kính 35/40/42,5/45mm \pm <5%;</p> <p>4. Lớp đệm: Chất liệu polyethylenen hoặc tương đương, có bổ sung Vitamin E. Có tối thiểu 4 cỡ, tương ứng đường kính 35/22; 40/28; 42,5/28; 45/28mm \pm <5%;</p> <p>5. Chỏm khớp: Chất liệu sứ hoặc tương đương. Đường kính 28mm (-3,5; 0; + 3,5mm)</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						6. Vít ổ cối: Chất liệu: Titan hoặc tương đương. Đường kính 6,5mm ± <5%, chiều dài từ 15 - 65mm (bước tăng 5mm) hoặc hơn.			
238	G3.586	Khớp háng toàn phần không xi măng, phủ HA plasma	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Chuôi khớp: Vật liệu Hợp kim Titanium, bề mặt chuôi được hoàn thiện bằng lớp phủ kép 300µm Titanium tinh khiết và 50µm Hydroxyapatite với công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 12 cỡ, chiều dài chuôi từ 108,3mm đến 163,2mm. Góc cổ chuôi 127°/135° với offset trong từ 38,7mm đến 52,7mm và chiều dài thân cổ nằm trong từ 38,9mm đến 50,0mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (- 2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5;+7,0).</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500µm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70mm với mỗi bước tăng 2mm; Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
239	G3.587	Khớp háng toàn phần không xi măng, phủ titan plasma	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gân, bề mặt được hoàn thiện với 500 μm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20 mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°.</p> <p>2. Chỏm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (- 2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0).</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500μm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
240	G3.588	Khớp háng toàn phần	Bộ	20	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		không xi măng, phủ titan plasma có Vitamin E				<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gân, bề mặt được hoàn thiện với 500 μm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°.</p> <p>2. Chỏm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (- 2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5;+7,0).</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500μm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42 đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.</p>			
241	G3.692	Bộ khớp háng toàn phần không xi ít xâm	Bộ	113	33	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp				<p>kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114μm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ $\square \leq 42\text{mm} - \geq \square 68\text{mm}$.</p> <p>2. Lót đệm bằng Polyethylene A-Class, liên kết ngang, có bờ chống trật, 0⁰ và 15⁰</p> <p>3. Chỏm chất liệu Cobalt Chrome Non Super Finish các cỡ 28mm, (-3,5; 0; +3,5; +7); 32mm, (-3,5; 0; +3,5; +7); 36mm, (-3,5; 0; +3,5; +7)</p> <p>4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 \pm 50 micromet. Có rãnh ngang. Đầu chuôi xa thon tròn. Góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135 độ. Thân chuôi có tối thiểu 10 cỡ $\leq 1 - \geq 10$. Chiều dài chuôi bên trong tối thiểu 10 cỡ $\leq 107 - \geq 157\text{mm}$; chiều dài chuôi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ $\leq 125 - \geq 175\text{mm}$.</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>6. Mũi khoan ổ cối mổ ít xâm lấn</p> <p>7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mổ ít xâm lấn. Sử dụng kỹ thuật mổ ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp</p>			
242	G3.693	Bộ khớp háng toàn phần không xi chỏm Ceramic, ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không	Bộ	143	42	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114μm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ $\square \leq 42\text{mm} - \geq \square 68\text{mm}$.</p> <p>2. Lót đệm bằng Polyethylene A-Class, liên kết</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cắt bao khớp				<p>ngang, có bờ chống trật, 0^0 và 15^0</p> <p>3. Chôm Ceramic BioloX Delta các cỡ 28mm (-3,5; 0; +3,5); cỡ 32mm, 36mm và 40mm (-4; 0; +4)</p> <p>4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Có rãnh ngang. Đầu chuôi xa thon tròn. Góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135^0. Thân chuôi có tối thiểu 10 cỡ $\leq 1 - \geq 10$. Chiều dài chuôi bên trong tối thiểu 10 cỡ $\leq 107 - \geq 157$mm; chiều dài chuôi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ $\leq 125 - \geq 175$mm.</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>6. Mũi khoan ổ cối mô ít xâm lấn</p> <p>7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mô ít xâm lấn.</p> <p>Sử dụng kỹ thuật mô ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp</p>			
243	G3.694	Bộ khớp háng toàn phần không xi Ceramic on Ceramic, ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp	Bộ	88	26	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ $114\mu\text{m}$. Rìa ổ cối loe 14^0. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ $\square \leq 42\text{mm} - \geq \square 68\text{mm}$.</p> <p>2. Lót Ceramic BioloX Delta Rim-Lock các cỡ 28mm; cỡ 32mm; cỡ 36mm; cỡ 40mm</p> <p>3. Chôm Ceramic BioloX Delta các cỡ 28mm (-3,5; 0; +3,5); cỡ 32mm, 36mm và 40mm (-4; 0; +4)</p> <p>4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>± 50 micromet. Có rãnh ngang . Đầu chuỗi xa thon tròn. Góc cổ chuỗi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135 độ. Thân chuỗi có tối thiểu 10 cỡ $\leq 1 - \geq 10$. Chiều dài chuỗi bên trong tối thiểu 10 cỡ $\leq 107 - \geq 157$mm; chiều dài chuỗi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ $\leq 125 - \geq 175$mm.</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>6. Mũi khoan ổ cối mổ ít xâm lấn</p> <p>7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mổ ít xâm lấn.</p> <p>Sử dụng kỹ thuật mổ ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp</p>			
244	G3.192.5	Bộ Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi khớp bằng thép không gỉ đánh bóng, chỏm CoCr, góc cổ CCD nghiêng 125 độ	Bộ	12	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. 01 Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp: lớp ngoài làm bằng thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong làm bằng Polyethylene cao phân tử UHMWPE, tối thiểu 19 size ≤ 38mm đến ≥ 57mm.</p> <p>2. 01 Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum alloy.</p> <p>3. 01 Chuỗi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan kích thích mọc xương. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có tối thiểu 13 kích thước (size): từ ≤ 0 đến ≥ 12 với chiều dài cả chuỗi tương ứng từ ≤ 128mm đến ≥ 163mm, chiều dài đoạn phủ xốp từ ≤ 54mm đến ≥ 76mm. Loại cổ offset Standard dài từ $\leq 35,6$mm đến $\geq 50,5$mm, chiều cao cổ chuỗi tối thiểu 5 cỡ từ $\leq 11,4$mm đến $\geq 16,1$mm, chiều dài cổ</p>	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						chuôi tối thiểu 5 cỡ từ $\leq 35,7\text{mm}$ đến $\geq 43,6\text{mm}$.			
245	G3.193.4	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chỏm bán phần: Chất liệu CoCr hoặc tương đương, đường kính từ ≤ 40 đến $\geq 60\text{mm}$. 2. Chỏm xương đùi: Chất liệu CoCr. Kích thước $22\pm 0,2\text{mm}/28\text{mm}$ 3. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V), phủ cpTi/HA hoặc HA hoặc TPS hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ $110 - 130\text{ mm} \pm <5\%$ (bước tăng 2mm), bờ trong từ $90 - 110\text{ mm} \pm <5\%$ (bước tăng 2mm). Offset ngang từ $35 - 40\text{ mm} \pm <5\%$, offset dọc $29\text{ mm} \pm <5\%$. Góc cổ-thân trong khoảng $125 - 130$ độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ $32\text{ mm} \pm <5\%$.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
246	G3.193.8	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài TiAl6V4 phủ HA, kiểu chuôi lắp ghép Modular	Bộ	7	2	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chỏm khớp: Vật liệu CoCrMo/UHMWPE/ Implantsteel. Kích thước: $\leq 38\text{mm} - \geq 60\text{mm}$. Cỡ head: $22\pm 0,2\text{mm}; 28\text{mm}$ 2. Chỏm khớp $22\pm 0,2\text{mm}/28\text{mm}$: Vật liệu CoCrMo. Cổ côn: 12/14. Kích thước: Chỏm $22\pm 0,2\text{mm}$ có tối thiểu 3 cỡ, chỏm 28 có tối thiểu 5 cỡ 3. Chuôi dài khớp háng không xi măng: Vật liệu TiAl6V4. Cổ côn 12/14. Kiểu chuôi lắp ghép Modular bao gồm Vít chốt khóa cổ chuôi: Có tối thiểu 4 cỡ; Cổ chuôi khớp: Có tối thiểu 4 cỡ tương đương chiều dài 42, 48, 58, 68mm. Bề mặt phủ HA	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						hoặc titanium. Thân chuôi: đường kính từ 13-20mm, dài 142, 172, 212mm			
247	G3.343.2	Bộ khớp háng bán phần chuôi dài không xi măng phủ nhám plasma	Bộ	110	33	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Chỏm bán phần: Chất liệu mặt ngoài bằng Cobalt Chrome/thép không gỉ High Nitrogen, lớp lót PE Crosslink/Polyethylene cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương. Đường kính trong 22,2mm và 28mm. Đường kính ngoài từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 56\text{mm}$.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: Chất liệu Cobalt Chrome hoặc tương đương.</p> <p>3. Chuôi xương đùi không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ-thân dao động trong khoảng 125 - 130 độ, có tối thiểu 16 cỡ, dài từ $\leq 115\text{mm}$ đến $\geq 160\text{mm}$ tương ứng với độ rộng bề ngang: 22,8mm đến 43,5mm.</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
248	G3.195.1	Bộ khớp gối toàn phần lõi cầu xương đùi CoCr, mâm chày 6 kích cỡ phân biệt trái, phải	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lõi cầu xương đùi: chất liệu CoCr với tối thiểu 12 cỡ. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: 47, 51, 54, 58, 61, 65, 70, 75mm. Lõi cầu sau có bề dày 9,5mm/11,5mm</p> <p>2. Mâm chày: Chất liệu titanium với tối thiểu 6 kích cỡ riêng biệt trái, phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6. Chiều trước sau các cỡ: 42, 45, 48, 50, 52, 54mm. Chiều trong ngoài: 60, 64, 68, 71, 74, 77mm. Bề dày 2,3mm, độ dốc 3 độ</p> <p>3. Đĩa đệm mâm chày: với tối thiểu 4 kích cỡ: size</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>1-2, 3-4, 5-6,7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE</p> <p>4. Bánh chè: Đường kính: ≥ 23, ≤ 35mm; gồm tối thiểu 5 cỡ, độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chốt</p> <p>5. Xi măng xương không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44,0g bột có chứa 38,3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5,3g zirconium dioxide, 0,4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18,4g Methyl methacrylate, 0,4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.</p>			
249	G3.195.10	Bộ khớp gối toàn phần có xi công nghệ cân bằng đẳng cự	Bộ	99	29	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lõi cầu chất liệu CoCr có tối thiểu 7 cỡ với tỉ lệ trước/sau, trong ngoài lần lượt là: 55,7/62; 59/65; 62,3/68; 65,4/71; 68,6/74; 71,7/77,5; 74,9/81 mm $\pm < 5\%$..</p> <p>2. Mâm chày chất liệu hợp kim CoCr, phủ bóng, có cơ chế khóa tiên tiến làm giảm thiểu vi chuyển động tới $\geq 25\%$, có thể xoay ≥ 15 độ khi duỗi, xoay ≥ 25 độ khi gấp, có tối thiểu 8 cỡ.</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày chất liệu UHMWPE polyethylene. Có tối thiểu 8 cỡ, mỗi cỡ có các độ dày là 9; 10; 11; 12; 14; 16; 18; 20mm $\pm < 5\%$.</p> <p>4. Bánh chè có tối thiểu 5 cỡ, độ dày tương ứng là</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						7,5/8/8,5/9/9,5mm ± <5%. 5. Xi măng có kháng sinh gồm: thành phần bột xi: Poly (methylacrylate/methylmethacrylate): 33 g ± <5%; Zirconium dioxide: 6 g ± <5%; Benzoyl peroxide: 0,3 g ± <5%; Gentamicin (Sulfate / Base): 0,8g/ 0,5g ± <5%; thành phần chất dẫn: Methylmethacrylate: 20ml ± <5%; Hydroquinone: 60 ppm ± <5%; N,N-dimethyl-p-toluidine: 0,38ml ± <5%.			
250	G3.195.1 4	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn xương	Bộ	234	70	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lõi cầu: chất liệu Cobalt Chrome, khả năng gấp tối đa ≥ 143 độ, tối thiểu 8 size trái phải, độ rộng trong ngoài: từ ≤ 59mm - ≥ 80mm và độ rộng trước sau từ ≤ 52mm - ≥ 75mm. 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/Titanium Alloy, chiều dài chuôi từ ≤ 35mm - ≥ 41mm, có tối thiểu 8 cỡ, độ rộng trong ngoài: từ ≤ 59mm - ≥ 80mm và độ rộng trước sau từ ≤ 52mm - ≥ 64mm. 3. Lớp đệm: chất liệu Polyethylene cao phân tử, độ dày tối thiểu 4 size ≤ 10mm đến ≥ 17mm 4. Xi măng xương.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
251	G3.195.1 7	Bộ khớp gối toàn phần có xi cố định có Vitamin E	Bộ	22	6	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lõi cầu: Vật liệu hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum. Có 10 cỡ mỗi bên trái và phải Độ gấp tối đa 145 độ. Các cỡ 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 tương đương với bề rộng trong ngoài M/L lần lượt là	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>57,5/60/62,5/65/67,5/70/72,5/75/77,5/80mm, bề rộng trước sau 51/52,5/54,5/56,5/59,5/62,5/65,5/68,5/71,5/75mm. Mặt ngoài được đánh bóng gương độ nhám Ra ~ 0,01 μm, mặt trong bề mặt cây ghép phủ nhám corundum (độ nhám Ra > 6 μm) và có rãnh để tối ưu hóa độ bám dính của xi măng. 2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium. Có 10 cỡ, không phân biệt trái-phải. Độ rộng trong ngoài mặt mâm chày từ 57 mm đến 92 mm, độ rộng trước sau mặt mâm chày: từ 37 mm đến 60 mm. Mặt ngoài được đánh bóng gương độ nhám Ra ~ 0,01 μm, mặt trong bề mặt cây ghép phủ nhám corundum. 3. Lớp đệm mâm chày: Chất liệu Polyethylene cao phân tử bổ sung vitamin E. Thiết kế nghiêng 5 độ. Gồm 5 kích cỡ, độ dày từ 9mm đến 20mm. 4. Bánh chè: Chất liệu UHMWPE kết hợp Vitamin E. Đường kính từ 28mm đến 38mm, gồm tối thiểu 6 cỡ, bước tăng 2mm. 5. Xi măng sinh học chứa kháng sinh Gentamicin.</p>			
252	G3.195.18	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn dây chằng chéo	Bộ	5	1	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: Khớp gối toàn phần bảo tồn dây chằng chéo, khả năng gấp tối đa 152 độ. 1. Lõi cầu: chất liệu Cobalt Chrome. Độ di chuyển lõi cầu từ -45 độ đến 100 độ. Có tối thiểu 8 size trái</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>phải với độ dày khác nhau. Chiều dài tối thiểu 8 size ≤ 59 đến ≥ 80mm, chiều rộng tối thiểu 8 size ≤ 51mm đến ≥ 76mm.</p> <p>2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/ Titanium Alloy, có 8 size chuẩn và 3 size cộng. Chiều dài mâm chày tối thiểu 8 size ≤ 54mm đến ≥ 86mm. Chiều rộng mâm chày tối thiểu 9 size ≤ 40mm đến ≥ 64mm. Chiều dài chuôi tối thiểu 3 size ≤ 31mm đến ≥ 41mm.</p> <p>3. Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân tử. Có 8 size chuẩn và 2 size cộng, độ dày tối thiểu 4 size ≤ 10mm đến ≥ 17mm.</p> <p>4. Xi măng có kháng sinh được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer 14,4g vô trùng và một gói bột polymer 41g bọc vô trùng 2 lớp.</p>			
253	G3.589	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương	Bộ	2	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Phần xương đùi: hợp kim Cobalt Chromium Alloy, kích thước 16x40mm, 17x46mm, 18x52mm, 20x60mm, thiết kế các lồi cầu phủ đều bề mặt</p> <p>2. Phần xương chày: thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài, có tối thiểu 2 loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại kim loại mặt dưới hoặc tương đương, dày (8,9,11,13mm) và đường kính ≤ 45mm đến ≥ 55mm, lồi cầu phủ đều bề mặt - Loại toàn phần PE hoặc tương đương, dày (7,9,11,13mm) và đường kính ≤ 45mm đến ≥ 58mm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
254	G3.591	Khớp gối	Bộ	22	6	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		toàn phần có Vitamin E				<p>thành bộ:</p> <p>1. Lõi cầu: vật liệu hợp kim CrCoMo, bề mặt được hoàn thiện lớp phủ TiNbN, độ dày lớp phủ $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$, có tác dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể. Độ cứng $>2000\text{ HV}$ Độ rộng trong ngoài từ 60 mm đến 77,5 mm, độ rộng trước sau: từ 52,5 mm đến 71,5mm.</p> <p>2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, gồm 7 cỡ. Bề mặt được hoàn thiện bằng lớp phủ TiNbN. độ dày lớp phủ, $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$, có tác dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể Độ rộng trong ngoài mặt mâm chày từ 63 mm đến 84 mm, độ rộng trước sau: từ 40 mm đến 54mm"</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày: Vật liệu UHMW PolyEthylene kết hợp Vitamin E chống oxi hóa, lớp lót xoay UC được thiết kế làm tăng sự ổn định khớp ngay cả khi không có khi không có dây chằng chéo sau (PCL). Có 8 cỡ 5,6,7,8,9,10,11,12 mỗi cỡ tương ứng các độ dày khác nhau (mm).</p> <p>4. Bánh chèo: Vật liệu UHMW PolyEthylene với 6 kích cỡ: 28 mm, 30 mm, 32 mm, 34 mm, 36 mm, 38 mm.</p> <p>5. Xi măng sinh học có kháng sinh Gentamicin ngăn ngừa nhiễm trùng.</p>		y tế	
255	G3.585	Khớp vai toàn phần không xi	Bộ	7	2	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng: vật liệu Ti6Al4V</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		măng				<p>hoặc tương đương, dài 60-80mm, đường kính x chiều dài = 11x60mm; 12x60mm; 13x60mm; 14x80mm; 15x80mm; 16x80mm; 17x80mm; 18x80mm; 19x80mm; 20x80mm; 21x80mm; 22x80mm; 23x80mm, 24x80mm</p> <p>2. Cổ chuôi: vật liệu Ti6Al4V cùng với vít khóa</p> <p>3. Lớp đệm: vật liệu Polyethylene cao phân tử (UMHWPE) thiết kế theo độ dày 0 (STD); +3mm; +6mm</p> <p>4. Ổ chảo: vật liệu hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA, có tối thiểu 4 kích cỡ Small - R (SR); Small (S); Standard (STD); Large (L)</p> <p>5. Chỏm ngược: vật liệu CoCrMo, đường kính 36mm, 2 loại đồng tâm và lệch tâm</p> <p>6. Vít xương: vật liệu Ti6Al4V, đường kính 6,5mm dài ≤ 20 đến ≥ 40mm, bước tăng là 5mm</p>			
256	G3.76.1	Chi thép mềm	Cuộn	53	15	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ 0,4mm đến 0,9mm - Chiều dài: 5m/cuộn; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
257	G3.163	Mũi khoan xương các loại đường kính, thép không gỉ	Cái	372	-	Đường kính từ 1,1- 4,1mm, chất liệu thép không gỉ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
258	G3.187.2	Ximăng sinh học không kháng sinh,	Gói	69	20	Đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		độ nhớt thấp							
259	G3.188.1	Ximăng sinh học có kháng sinh	Gói	69	20	Xi măng xương có kháng sinh gentamicin (0,55g gentamicin/40g bột). Bột xi măng chất liệu Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulphate), Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu colorant E141 hoặc tương đương Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu E141. Chứa chất tạo màu chlorophyll (E141) hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
260	G3.214	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ	Chiếc	110	33	Cấu tạo: 2 đĩa ở đầu trên và dưới bằng titanium, phần lõi ở giữa bằng PolyCarbonate Urethane. Phần ngoài của mỗi đĩa có phủ HA. Khả năng gấp trước sau 7°, độ nghiêng về hai bên là 5°, khả năng xoay 3,5°. Các cỡ 13x15x5; 13x15x6; 13x15x7; 14x17x5; 14x17x6; 14x17x7; 15x20x5; 15x20x6; 15x20x7, đóng gói tiệt trùng	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
261	G3.242.2	Kim chọc dò cuống sống dùng cho xi măng có bóng	Cái	22	-	Kim chọc dò phân kim làm bằng thép không gỉ. Kim chọc dò loại 11G/13G, chiều dài làm việc 125mm, chiều dài tổng 189mm. Kim gồm có 2 phần: kim 13G đường kính nòng 2,0mm, đường kính canula 2,5mm x 2,1mm; kim 11G đường kính nòng 2,5mm, đường kính canula 3,2mm x 2,6mm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
262	G3.268.4	Xương ghép nhân tạo loại 5,0cc vật liệu thủy	Gói	610	183	- Vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		tinh hoạt tính				pha chế - Đóng gói 5 cc trong Xi lanh			
263	G3.270.3	Xương ghép nhân tạo loại vật liệu thủy tinh hoạt tính 10,0cc	Gói	56	-	- Vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 10 cc trong Xi lanh	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
264	G3.296	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng bột mềm 2,5cc	Xylanh	7	2	Cấu tạo: từ 50% β-tricalcium phosphate và 50% calcium sulfate. Đóng gói 5cc/gói	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
265	G3.296.1	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng và làm giàu BMP 2,5cc	Xylanh	731	219	Thành phần 100% từ xương đồng loại, được khử khoáng và làm giàu yếu tố tăng trưởng BMP. Sản phẩm chứa hơn 20 loại BMP khác nhau đã được kiểm định và nhận dạng trong sản phẩm. Dạng mềm (putty) dung tích 2.5cc đóng trong xy lanh vô trùng. Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
266	G3.334.2	Long đen các cỡ, titanium	Cái	56	-	- Chất liệu titanium - Các cỡ dùng cho vít: 4,0; 4,5; 6,5; 7,3 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
267	G3.418	Xương ghép nhân tạo 12,5cm ³ , loại có thể pha kháng	Gói	16	4	- Thành phần: 51,5 % nanocrystalline hydroxyapatite, 48,5 % calcium sulfate - Đóng gói 50 viên kích thước 6x6mm - Thẻ tích: 12,5cm ³ - Công thức pha kháng sinh: Tobramycin,	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		sinh				Gentamicin, Rifampicin, Vancomycin			
268	G3.419	Vít xóp rỗng, titan, các cỡ	Cái	124	37	- Chất liệu titanium hợp kim - Đường kính 4,0mm ứng với chiều dài từ ≤ 25 - ≥ 70 mm với bước tăng 5mm, thân ren bán phần - Đường kính 7,3mm ứng với chiều dài từ ≤ 50 - ≥ 120 mm với bước tăng 5mm, thân ren bán phần	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
269	G3.423	Vít xóp rỗng nòng hai tầng ren các cỡ, titan	Cái	22	6	- Chất liệu hợp kim Titanium. - Đường kính 2,4mm, đường kính lõi 1,9mm, rỗng nòng 1,2mm, thân 2mm. - Chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 40 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
270	G3.473	Xương ghép nhân tạo Nano HA 2cc	Hộp	7	2	Thành phần Nanohydroapatite với $\geq 39\%$ HA, đóng tiết trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 2cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
271	G3.474	Xương ghép nhân tạo Nano HA 5cc	Hộp	54	-	Thành phần Nanohydroapatite với $\geq 39\%$ HA, đóng tiết trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 5cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
272	G3.475	Xương ghép nhân tạo Nano HA 10cc	Hộp	14	4	Thành phần Nanohydroapatite với $\geq 39\%$ HA, đóng tiết trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 10cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
273	G3.481	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x15cm)	Miếng	964	289	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x15cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạch trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương.	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm ² /24h			
274	G3.482	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x25cm)	Miếng	132	39	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x25cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viền gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm ² /24h	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
275	G3.641	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x20cm)	Miếng	946	283	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x20cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viền gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm ² /24h	EU	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
276	G3.642	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x30cm)	Miếng	200	-	<ul style="list-style-type: none"> - Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x30cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viền gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm²/24h 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
277	G3.490	Sụn nhân tạo kích thước 2 x 2 cm	Miếng	4	-	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc 3D, thành phần 100% từ Hyaluronic acid (HA) nguồn gốc phi động vật (được lên men từ tế bào). - Tính tương thích sinh học cao, được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể. - Dính kết tự nhiên, không cần dùng chất kết dính - Có thể ứng dụng ghép tại sụn gối, mắt cá chân, ... - Kích thước: 2 x 2 cm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
278	G3.491	Lưỡi tạo tổn thương dưới sụn	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài cả lưỡi: 19,5 - 23 cm ± 5%; chiều dài phần làm việc: 3 - 4cm ± 5% - Đầu gập góc giúp dễ dàng lách vào phần sụn - Độ sâu thâm nhập sụn: tối đa 9 mm ± 5%; độ rộng thâm nhập sụn: tối đa 6,3 mm² ± 5% - Có 2 loại lưỡi đục cong và thẳng ứng dụng trong đục sụn gối và đục sụn chêm. - Sản phẩm được hấp tiệt trùng. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
279	G3.492	Sụn nhân	Miếng	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc 3D, thành phần 100% từ Hyaluronic acid 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		tạo kích thước 5 x 5 cm				(HA) nguồn gốc phi động vật (được lên men từ tế bào). - Tính tương thích sinh học cao, được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể. - Dính kết tự nhiên, không cần dùng chất kết dính - Có thể ứng dụng ghép tại sụn gối, mắt cá chân, ... - Kích thước: 5 x 5 cm		y tế	
280	G3.493	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn	Cái	2	-	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn gồm: - Tay cầm đục sụn, chiều dài khoảng 21cm ± 1cm, chiều dài phần gập góc: khoảng 1,5cm ± 5% - Tay bẩy: chức năng rút lưỡi dao cắt sụn, có thể hấp tiệt trùng	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
281	G3.494	Gân nhân tạo	Cái	2	-	- Vật liệu PET (polyethylene terephthalate) - Dạng sợi không dệt song song xoắn trước. - Chiều dài từ 230 - 475 mm ± 10mm, đường kính từ 4 - 9,5 mm ± 5% - Số lượng sợi nhỏ trong 1 gân: từ 20 - 160 sợi ± 10 sợi.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
282	G3.495	Chốt cố định gân	Cái	2	-	- Vật liệu hợp kim Titanium, có khả năng tương thích sinh học cao. - Kích thước: đường kính từ 4,7 - 10mm ± 5%, chiều dài từ 15 - 60 mm ± 5%	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
283	G3.496	Neo cố định gân	Cái	2	-	Vật liệu hợp kim CoCr, có tối thiểu 3 kích thước 6/8/10mm * 20mm ± 5%	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
284	G3.504	Xương sinh học 1cc dạng thủy tinh sinh học	Gói	30	-	Dạng thủy tinh sinh học dùng để lấp đầy khoang xương, thành phần bao gồm: SiO ₂ : 45%, CaO: 24,5%, P ₂ O ₅ : 6,0%, Na ₂ O: 24,5% hoặc tương đương. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Gói dung tích 1cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
285	G3.505	Xương nhân tạo 2,5ml dạng dẻo	Gói	12	-	- Dạng dẻo, cấu trúc giúp tạo ra ma trận giúp cho sự phát triển xương mới, có tính chất trao đổi ION, hòa tan TCP và kết tủa tinh thể xương tạo ra giao diện hoạt tính sinh học mới với các tế bào xương. - Thành phần bao gồm: Calcium Phosphate (HA/ β -TCP) + hydrogel hoặc tương đương. - Đóng gói xi lanh 2,5ml.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
286	G3.506	Xương nhân tạo 5ml dạng dẻo	Gói	18	-	- Dạng dẻo, cấu trúc giúp tạo ra ma trận giúp cho sự phát triển xương mới, có tính chất trao đổi ION, hòa tan TCP và kết tủa tinh thể xương tạo ra giao diện hoạt tính sinh học mới với các tế bào xương. - Thành phần bao gồm: Calcium Phosphate (HA/ β -TCP) + hydrogel hoặc tương đương. - Đóng gói xi lanh 5ml.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
287	G3.507	Xương sinh học 10cc dạng thủy tinh sinh học	Gói	6	-	Dạng thủy tinh sinh học dùng để lấp đầy khoang xương, thành phần bao gồm: SiO ₂ : 45%, CaO: 24,5%, P ₂ O ₅ : 6,0%, Na ₂ O: 24,5% hoặc tương đương. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Gói dung tích 10cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
288	G3.508	Xương nhân tạo 5cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 5cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
289	G3.509	Xương nhân tạo 10cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 10cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		trúc xương							
290	G3.510	Xương nhân tạo 15cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 15cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
291	G3.511	Xương nhân tạo 20cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 20cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
292	G3.512	Xương nhân tạo 30cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 30cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
293	G3.629	Miếng ghép bù xương lồi cầu, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	- Vật liệu Cobalt Chrome - Dạng cạnh tròn cho phần xương lồi cầu sau và dạng cạnh vuông cho phần đầu xa xương đùi đối với cả khoang trong và khoang ngoài. - Độ dày cho khoang trong và khoang ngoài hoặc lồi cầu phía sau xương đùi có kích thước từ 4mm - 16mm trong đó có tối thiểu 2 cỡ 4mm và 8mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
294	G3.630	Miếng ghép bù xương mâm chày,	Cái	2	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng cạnh tròn khuyết cho cả khoang trong và khoang ngoài.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		dành cho khớp thay lại				- Độ dày 5mm, 10mm, 15mm cho 6 cỡ khoang trong và khoang ngoài.			
295	G3.631	Chuôi nối dài xương đùi, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng thẳng - Độ dài 30mm, 75mm, 100mm, 150mm và 200mm. - Kèm vít chốt đường kính 5mm, độ dài 14mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
296	G3.632	Chuôi nối dài xương chày, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng thẳng hoặc cong - Độ dài 30mm, 75mm, 100mm, 150mm và 200mm đối với chuôi dạng thẳng và 150mm, 200mm đối với chuôi dạng cong.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
297	G3.633	Đầu chuyển trục, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng hình nôm, có độ dài 2mm, 4mm, 6mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
298	G3.643	Miếng dán trị sẹo (4x30cm)	Miếng	200	-	- Băng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sẹo lồi, sẹo phì đại cỡ 4x30 cm. - Cấu tạo: Lớp polyurethane bán thấm; Lớp ép sợi viscose; Chất dính silicone tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương - Không thấm nước. Chỉ số bảo vệ khỏi tia UV (UPF) ở mức 5.	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
299	G3.652	Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít	Cái	12	-	Gồm: 1 miếng ghép đĩa đệm + 2 vít - Đĩa đệm: Vật liệu titanium, có 2 lỗ bắt vít với thiết kế hệ thống chống trật vít. Thiết diện bằng 0. Kích cỡ chiều sâu $\leq 12\text{mm}$ đến $\geq 14\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ: 12mm, 14mm) x chiều rộng $\leq 15\text{mm}$ đến $\geq 17\text{mm}$	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						(tối thiểu 2 cỡ: 15mm, 17mm) x chiều cao ≤ 5 mm đến ≥ 10 mm (có tối thiểu 5 cỡ: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm) - Vít: Vật liệu titanium, đường kính ≤ 3 mm đến $\geq 3,5$ mm (tối thiểu 2 cỡ: 3mm, 3,5mm), dài ≤ 12 mm đến ≥ 18 mm (tối thiểu 4 cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm). Góc của vít so với đĩa đệm là ≥ 35 độ. - Độ uốn 7 độ - Đóng gói tiệt trùng sẵn.			
300	G3.653	Đĩa đệm động toàn phần cột sống cổ	Cái	3	-	Gồm 2 đĩa vật liệu Titanium, phủ Diamolith hoặc tương đương. Mỗi đĩa bề mặt ngoài có ≥ 3 đỉnh chống trượt, chiều cao đỉnh 1,6mm, phủ lớp Titanium. Kích thước: sâu: ≥ 13 mm, rộng: ≥ 16 mm, cao ≤ 5 mm đến ≥ 7 mm (tối thiểu 3 cỡ: 5mm, 6mm, 7mm). Độ gấp ngửa: ± 8 độ. Độ nghiêng mỗi bên: ± 8 độ. Nhân đệm PE. Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
301	G3.165.4	Dây nước chạy máy trong nội soi	Cái	935	280	Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, chất liệu PVC DEHP-free, Ống dẫn được trang bị cổng UF để kết nối với ống bệnh nhân và một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới được kiểm soát bằng áp suất. Đầu vào kết nối bằng hai đầu nhọn. Có hai khóa kẹp đầu nước vào và 1 khóa kẹp đầu xả, áp suất được kiểm soát bằng ống đo áp suất kết nối với máy bơm. Đạt tiêu chuẩn CE	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
302	G3.166.3	Lưỡi bào khớp	Cái	935	280	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài ≥ 130 mm, đường kính tối thiểu 3 cỡ ≤ 3 mm - ≥ 5 mm. Đạt tiêu chuẩn CE	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
303	G3.169.4	Đầu đốt đơn	Cái	1.048	314	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cực bằng sóng radio cầm máu				hút nước. Phần dây hút nước dài 0,4m, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Đầu đốt cong 90°, Chiều dài làm việc $\geq 150\text{mm}$, chiều dài tay cầm 145mm, đường kính thân $\geq 4,4\text{mm}$. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai Đạt tiêu chuẩn CE		y tế	
304	G3.167.3	Lưỡi bào (mài) xương trong nội soi khớp	Cái	14	4	Lưỡi mài xương khớp có chiều dài $\geq 130\text{mm}$, các đường kính tối thiểu 2 cỡ $\leq 4\text{mm}$ và $\geq 5,5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn CE	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
305	G3.171.3	Chỉ khâu gân	Cái	924	277	Chỉ siêu bền chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt, dài 26mm. Chịu được lực kéo căng $\geq 345\text{N}$, lực kéo thắt nút $\geq 165\text{N}$ Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
306	G3.177.8	Vít treo màng ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	1.602	480	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vân Thiết kế cơ chế khóa 3 điểm với nẹp titan 4 lỗ chiều dài 12mm, rộng 3,86mm, dày 0,12 inch giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây bằng chỉ số 5 có thể tự điều chỉnh chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 105\text{mm}$. Lực kéo đạt lên tới $\geq 2100\text{N}$.	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
307	G3.768	Vít neo không thắt nút khâu	Cái	1.100	330	Vít neo không thắt nút khâu chóp xoay gồm 2 phần, phần vít neo chất liệu Biocompostie (PLGA+ β -TCP) và mũi nhọn chất liệu PEEK kèm theo một	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		chóp xoay				chỉ siêu bền UHMWPE số 2. Phần vít neo có bước ren đôi, dài 14,7mm, đường kính ngoài 5,5mm, đường kính trong 3,6mm. Phần tip PEEK đường kính 4,2mm, dài 10,5mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.			
308	G3.769	Vít neo vai sụn viền tự tiêu	Cái	330	99	Vít neo khâu sụn viền chất liệu Biocompostie (PLGA+β-TCP) kèm một chỉ siêu bền số 2 chất liệu UHMWPE. Đầu vít neo dài 11,9mm, đường kính trong 2,4mm, đường kính ngoài 3,0mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
309	G3.770	Trocar nội soi khớp	Cái	110	33	Ống Trocar nội soi loại có ren hoặc không có ren, đường kính 6,0mm/8,25mm, chiều dài 72mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
310	G3.771	Cây đẩy chỉ dùng cho nội soi khớp	Cái	110	33	Phần lưới đẩy chỉ bằng Nitinol, phần thân bằng thép không gỉ. Đường kính 0,3mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
311	G3.165.2	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi chạy máy, có khóa Luer	Cái	231	69	- Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mỡ ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. - Chiều dài dây nước tính từ máy là 6,2 m ± 2% - Chiều dài được tính từ đầu nối chữ Y trên dây dẫn nước từ bình dịch tới máy là 120 cm ± 5cm. Chiều dài được tính từ máy tới kẹp khóa ống dẫn nước trên dây nước từ máy tới bệnh nhân trong khoảng 390 - 400 cm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
312	G3.166.2	Dụng cụ (lưới) bào mòn sụn khớp, đầu bào hợp kim không	Cái	176	52	- Đầu lưới bào bằng hợp kim không gỉ - Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. - Đường kính có tối thiểu các loại 4mm; 5mm; 5,5mm; chiều dài 13cm±1cm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		gi							
313	G3.169.3	Đầu đốt bằng sóng radio, kích hoạt bằng phím trực tiếp trên tay cầm	Cái	176	52	<ul style="list-style-type: none"> - Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic - Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF), đầu đốt 90 độ, một mặt điện cực hoạt động - Có 6 cổng hút - Chiều dài 160mm±1mm, đường kính 3,75mm±0,01mm - Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
314	G3.167.2	Lưỡi bào (mài) xương các cỡ, đầu oval có 8 rãnh răng	Cái	119	35	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mài dạng Oval có 8 rãnh răng - Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ - Đường kính có tối thiểu các loại 4mm; 5mm; 5,5mm, chiều dài làm việc 130mm±1mm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
315	G3.182.4	Vít neo tự tiêu 4,75mm kèm chỉ dẹt siêu bền	Cái	269	80	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) - Dùng đai chỉ neo - Kèm vòng chỉ dẹt trắng xanh hoặc trắng đen 2,0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo. - Chỉ dẹt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác. - Kích thước: vít neo 4,75 x 19,1mm ±1% 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
316	G3.290	Cây đẩy chỉ	Cái	27	8	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu trước chắc chắn, đẩy chỉ từng bước - Thiết kế vừa vặn với trocar nhỏ tới ≤6 mm - Sử dụng được với mô dày lên tới ≥16 mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
317	G3.637	Vít neo 4,75mm	Cái	269	80	- Chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) - Thiết kế các lỗ thông - Kích thước: 4,75 x 19,1mm ± 1%	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
318	G3.172.2	Trocar dùng trong nội soi khớp các cỡ, ống có ren xoắn, có cổng bên	Cái	113	33	- Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt - Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. - Kích cỡ có tối thiểu các loại 6mm I.D x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8,25mm x 7cm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
319	G3.182.3	Vít neo kèm chỉ siêu bền dùng cho kỹ thuật khâu sụn có nút thắt	Cái	55	16	- Vật liệu BioComposite kèm chỉ siêu bền chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước vít: 3 mm × 14,5 mm ±1% - Thân chỉ có màu dễ quan sát. - Lực tải của chỉ tại mức dịch chuyển 3mm là ≥46 lbf (tải trọng động), lực tải của chỉ tối đa đạt ≥88lb	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
320	G3.183.2	Vít neo tự tiêu 2,9mm dùng cho kỹ thuật khâu sụn không nút thắt	Cái	40	-	- Vật liệu BioComposite, kích thước 2,9 mm x 12,5 mm ±1% - Lực tải tối đa: 135 ± 35N - Sử dụng cùng kỹ thuật không nút thắt - Vít neo giúp chỉ khâu mô một cách độc lập trước khi cấy ghép.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
321	G3.291	Cây móc chỉ	Cái	26	-	- Kích thước: 287 x 16 mm ±5% - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không rỉ và dây luồn bằng nitinol hoặc tương đương - Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 45 độ, 90 độ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
322	G3.412	Chỉ dệt siêu bền	Cái	60	-	- Chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ dẹt 2mm và được bện 2 đầu bằng chỉ tròn - Chỉ có 2 màu xanh hoặc trắng đen giúp dễ dàng phân biệt - Chiều dài sử dụng ≥ 91 cm (≥ 36 inch) 			
323	G3.170.2	Mũi khoan ngược dùng trong nội soi khớp các cỡ, có mẫu lật	Cái	47	14	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép tạo đường hầm xâm lấn tối thiểu từ trong ra ngoài. - Ở trạng thái thẳng, được dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường $3,5\text{mm} \pm 0,01\text{mm}$. - Ở trạng thái mở lưỡi, được khoá lại và tạo đường hầm trong xương. - Có tối thiểu các loại đường kính 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5; 8; 8,5; 9; 9,5; 10; 10,5; 11; 11,5; 12; 12,5; 13 mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
324	G3.177.2	Vít treo có kèm vòng chỉ siêu bền 4 điểm khoá	Cái	93	27	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: UHMWPE và titanium. - Khả năng chịu lực tối đa lên tới $\geq 980\text{N}$. - Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. - Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền với 4 điểm khoá không thắt nút tích hợp sẵn - Nút khóa Titanium chiều rộng $12\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$, vòng buộc tối đa từ $\leq 11\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
325	G3.171.2	Chỉ siêu bền	Cái	55	16	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE - Thân chỉ có màu dễ quan sát. - Chỉ dài ≥ 38 inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. - Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là ≥ 46 lbf (tải trọng động), lực tải tối đa đạt $\geq 88\text{lb}$. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
326	G3.417	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sóng không bóng	Bộ	550	165	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 02 Kim chọc dò cán chữ T. Chất liệu thép không gỉ. Gồm tối thiểu loại 11G, dài 125mm ± 3%</p> <p>2. 01 gói xi măng sinh học gồm: + ≥ 24 g bột gồm (Poly MMA, Poly MA, MMA, Zirconium dioxid, Benzoyl peroxid). + ≥ 10 ml dung dịch pha gồm (MMA, Dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone)</p> <p>3. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng dạng súng dung tích ≥ 20cc, chiều dài 230mm, ống nối dài 250mm, đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 5mm. Xi măng được trộn trong hệ thống trộn kín. Bình trộn đường kính ≥ 30mm, thể tích 80cc.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
327	G3.684	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài dạng thẳng/cong góc cổ 130 độ	Bộ	53	15	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Chỏm bán phần: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, có lớp đệm polyethylene cao phân tử ở giữa, đường kính ngoài từ ≤ 38mm đến ≥ 56mm</p> <p>2. Chỏm xương đùi: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, có các đường kính tối thiểu: 22mm và 28mm</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan. Thiết kế đầu gần hình nêm 3 chiều, đầu xa hình trụ tròn chuôi cong theo giải phẫu ống tủy xương đùi, phân biệt trái phải, dạng cổ thân 1 khối, phủ nhám toàn thân, góc cổ chuôi 130 độ, chiều dài gồm tối thiểu cỡ 180mm</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						chuôi dạng thẳng và cỡ 230mm chuôi dạng cong đường kính đầu xa thay đổi trong khoảng từ $\leq 11\text{mm}$ đến $\geq 18\text{mm}$, bước tăng $\leq 1,5\text{mm}$			
328	G3.480	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (6x8cm)	Miếng	5.698	1.709	<ul style="list-style-type: none"> - Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 6x8cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạch trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tâm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm²/24h 	EU	Thiết bị y tế	24 tháng
329	G3.685	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn xương với miếng ghép bù xương mâm chày	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lòai cầu xương đùi: Chất liệu bằng Cobalt Chrome (CoCr), độ dày 9mm, mặt trước nghiêng 5 độ, độ gập gối tối đa ≥ 155 độ. Lòai cầu loại không cắt khe. Có tối thiểu 13 cỡ mỗi bên trái, phải. Độ rộng trong ngoài từ 56mm - 80mm, bước tăng 2mm và độ rộng trước sau từ 52mm - 76mm, bước tăng 2mm.</p> <p>2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), chân mâm chày có để sẵn đầu chờ để gắn chuôi nối dài và miếng ghép bù xương mâm chày, mâm chày có tối thiểu 8 cỡ, tăng dần từ nhỏ đến lớn không phân biệt trái-phải, với độ rộng trong ngoài $\leq 60\text{mm}$</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>- $\geq 84\text{mm}$ và độ rộng trước sau $\leq 40\text{mm}$ - $\geq 58\text{mm}$.</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày: Chất liệu bằng Polyethylene bổ sung vitamin E tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp đệm thiết kế cố định (Fix bearing). Có tối thiểu 5 kích cỡ độ dày, trong đó: từ 9mm - 15mm, gồm 4 cỡ, bước tăng 2mm và cỡ 18mm.</p> <p>4. Bánh chèo: Chất liệu bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử hoặc tương đương, dạng vòm có 3 chân cố định. Có tối thiểu 7 cỡ với đường kính từ $\leq 26\text{mm}$ - $\geq 44\text{mm}$ tương ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8,5mm, 9mm, 9,5mm, 10mm, 10,5mm.</p> <p>5. Xi măng xương: Cement xương có độ quánh cao, thành phần bột xi Polymethyl Methacrylate (87,6% w/w), barium Sulphate (10% w/w), Benzoyl Peroxide(2,4% w/w), dung môi Methyl Methacrylate (98,8% w/w), N,N dimethyl p-toluidine (1,2% w/w)</p>			
330	G3.195.8	Bộ khớp gối toàn phần thay lại lõi cầu CoCr 6 cỡ mỗi bên từ 1-6 và 2 bên trái-phải, lớp lót liên kết	Bộ	2	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lõi cầu đùi: Chất liệu Cobalt Chrome, độ rộng trước sau: từ 52mm - 72mm và độ rộng trong ngoài từ 56mm - 76mm (bước tăng 4mm), được thiết kế dạng cốt cam khớp với cuống mâm chày. Chân lõi cầu có cấu tạo đầu chờ. Lõi cầu thay lại có 6 cỡ mỗi bên cho mỗi bên trái-phải.</p> <p>2. Lớp lót: Chất liệu Polyethylene Crosslink cao</p>	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		chéo bổ sung E-XPE, thiết kế bánh chè dạng vòm				<p>phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E hoặc tương đương. Có cấu tạo cốt cam bằng Polyethylene, bên trong có lớp gia cố. Chiều cao cốt cam khoảng 21mm và cho phép xoay trong/ngoài 3,7 độ và vẹo trong/ngoài 1,4 độ. Độ dày lớp đệm có tối thiểu các cỡ: 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm, 21mm, 25mm, 30mm.</p> <p>3. Mâm chày: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 6 cỡ. Độ rộng trong ngoài từ 60mm - 84mm (bước tăng từ 3mm - 4mm), trước sau từ 40mm - 58mm (bước tăng từ 2,5mm - 3mm). Chân mâm chày có cấu tạo đầu chờ gắn đầu chuyên trực và chuỗi nối dài Titanium hoặc miếng ghép bù xương cho khoang trong và khoang ngoài.</p> <p>4. Bánh chè: bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử hoặc tương đương, dạng vòm có 3 chân cố định. Có tối thiểu 7 cỡ với đường kính từ $\leq 26\text{mm}$ - $\geq 44\text{mm}$ tương ứng với độ dày 7mm; 8mm; 8,5mm; 9mm; 9,5mm; 10mm; 10,5mm.</p> <p>5. Xi măng xương: Thành phần bột xi Polymethyl Methacrylate (87,6% w/w), Barium Sulphate (10% w/w), Benzoyl Peroxide (2,4% w/w). Dung môi Methyl Methacrylate (98,8% w/w), N,N dimethyl p-toluidine (1,2% w/w)</p>			
331	G3.759	Bộ khớp gối toàn phần, có xi măng, loại 2 trong 1: cố định	Bộ	2	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Lòai cầu xương đùi có xi măng: Chất liệu Co28Cr6Mo hoặc tương đương, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, khả năng gấp duỗi trong</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		hoặc linh động				<p>biên độ 155 độ - 5 độ. Có tối thiểu 6 cỡ với kích thước: bề rộng từ 55mm - 80mm, chiều dài từ 50mm - 75mm, chiều cao từ 45mm - 65mm</p> <p>2. Mâm chày có xi măng: Chất liệu Co28Cr6Mo hoặc tương đương, thiết kế bất đối xứng, phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Có tối thiểu 8 cỡ với kích thước: chiều rộng từ 60mm - 90mm, mâm chày ngoài kích cỡ từ 36mm - 55mm, mâm chày trong kích cỡ từ 40mm - 65mm. Thiết kế 2 trong 1, tùy chọn lớp đệm mâm chày linh động hoặc cố định</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày cố định hoặc linh động: Chất liệu nhựa cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương, tối thiểu 6 cỡ, độ dày từ ≤ 7 đến ≥ 17mm</p> <p>4. Xi măng kháng sinh 1G</p> <p>5. Vít bịt mâm chày: chất liệu Ti6Al4V hoặc tương đương</p>			
332	G3.761	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic, ổ cối in 3D	Bộ	2	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Chuôi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan TiAl6V4 hoặc tương đương, cổ chuôi 12/14, có tối thiểu 3 loại góc cổ chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc cổ chuôi 133 độ, 138 độ: Có tối thiểu 10 cỡ chuôi; Chiều dài từ 130mm - 160mm; các cỡ offset từ 34,5mm - 43,6mm; Bề mặt đầu gân phủ titan + HA - Góc cổ chuôi 135 độ: Có tối thiểu 11 cỡ chuôi; Chiều dài từ 110mm - 190mm; Có tối thiểu 11 cỡ offset từ 38,5mm - 44,5mm; Bề mặt phủ HA toàn phần 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>2. Chỏm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta hoặc tương đương, đường kính 28mm, 32mm và 36mm, tối thiểu 6 offset từ -4, -3,5, 0, +3,5, +4, +7, +8mm</p> <p>3. Lớp đệm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta hoặc tương đương, đường kính trong 28mm, 32mm và 36mm, đường kính ngoài từ ≤ 35 đến ≥ 50mm, có tối thiểu 5 cỡ</p> <p>4. Ổ cối in 3D không xi măng: Chất liệu hợp kim titan TiAl6V4 hoặc tương đương, cấu trúc xương xốp cấu thành bởi các sợi titan đường kính từ 330 μm - 400μm, độ xốp rỗng khoảng 60%, có tối thiểu 16 cỡ từ ≤ 45 đến ≥ 70mm tối thiểu 7 lỗ vít ẩn bắt vít ổ cối</p> <p>5. Vít ổ cối: Chất liệu TiAl6V4 hoặc tương đương, đường kính 6,5mm, chiều dài từ 15-50mm ($\pm 5\%$)</p>			
333	G3.662	Lưới tạo hình ổ mắt titan dùng vít 1,5mm	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Lưới tạo hình ổ mắt dạng lưới quỹ đạo lỗ dày $\geq 0,3$ mm và $\leq 0,5$mm, chiều dài $\leq 44,9$ x chiều rộng $\leq 39,4$ mm đồng bộ với vít 1,5mm - Chất liệu Titanium nguyên chất. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
334	G3.663	Nẹp thẳng 8 lỗ dùng vít 1,5mm	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mặt thẳng 8 lỗ, dài $\leq 31,2$mm - Dày $\leq 0,6$mm; - Dùng đồng bộ với vít đường kính 1,5mm; - Chất liệu: Titanium nguyên chất. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
335	G3.664	Nẹp thẳng 16 lỗ dùng vít 1,5mm	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mặt thẳng 16 lỗ, chiều dài $\leq 63,2$mm - Dày từ $\leq 0,6$mm; - Dùng đồng bộ với vít đường kính $\leq 1,5$mm; - Chất liệu: Titanium nguyên chất. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
336	G3.665	Vít titanium tự khoan tự	Cái	88	-	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính thân vít 1,5mm, mũ vít $\varnothing 2,5\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$, bước ren $0,5\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$ 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		taro các cỡ đường kính 1,5mm				<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài từ $\leq 3,5\text{mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$ - Vít tự khoan, tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). 			
337	G3.657	Nẹp chữ L trái, phải 6 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mặt chữ L 6 lỗ bắc cầu, quay trái, phải góc ≤ 90 độ, dày $\leq 1,0\text{mm}$. - Chất liệu Polime sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
338	G3.658	Nẹp thẳng 8 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mặt thẳng 8 lỗ. - Chiều dày $\leq 1,0\text{mm}$; dài $\leq 41\text{mm}$ - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid). - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
339	G3.659	Nẹp thẳng 22 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp mặt thẳng 22 lỗ. - Chiều dày $\leq 1,0\text{mm}$; dài $\leq 111\text{mm}$ - Vật liệu Polyme sinh học PLLA-PGA, gồm: $\geq 85\%$ PLLA; $\leq 15\%$ PGA - Tự tiêu trong vòng 12 - 14 tháng. - Sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
340	G3.661	Lưới tạo hình ổ mắt tự tiêu các cỡ	Cái	2	-	<ul style="list-style-type: none"> - Lưới tạo hình ổ mắt tự tiêu dày $\leq 0,6\text{mm}$, - Kích thước: đường kính $\text{Ø} \leq 30 \text{ mm}$ hoặc $40 \times 40\text{mm}$. - Chất liệu Polime sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm			
341	G3.660	Vít tự tiêu đường kính 2,1mm	Cái	188	-	- Vít tự tiêu đường kính $\leq 2,1\text{mm}$, - Chiều dài từ $\leq 4\text{ mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$, - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
342	G3.666	Nẹp hàm thẳng 6 lỗ dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	- Nẹp thẳng 6 lỗ, dày $\leq 1,5\text{ mm}$, chiều dài $\leq 38\text{mm}$ - Dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
343	G3.667	Nẹp hàm thẳng 8 lỗ dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	- Nẹp thẳng 8 lỗ, dày $\leq 1,5\text{ mm}$, chiều dài $\leq 38\text{mm}$. - Dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
344	G3.668	Nẹp hàm thẳng 4 lỗ, bắc cầu ngắn dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	- Nẹp hàm thẳng 4 lỗ ngắn, dày $\leq 1,5\text{mm}$, dài $\leq 28\text{mm}$ dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm. - Chất liệu titanium hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
345	G3.672.2	Vít mini titan hàm mặt cỡ 2,3mm	Cái	90	-	- Vít tự taro, mũ vít hình chữ thập, đường kính mũ vít $\leq 3,0\text{mm}$ - Đường kính thân vít 2,3mm, dài $\geq 6\text{mm}$ và $\leq 11\text{mm}$ - Bước ren $\leq 0,75\text{mm}$ - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
346	G3.298.4	Nẹp khóa	Cái	102	30	- Chất liệu titanium nguyên chất	Không	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		titanium bản nhỏ các cỡ, 4-12 lỗ, xẻ rãnh, có nén ép				- Độ dày 3mm, độ rộng 9,5mm - Số lỗ 4/5/6/7/ 8/ 9/10/11/12 lỗ, chiều dài nẹp từ $\leq 60 - \geq 160$ mm - Sử dụng với vít khóa 3,5mm và vít xương cứng 3,5mm	yêu cầu	y tế	
347	G3.299.4	Nẹp khóa titanium mắt xích các cỡ, dày 3,0mm, 5-18 lỗ	Cái	66	19	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 5 -18 lỗ - Chiều dày nẹp 3,0 mm. chiều rộng 10 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 64 mm- ≥ 233 mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
348	G3.301.3	Nẹp khóa titanium xương gót các cỡ, dày 2,0mm	Cái	3	-	- Chất liệu titanium nguyên chất - Dày 2mm, dài 68mm, có trái/ phải riêng biệt - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
349	G3.325.3	Nẹp khóa mòm khuyết trái/phải các cỡ, vật liệu titanium	Cái	4	-	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ thân từ 4-12 lỗ - Dài từ ≤ 112 mm - ≥ 216 mm, dày 3,2mm, rộng 10,0mm, trái/phải riêng biệt - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm, và vít xương cứng 3,5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
350	G3.326.3	Nẹp khóa chữ S xương đòn, dày 2,5mm, titan	Cái	119	35	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ từ 6-12 lỗ, chiều dài từ $\leq 61,8 - \geq 127,7$ mm, dày 2,5mm, rộng 10mm - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
351	G3.327.3	Nẹp khóa đầu trên	Cái	33	9	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Gồm 2 loại ngắn/dài, số lỗ từ 3-12 lỗ, dài từ	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		xương cánh tay, loại ngắn/dài				<ul style="list-style-type: none"> ≤84mm - ≥258mm. - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm 			
352	G3.328.3	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, mặt trong, mặt ngoài	Cái	16	4	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium nguyên chất Nẹp mặt ngoài: <ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ đầu 6 lỗ, lỗ từ 3-9 lỗ, dài từ ≤65mm đến ≥143mm, dày 2,5mm, rộng 11,2mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7mm và 3,5mm Nẹp mặt trong: <ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ đầu 3 lỗ, lỗ từ 3-9 lỗ, dài từ ≤ 59mm đến ≥136mm, dày 2,5mm, rộng 11,2mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7mm và 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
353	G3.329.4	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại	Cái	44	13	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 3-15 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 2,5 mm, chiều rộng nẹp 10,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤86 mm - ≥242 mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7 và 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
354	G3.341.4	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong/ngoài	Cái	33	9	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium nguyên chất - Nẹp khóa mặt trong: Số lỗ đầu 8 lỗ, số lỗ thân từ 4-10 lỗ, độ dày 4,2mm, rộng 13,7mm. - Nẹp khóa mặt ngoài: Số lỗ từ 9-19 lỗ, dày 4,2mm, rộng 14mm. - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
355	G3.424	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ, titan	Cái	16	4	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium nguyên chất - Độ dày nẹp 3,1mm, độ rộng 10,5mm - Số lỗ từ 10-15 lỗ, trái/ phải riêng biệt, chiều dài nẹp từ ≤68 - ≥128mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 2,7 và 3,5mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
356	G3.425	Nẹp khóa	Cái	16	4	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium nguyên chất 	Không	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		xương đòn tái tạo mặt trước trên, titan				- Độ dày nẹp 3mm, độ rộng 10,5mm - Số lỗ 6-8 lỗ, trái/ phải các loại, chiều dài từ $\leq 103,2$ - $\geq 122,5$ mm - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm	yêu cầu	y tế	
357	G3.310.3	Vít khóa titanium 2,7; 3,5mm các cỡ	Cái	2.407	722	- Chất liệu titanium, tự taro. - Đường kính 2,7mm, với chiều dài từ ≤ 6 - ≥ 60 mm - Đường kính 3,5mm với chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 80 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
358	G3.330.1	Vít xương cứng 3,5mm, titanium, toàn ren, tự taro kèm trợ cụ tương thích	Cái	779	233	- Chất liệu titanium Alloy - Vít toàn ren, tự taro - Đường kính 3,5mm, đường kính lõi 2,4mm $\pm 3\%$ - Chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 130 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
359	G3.332	Vít xương xóp đờng kính 4,0 các cỡ, chất liệu titanium	Cái	106	31	- Chất liệu titanium - Ren bán phần - Đường kính 4,0mm tương ứng chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 65 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
360	G3.745	Nẹp khóa móc xương đòn các cỡ	Cái	2	-	Chất liệu Titanium nguyên chất. Móc dài 15mm. Độ dày nẹp 3,6mm, rộng 11mm. Có 3 lỗ đầu, số lỗ thân có từ 2 đến 7 lỗ. Chiều dài nẹp từ ≤ 45 mm đến ≥ 95 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
361	G3.747.1	Nẹp khóa nhỏ thẳng 2,7mm, các cỡ	Cái	8	-	Chất liệu Titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 2,0mm, rộng 7mm. Có từ 4 đến 10 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 41 mm đến ≥ 98 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
362	G3.747.2	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3,6mm	Cái	16	4	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3,6mm, chiều rộng 11mm. Số lỗ từ 4 - 12 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ là 13mm. Chiều dài nẹp từ ≤ 51 mm đến ≥ 155 mm. Nẹp thiết kế nén ép, lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
363	G3.747.3	Nẹp khóa mặt xích cong các cỡ	Cái	7	2	Chất liệu Titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3,0mm, rộng 10mm. Có từ 8 - 16 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 94 mm đến ≥ 190 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
364	G3.746.1	Vít khóa lỗ nẹp 3,5mm	Cái	14	-	Chất liệu: hợp kim titanium hoặc tương đương. Độ dày/cao 2mm. Sử dụng để bịt lỗ khóa của nẹp 3,5mm khi không bắt vít.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
365	G3.302.3	Nẹp khóa titanium bản hẹp các cỡ, dày 4,8mm	Cái	14	4	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 4-16 lỗ - Chiều dày nẹp 4,8 mm. chiều rộng nẹp 13,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 89 mm - ≥ 287 mm - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
366	G3.303.3	Nẹp khóa titanium bản rộng các cỡ, dày 6,0mm	Cái	33	9	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ từ 6-18 lỗ. - Chiều dày nẹp 6,0 mm. chiều rộng 17,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 107 mm - ≥ 323 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
367	G3.304.2	Nẹp khóa titan đầu trên, dày 3,8-4,2mm	Cái	29	8	- Chất liệu titanium nguyên chất - Nẹp mặt ngoài chữ L: 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-10 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3,8mm, rộng 14 mm, dài trong khoảng từ $\leq 83,2$ - $\geq 179,2$ mm - Nẹp mặt ngoài: số lỗ thân từ 5-13 lỗ, Chiều dày nẹp 4,2mm, chiều rộng nẹp 16 mm, dài trong khoảng từ ≤ 140 mm - ≥ 300 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						- Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm			
368	G3.305.4	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ, dày 5,2mm	Cái	20	6	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ đầu 5 lỗ, số lỗ thân từ 4-12 lỗ. - Chiều dày nẹp 5,2mm, chiều rộng 18,0 mm, chiều dài nẹp từ ≤145 mm - ≥305 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
369	G3.306.3	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dày 6,0mm	Cái	20	6	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ thân 5-13 lỗ - Chiều dày nẹp 6 mm, chiều rộng nẹp 16 mm, chiều dài nẹp từ ≤156 mm - ≥316 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
370	G3.340.3	Nẹp khóa ộp mâm chày, chất liệu Titanium	Cái	33	9	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân từ 4-13 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3,8 mm, chiều rộng nẹp 14 mm, chiều dài nẹp từ ≤84 - ≥228mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
371	G3.311.3	Vít khóa titanium 5,0mm các cỡ	Cái	1.089	326	- Chất liệu titanium Alloy - Đường kính 5,0mm, tự taro - Chiều dài từ ≤14 - ≥50 mm bước tăng 2 mm, chiều dài từ ≤50 - ≥90 mm bước tăng 5 mm.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
372	G3.331.1	Vít xương cứng 4,5mm, titanium, toàn ren, tự taro kèm trợ	Cái	227	68	- Chất liệu titanium Alloy - Vít toàn ren, tự taro. - Đường kính 4,5mm tương ứng chiều dài từ ≤14 - ≥60 mm với bước tăng 2mm, chiều dài từ ≤65 - ≥75 mm với bước tăng 5mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		cụ tương thích							
373	G3.333	Vít xương xóp đường kính 6,5mm, chất liệu Titanium	Cái	33	9	- Chất liệu titanium - Ren bán phần - Đường kính 6,5mm - Chiều dài từ ≤ 40 - ≥ 110 mm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
374	G3.746.2	Vít khóa lỗ nẹp 5,0mm	Cái	10	-	Chất liệu: hợp kim titanium hoặc tương đương. Độ dày/cao 2mm. Sử dụng để bịt lỗ khóa của nẹp 5,0mm khi không bắt vít.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
375	G3.669	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	16	-	Nẹp thẳng 4 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Chiều dài: từ 21mm - 31mm. Độ dày: từ 0,6mm - ≤ 1 mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
376	G3.670	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	22	-	Nẹp thẳng 6 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Chiều dài: từ 30mm - 40mm. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1 mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
377	G3.671	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	12	-	Nẹp thẳng 8 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1 mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chiều dài: từ 38mm - 49mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
378	G3.672.1	Vít mini titan hàm mặt cỡ 2,0mm	Cái	134	-	- Vít tự taro, mũ vít hình chữ thập, đường kính mũ vít $\leq 3,0$ mm - Đường kính thân vít 2,0mm, dài ≥ 6 mm và ≤ 11 mm - Bước ren $\leq 0,75$ mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. - Tương thích với dụng cụ hệ mini 2,0mm. 			
379	G3.634	Vít đa trục bán động, phủ chất kích thích mọc xương	Cái	9	2	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng hợp kim titanium - Mũ vít có dạng hình tulip. - Trên thân vít được phủ một lớp 20-30μm chất kích thích mọc xương Bornit, bước ren thân vít là $3 \pm 0,15$mm & góc giữa 2 vòng ren là $50^\circ \pm 2^\circ$. - Lõi vít hình nón, đầu mũ vít rộng nòng đường kính 1,68mm. - Kích thước: Đường kính 5,5mm; 6,5mm; 7,5mm, dài từ 30 đến 55mm (bước tăng 5mm) 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
380	G3.635	Nẹp dọc cho vít đa trục bán động	Cái	3	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng hợp kim titanium. - Đầu nẹp dọc có khoan lỗ và có vạch đánh dấu. - Đường kính 6,0mm, chiều dài từ 100mm đến 120mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
381	G3.636	Vít khóa trong vít đa trục bán động	Cái	9	2	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titanium - Đầu gài hình ngôi sao 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
382	G3.385	Vít đa trục mũ vít bước ren vuông	Cái	8	-	<ul style="list-style-type: none"> - Vít đa trục tự taro, góc xoay $\pm 30^\circ$, đầu vít thon hình nón. - Mũ vít bước ren vuông, đường ren mở góc 12° và cách nhau $0,51 \pm 0,05$mm. Trên thân vít có bước ren 2,5mm, góc giữa hai vòng ren là 62°. - Chất liệu vít bằng titanium. - Kích thước: bao gồm các cỡ 4,5; 5,5; 6,5; 7,5; 8,5; 10,0mm, chiều dài từ ≤ 25mm - ≥ 60 mm (mỗi size tăng 5mm). 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
383	G3.388	Nẹp dọc cột sống lưng ngực đk 6,0mm	Cái	20		<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng titanium - Đường kính 6,0mm - Dạng thẳng, đầu có nẹp dọc phẳng hoặc hình lục giác. - Chiều dài: $\leq 100\text{mm} - \geq 180\text{ mm}$ 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
384	G3.547	vít khóa trong bước ren vuông	Cái	8	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium. - vít khóa trong có bước ren vuông, đường ren mở góc 12 độ, chiều rộng ren là $0,48\pm 0,05\text{ mm}$. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
385	G3.391	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng ngực dạng thẳng, có đầu nhọn và phẳng	Cái	20	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: PEEK - Miếng ghép dạng thẳng, phần đầu miếng ghép thon nhọn và phẳng. - Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng. - Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum hoặc tương đương. - Kích thước: có 2 loại kích thước dài x rộng: 24x10mm và 29x10mm, chiều cao từ 7 đến 14mm (mỗi size tăng 1mm), góc 5 độ và 12 độ. 	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
386	G3.584	Khớp vai bán phần có xi măng	Bộ	6	-	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuôi cánh tay có xi măng: vật liệu Ti6Al4V hoặc tương đương, dài 80mm, đường kính tối thiểu 5 cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm 2. Cổ chuôi: vật liệu Ti6Al4V cùng với vít khóa, tối thiểu 3 cỡ với đường kính x chiều cao: 16x31mm, 16x34mm, 16x37mm 3. Đầu nối: vật liệu Ti6Al4V, có tối thiểu 4 kích cỡ 0, +2, +4, +8 4. Chỏm khớp: vật liệu hợp kim CoCrMo, có tối thiểu 8 kích cỡ với đường kính x chiều cao: 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>40x14,8mm, 42x15mm, 44x16mm, 46x17mm, 48x18mm, 50x19mm, 52x20mm, 54x21mm</p> <p>5. Xi măng kháng sinh: Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn: một ống chứa chất lỏng tiệt trùng đặt trong một vỉ và một túi đôi tiệt trùng chứa bột. Thành phần: + Gói bột Polyme ($\geq 40g$): Polymethyl Methacrylate (PMMA), Benzoyl peroxide (BPO), Barium sulphate (BaSO₄), Gentamicin sulfate. + Dung dịch (khoảng 16-17g): Methylmethacrylate (MMA), Dimethyl paratoluidine (DMPT) và Hydroquinone (HQ).</p>			
387	G3.766	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cấu trúc mạng, in 3D nguyên khối các cỡ	Cái	22	6	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ in 3D. - Chất liệu Bột Ti6Al4V ELI hoặc tương đương. - Kích thước (dài x rộng): 25mm x 10mm ($\pm 10\%$); Chiều cao các cỡ từ 7 đến 16mm với bước tăng 1mm, độ uốn (góc lordosis) 4 độ hoặc 8 độ. - Đĩa có cấu trúc lưới, độ xốp 60-80%, kích thước lỗ xốp 45-100 μm, cho phép xương phát triển, bám chặt bên trong đĩa. - Cung cấp kèm Bộ dụng cụ đặt đĩa đệm cột sống lưng tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
388	G3.767	Miếng bọc gân sinh học 4cm x 5cm	Cái	110	33	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng bọc gân sinh học là ma trận ngoại bào (ECM) dị loại nguồn gốc từ mô phúc mạc sử dụng trong các thủ thuật y học thể thao nhằm gia cố và sửa chữa mô mềm suy yếu như gân cơ chóp xoay, dây chằng, cơ tứ đầu, gân gót và các loại gân khác. - Sản phẩm được xử lý để loại bỏ các kháng nguyên 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>trong khi vẫn giữ nguyên các đặc tính và thành phần mong muốn của khung mô với độ dày trung bình 0,24mm (không vị trí nào mỏng quá 0,15mm) đảm bảo độ bền kéo $26,22 \pm 11,21$ N/cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm được sử dụng khô hoặc trước khi sử dụng được ngâm nước bằng nước muối hoặc dịch cơ thể tự thân như máu, dịch hút tủy xương hoặc cô đặc máu như huyết tương giàu tiểu cầu. Kích thước: 4 cm x 5 cm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn FDA. 			
389	G3.772	Nẹp dọc uốn sẵn	Cái	88	26	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu: Hợp kim titanium. Đường kính: 5,5 mm, uốn sẵn. Một đầu nhọn, một đầu có ren. Chiều dài: từ 20mm đến 150mm. Đóng gói tiệt trùng. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
390	G3.249.1	Clip titan kẹp phình mạch máu não	Cái	5	1	<ul style="list-style-type: none"> Hàm kẹp gồm dạng thẳng, cong/gập góc, lưỡi lê Độ dài hàm kẹp từ 3mm đến 25mm. Độ mở rộng hàm từ 3,2mm đến 13,3mm. Lực kẹp: 1,47N; 1,77N; 1,96N. Lực kẹp được đo tại 1/3 chiều dài hàm với độ mở rộng hàm $1,0\text{mm} \pm 2\%$. Loại có lỗ tròn đường kính 5,0 mm Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng tăng ma sát. Chất liệu hợp kim titanium hoặc tương đương. Clip được mã hóa bằng màu sắc. Đóng gói: tiệt trùng và không tiệt trùng 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
391	G3.31.1	Đinh Kirschner	Bộ	471	141	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu: Thép không gỉ Đường kính từ 1,0mm đến 3,5mm; dài 290mm 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		các cỡ, chất liệu thép không gỉ				- Hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC.			
392	G3.762	Bộ khớp háng bán phần không xi chuôi dài tháo rời	Bộ	132	39	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. Ổ cối bán phần: Vật liệu: Vỏ thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong Polyethylene cao phân tử UHMWPE. Đường kính: từ 38mm - 59mm mỗi bước tăng 1mm. Chòm bán phần cỡ từ 38 - 45mm gắn với chòm 22mm, Chòm bán phần cỡ từ 42 - 59mm gắn với chòm 28mm.</p> <p>2. Chòm khớp: vật liệu Cobalt-chromium-molybdenum, có 2 cỡ: 22mm/28mm, trong đó cỡ 22mm có tối thiểu (-3.5; +0).</p> <p>3. Cổ chuôi khớp: vật liệu Ti-6AL-4V, vỏ ngoài phủ lớp nhám plasma. Kiểu chuôi lắp ghép Module, dài từ 50mm - 80mm (bước tăng 10mm).</p> <p>4. Thân chuôi khớp: vật liệu Ti-6AL-4V, vỏ ngoài phủ lớp nhám plasma. Kiểu chuôi lắp ghép Module, có khóa chống xoay. Thân chuôi có đường kính 12-30mm (mỗi cỡ tăng 1mm), chiều dài thân có tối thiểu cỡ: 115mm và 150mm/190mm/200mm/250mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE</p>	Châu Âu	Thiết bị y tế	24 tháng
393	G3.773	Nẹp dọc bảo tồn chuyển động	Cái	88	26	<p>- Nẹp dọc dạng khớp nối.</p> <p>- Chất liệu: Hợp kim titanium.</p> <p>- Giúp kiểm soát chuyển động của cột sống đa hướng, đảm bảo linh hoạt cho các động tác gập, duỗi và uốn bên, đồng thời giảm thiểu chuyển động</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>dịch và xoay trục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể uốn cong phù hợp với giải phẫu cột sống bệnh nhân. - Có 2 loại để phân biệt màu sắc với độ cứng biến dạng khớp nối 25 N/mm và 50 N/mm - Chiều dài: có tối thiểu 3 cỡ: 22mm, 27mm và 32mm. - Đóng gói tiệt trùng. 			
394	G3.774	Miếng ghép đĩa đệm cổ có vít	Bộ	66	19	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 Miếng ghép đĩa đệm cổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Peek-Optima. - Hình dạng giải phẫu kép, cong 6 độ. - Miếng ghép có răng góc cạnh, khoảng ghép xương lớn, điểm cân quang sau bằng vàng. - Chiều rộng: từ 14mm đến 16mm, có tối thiểu 2 cỡ 14mm và 16mm. - Chiều rộng: từ 13mm đến 15mm, có tối thiểu 2 cỡ 13mm và 15mm. - Chiều cao: từ 4,5mm đến 8,5mm (bước tăng 1mm). - Vít nghiêng so với mặt phẳng đứng dọc 42 độ (± 5 độ), nghiêng so với mặt phẳng đứng ngang 10 độ (± 5 độ). <p>2. 02 Vít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 3,5mm. - Chiều dài: từ 10mm đến 18mm (bước tăng 2mm). - Tự khoan/tự taro. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
395	G3.775	Bộ bơm xi	Bộ	176	52	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		măng không bóng độ nhớt trung bình				<p>thành lên bộ:</p> <p>1. 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dung tích $\geq 10\text{ml}$, kèm theo bộ trộn kín dạng tay quay có thể tích $\geq 40\text{ml}$</p> <p>2. 02 Kim chọc dò cán nhựa, có tối thiểu 02 cỡ 11G và 13G, chiều dài khoảng 12,5cm.</p> <p>3. 01 Xi măng sinh học có độ nhớt trung bình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứa khoảng 30% Bariumsulfat, khối lượng xi măng 20g (thành phần bao gồm Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm 10ml hoặc 10g dung dịch pha (thành phần bao gồm: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone). - Lực nén $> 82,5\text{ MPa}$, Lực uốn cong $< 3400\text{ MPa}$, nhiệt độ đông cứng trong khoảng 66-68 độ C. - Thời gian làm việc khoảng 14-15 phút ở nhiệt độ 23 độ C. 		y tế	
396	G3.776	Bộ bơm xi măng bóng kép độ nhớt trung bình	Bộ	176	52	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Bộ trộn tối thiểu đi kèm 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc.</p> <p>2. 02 Bóng nóng thân đốt sóng các cỡ 10mm/15mm/20mm, dài 20cm. Áp suất tối đa của bóng chịu được là $\geq 400\text{psi}$. Thể tích tối đa khi bơm phòng: tối thiểu trong khoảng từ 1,8ml đến 5,5ml, đường kính tối đa tương ứng: tối thiểu trong khoảng từ 14,5mm đến 15,6mm, chiều dài tối đa: tương ứng</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>tối thiểu trong khoảng từ 11,2mm đến 21,4mm. Khả năng tạo khoang trong thân đốt sóng với ≥ 3 cỡ bóng tương ứng: tối thiểu trong khoảng từ 15 đến 25mm.</p> <p>3. 02 Kim chọc dẫn đường vào thân đốt sóng cho bóng nong tối thiểu gồm loại 11G, đường kính ngoài 3,5mm, chiều dài 15cm.</p> <p>4. 02 Mũi khoan tự taro đường kính 3,0mm, chiều dài 20cm, trên thân kim có vạch đo khoảng cách, mỗi vạch cách nhau 2mm.</p> <p>5. 06 Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sóng đường kính 2,9mm, chiều dài 20cm, dung tích 1,5ml.</p> <p>6. 02 Đồng hồ đo áp lực cho bóng nong thể tích bơm 20ml dạng kỹ thuật số.</p> <p>7. 01 Xi măng sinh học có độ nhớt trung bình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứa khoảng 30% Bariumsulfat, khối lượng xi măng 20g (thành phần bao gồm Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (thành phần bao gồm: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone). - Lực nén > 82,5 MPa, Lực uốn cong < 3400 MPa, nhiệt độ đông cứng trong khoảng 66-68 độ C. - Thời gian làm việc khoảng 14-15 phút ở nhiệt độ 23 độ C. 			
397	G3.777	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng	Cái	110	33	<p>Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, chất liệu PEEK</p> <p>Chiều dài gồm tối thiểu 02 loại 20mm và 25mm</p> <p>Độ uốn gồm tối thiểu 03 loại 0 độ, 4 độ và 8 độ</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						Chiều cao gồm các cỡ trong khoảng từ $\leq 7\text{mm}$ - $\geq 14\text{mm}$ với độ uốn 0 độ Tiêu chuẩn: FDA			
398	G3.778	Vít đa trục cột sống lưng	Cái	385	115	<ul style="list-style-type: none"> - Vít đa trục cột sống lưng chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính gồm các cỡ từ 5mm đến 8,5mm. - Chiều dài các cỡ từ 25mm đến 55mm (bước tăng 5mm). - Góc xoay mỗi bên của thân vít so với trục khoảng $28,5^\circ \pm 1\%$. - Chiều cao mũ vít khoảng $16,5\text{mm} \pm 1\%$, đường kính 14mm. - Mũi vít có tối thiểu 02 rãnh tự taro. - Vít tương thích với hệ nẹp dọc 6,0mm. - Tiêu chuẩn: FDA. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
399	G3.779	Vít ốc khóa trong	Cái	385	115	<ul style="list-style-type: none"> - Vít ốc khóa trong chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính $\geq 9,5\text{mm}$, chiều cao $\geq 4,5\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
400	G3.780	Nẹp dọc	Cái	165	49	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp dọc cột sống chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính $\geq 6,0\text{mm}$. - Chiều dài $\geq 400\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
401	G3.781	Nẹp nối ngang	Cái	22	6	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp nối ngang các cỡ, chất liệu hợp kim titanium. - Chiều dài trong khoảng từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 90\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
402	G3.782	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử	Xylanh	66	19	<ul style="list-style-type: none"> Xương đồng loại khử khoáng dạng sợi - Chứa chất mang Poloxamer có khả năng bám dính và dễ tạo hình - Có khả năng dẫn xương và kích thích tạo xương. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		khoáng dạng sợi 1cc				- Dung tích: 1cc, dạng gel trong xylanh - Đóng gói vô khuẩn sẵn.			
403	G3.783	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng và làm giàu BMP 5cc	Xylanh	176	52	Thành phần 100% từ xương đồng loại, được khử khoáng và làm giàu yếu tố tăng trưởng BMP. Sản phẩm chứa hơn 20 loại BMP khác nhau đã được kiểm định và nhận dạng trong sản phẩm. Dạng mềm (putty) dung tích 5cc đóng trong xy lanh vô trùng. Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
404	G3.784	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng xốp 15cc	Gói	176	52	Thành phần từ xương xốp xương đồng loại, dạng hạt nhỏ kích thước từ 1 mm đến 10 mm, gói 15cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
405	G3.785	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng dạng sợi 5cc	Gói	22	6	Xương đồng loại khử khoáng dạng sợi - Thành phần: 100% xương đồng loại, không chứa chất mang hoặc chất độn tổng hợp. - Có khả năng dẫn xương và cảm ứng tạo xương. - Có khả năng tái ngậm nhanh (Rehydrates). - Dung tích: 5cc - Sản phẩm được vô khuẩn sẵn, đóng gói dùng một lần.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
406	G3.786	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng xốp 7,5cc	Gói	22	6	Thành phần từ xương xốp xương đồng loại, dạng hạt nhỏ kích thước từ 4 mm đến 10 mm, gói 7.5cc.	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
407	G3.787	Miếng cầm	Miếng	220	66	- Xốp cầm máu phủ kháng sinh, vật liệu collagen, tự	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		máu phủ kháng sinh các cỡ				<p>tiêu trong vòng 1-8 tuần, có khả năng tự bảo vệ chống nhiễm khuẩn và được sử dụng cầm máu tại vết thương/vết mổ bị nhiễm khuẩn, trong phẫu thuật nhiễm trùng và các phẫu thuật có nguy cơ nhiễm khuẩn cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứa (2,8mg collagen và 2mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước: 10cmx10cm và 5cmx20cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong vỉ PET-G có nắp Tyvek. 		y tế	
408	G3.788	Miếng vá sinh học phủ kháng sinh 2,5cmx5cm	Miếng	110	33	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng vá sinh học phủ kháng sinh, vật liệu collagen, tự tiêu trong vòng 1 tháng. - Chứa (5,6mg collagen và 4mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước 2,5cmx5cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong trong túi PET. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
409	G3.789	Miếng vá sinh học phủ kháng sinh 10cmx10cm	Miếng	44	13	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng vá sinh học phủ kháng sinh, vật liệu collagen, tự tiêu trong vòng 1 tháng. - Chứa (5,6mg collagen và 4mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước 10cmx10cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong trong túi PET. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
410	G3.790	Đầu đốt sóng cao tần tạo hình nhân nhậy đĩa đệm và	Cái	220	66	<p>Bộ vật tư dùng trong điều trị đau thần kinh sử dụng sóng cao tần, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Đầu đốt điện cực dùng một lần: + Có thể sử dụng với các chế độ RF đơn cực, lưỡng cực hoặc xung 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		bệnh lý cơ, xương khớp cột sống				<ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài có các cỡ: 5/10/15/20cm + Tiết trùng sẵn - 01 Ống nong: + Chiều dài có các cỡ: 5/10/15/20cm + Chiều dài đầu ống có các cỡ: 2/4/5/10/15/20cm + Đường kính ống có các cỡ: 18/20/21/22G + Có tối thiểu 05 loại đầu dẫn hướng, trong đó có loại mở rộng gấp đôi diện tích đốt + Có mã hóa kích thước bằng màu sắc - Phù hợp trong điều trị đau thần kinh tại các vị trí: Khớp gối, Khớp háng, Khớp cùi chỏ, Mặt khớp, Trong đĩa đệm, Nội sọ, Bàn chân và mắt cá chân - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE 			
411	G3.791	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động	Bộ	44	13	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 Ổ cối không xi măng 2 trục linh động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42mm đến 66mm, bước tăng 2mm. - Có 2 lỗ bắt vít kèm 2 vít chốt dạng đóng, bề mặt phủ HA. - Mặt ổ cối có móc tăng cường, có thể bắt thêm vít gúp gia cố độ vững của ổ cối. <p>2. 01 Lót ổ cối 2 trục linh động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene. - Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối đường kính từ 42mm đến 66mm, đường kính trong 22mm và 28mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>3. 01 Chỏm khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu CoCrMo hoặc CoCr. - Đường kính gồm các loại 22mm và 28mm. Cổ côn: 12/14. <p>4. 01 Chuôi khớp háng không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phủ HAP toàn bộ. - Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ 115mm đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, chiều dài Offset từ 38mm đến 45mm, độ cao cổ 35mm \pm2%, chiều dài cổ 38mm \pm2%. - Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng. <p>5. 01 Vít ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, đường kính từ 4mm đến 5mm, độ dài từ 15mm đến 50mm.</p>			
412	G3.792	Bộ khớp háng toàn phần thay lại không xi măng 2 trục linh động	Bộ	11	3	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:</p> <p>1. 01 Ổ cối không xi măng 2 trục linh động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42mm đến 66mm, bước tăng 2mm. - Mặt ổ cối có 3 móc tăng cường gia cố trong đó 1 móc gấp không có lỗ và 2 móc có 4 lỗ có thể bắt thêm vít gia cố giúp ổ cối vững chắc. <p>2. 01 Lót ổ cối 2 trục linh động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối đường kính từ 42mm đến 66mm, đường kính trong 22mm và 28mm. 3. 01 Chỏm khớp: <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu CoCrMo hoặc CoCr. - Đường kính gồm các loại 22mm và 28mm. Cổ côn: 12/14. 4. 01 Chuôi khớp háng không xi măng: <ul style="list-style-type: none"> - Phủ HAP toàn bộ. - Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ 115mm đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, chiều dài Offset từ 38mm đến 45mm, độ cao cổ 35mm ±2%, chiều dài cổ 38mm ±2%. - Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vụn giúp tháo lắp dễ dàng. 5. 04 Vít ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, đường kính từ 4mm đến 5mm, độ dài từ 15mm đến 50mm. 			
413	G3.793	Dầu bảo dưỡng dùng cho Hệ thống máy khoan sọ não VELOCITY ALPHA™	Bình	53	15	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu bảo dưỡng dùng cho đầu chụp mũi khoan của Hệ thống máy khoan VELOCITY ALPHA™ đang sử dụng tại Bệnh viện - Dung tích bình dầu: 500 ml/bình. - Sử dụng với đầu nối adapter chuyên dụng để bảo dưỡng các đầu chụp khoan. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
414	G3.794	Khớp háng	Bộ	22	6	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu	G7	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		bán phần thay lại không xi măng chuôi cong				<p>thành bộ:</p> <p>1. Chuôi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim Titanium. - Phần cổ rời quay được 360° có 3 cỡ (S, M, L), dài từ 50mm đến 70mm. - Kích cỡ chuôi: Có tối thiểu 10 cỡ, từ ø13mm đến ø22mm. - Chiều dài chuôi: 200 mm (tổng dài chuôi có thể đạt đến 300mm) và cong ở đầu xa. - Góc cổ chuôi (Neck Angle): 127°, 130°; bề mặt vi cấu trúc được phun corundum (độ nhám 4-6µm). - Thiết kế thân có các rãnh dọc chống xoay. <p>2. Chôm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0).</p> <p>3. Chôm bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu kim loại. - Có tối thiểu 22 cỡ, từ 39mm đến 60mm, bước tăng 1mm - Lót đầu chỏm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có 4 cỡ tương ứng. - Có thể sử dụng chỏm 28mm cho mọi kích cỡ đầu chỏm. Mã màu của nhãn cho phép xác định sự kết hợp vỏ/lớp lót phù hợp. 		y tế	
415	G3.795	Khớp háng toàn phần không xi măng di động kép Vitamin E	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gần, bề mặt được hoàn thiện với 500 µm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<p>từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°.</p> <p>2. Chỏm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: $\varnothing 22$ mm (- 2,0; 0; +2,0), $\varnothing 28$mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), $\varnothing 32$mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), $\varnothing 36$mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0).</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500μm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp.</p> <p>4. Đệm ổ cối di động kép: Vật liệu hợp kim thép không gỉ với hàm lượng nitro cao. Bề mặt được hoàn thiện bằng lớp phủ TiNbN. độ dày lớp phủ, 4,5μm \pm 1,5μm, có tác dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể.</p> <p>5. Đầu chỏm di động kép: vật liệu UHMWPE có kết hợp Vitamin E, có 4 cỡ.</p> <p>6. Vít ổ cối: Titanium dài từ 20mm đến 60mm.</p>			
416	G3.816	Dây cưa sọ não	Cái	44	13	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 40cm \pm 5%, có 3 vòng xoắn - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
417	G3.817	Keo dán	Hộp	22	6	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: dung dịch ester polyethylene glycol 	Không	Thiết bị	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		màng cứng sinh học tự tiêu 3ml				(PEG) kết hợp dung dịch ε-polylysine và polyethyleneimine (PEI) hoặc tương đương - Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu dùng chuyên cho phẫu thuật thần kinh, tỷ lệ trương nở thấp. Tỷ lệ trương nở theo một chiều < 11%. Tỷ lệ trương nở tổng thể: < 36%. - Khối lượng phân tử PEG ≤ 10k - Phân huỷ trong vòng 21 ngày và được chuyển hoá hoàn toàn trong vòng 42 ngày - Gel hình thành ≤ 6 giây. - Dung tích: 3ml	yêu cầu	y tế	
418	G3.818	Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu 6ml	Hộp	22	6	- Thành phần: dung dịch ester polyethylene glycol (PEG) kết hợp dung dịch ε-polylysine và polyethyleneimine (PEI) hoặc tương đương - Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu dùng chuyên cho phẫu thuật thần kinh, tỷ lệ trương nở thấp. Tỷ lệ trương nở theo một chiều < 11%. Tỷ lệ trương nở tổng thể: < 36%. - Khối lượng phân tử PEG ≤ 10k - Phân huỷ trong vòng 21 ngày và được chuyển hoá hoàn toàn trong vòng 42 ngày - Gel hình thành ≤ 6 giây. - Dung tích: 6ml	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
419	G3.820	Kẹp cầm máu da đầu	Cái	660	198	- Kẹp nhựa hình oval, dùng một lần, bao bì vô trùng - Chiều dài: 15- 17 mm, đường kính ngoài 9,5mm, đường kính trong 7,5mm - Độ mở tối đa: ≥ 9mm	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
420	G3.821	Ống nong hỗ trợ phẫu	Cái	11	3	- Chất liệu: nhựa polycarbonate (PC) hoặc tương đương	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		thuật xuất huyết não				<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 3 thành phần: một ống ngoài, hai ống trong và một ống có lõi. + Ống ngoài: đường kính trong 15mm, chiều dài tối thiểu 2 cỡ 60mm và 90mm ± 5% + Ống có lõi: đường kính trong 15mm, chiều dài tối thiểu 2 cỡ 60mm và 90mm ± 5%; có lỗ đường kính 2mm cho phép dịch não tủy hoặc máu lỏng chảy ra; lõi được thiết kế rỗng cho phép đầu dò điều hướng đi qua. + Ống trong: có 2 đường kính là 4,3mm và 6,3mm ± 5% - Thiết kế hai lòng ống. - Tiệt trùng bằng EO. - Có thang đo trên thành ống. 			
421	G3.822	Bộ bơm xi măng không bóng sử dụng kim nhồi cong, thời gian làm việc dài	Bộ	66	19	<p>Yêu cầu chào chi tiết đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát, cỡ 11G, dài 100mm/ 125mm/ 150mm 2. 01 Kim đẩy và nhồi xi măng, gồm vỏ và nòng, chiều dài ³300mm, dung tích ³2,5ml. - Phần vỏ: đầu kim dạng cong, có khóa kết nối Luer Lock - Phần nòng: dạng thẳng, có vạch chia khoảng cách. 3. 01 Bộ trộn xi măng bao gồm: 01 bộ trộn dạng tay quay, 01 phễu rót. Dung tích ≥ 40cc/40 g xi măng 4. 01 gói Xi măng độ nhớt thấp, thành phần tối thiểu bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bột xi măng ≥26g 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch pha xi măng ≥ 10ml - Thời gian trộn 30 giây, thời gian chờ 90 giây, thời gian làm việc ≥ 21 phút ở 19 độ C 			
422	G3.823	Vít neo khâu sụn chêm	Cái	390	117	<ul style="list-style-type: none"> - Vít neo khâu sụn chêm bao gồm hai neo PEEK đường kính 0,9 mm, được nối sẵn bằng chỉ UHMWPE size #2-0 với nút thắt tự trượt. - Nút điều chỉnh độ sâu của vít neo từ 10-20mm. Gồm các loại hình dạng thẳng, cong 15° và cong ngược 15°. - Sử dụng trong kỹ thuật mổ khâu sụn chêm All-inside. - Đạt tiêu chuẩn FDA. 	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	24 tháng
423	G3.824	Vít đa trục các cỡ kèm vít khóa trong.	Cái	1.001	300	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Mũ vít: đường kính 14mm, chiều cao 15mm, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. - Kích thước vít: có tối thiểu 10 đường kính từ 3,5-8,0mm và chiều dài từ 25-95mm (bước tăng 5mm). Dải kích thước lớn cho lựa chọn từ cột sống cổ đến thắt lưng cùng chậu. - Đầu vít dạng tự Taro và tự khoan. - Vít khóa trong: đường kính: 10mm; chiều cao: 4mm; gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
424	G3.825	Vít rỗng nòng bơm xi măng, kèm vít	Cái	198	59	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương) - Mũ vít: có đường kính 14mm, chiều cao 15mm, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
		khóa trong				<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước vít: có tối thiểu 8 đường kính từ 4,5-8,0mm, chiều dài từ 30-55mm (bước tăng 5mm) - Đầu vít dạng tự Taro và tự khoan. - Thân vít rỗng nòng có ≥ 3 lỗ cho xi măng đi qua. - Vít khóa trong: gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo - Tiêu chuẩn chất lượng FDA 			
425	G3.826	Nẹp dọc cố định cột sống	Cái	253	75	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Chiều dài: $\leq 40\text{mm}$ - $\geq 600\text{mm}$. - 1 đầu được thiết kế hình lục giác. - Thân thanh phù hợp để uốn cong. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. Tiêu chuẩn chất lượng FDA 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
426	G3.827	Nẹp nối ngang	Cái	7	2	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu hợp kim titan Ti6Al4V hoặc tương đương - Hai đầu dạng móc bo tròn cố định với nẹp dọc bằng vít M6, ở giữa có khớp nối xoay đa hướng và cố định bằng vít M5. - Chiều dài từ 35-65mm (tối thiểu 4 cỡ 35mm, 45mm, 55mm, 65mm) - Sử dụng tương thích với nẹp dọc 5,5mm. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
427	G3.828	Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da	Cái	198	59	<ul style="list-style-type: none"> - Vít được làm từ vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương) - Mũ vít: có đường kính $12\text{mm} \pm 0,2\text{mm}$ chiều cao $15\text{mm} \pm 2\text{mm}$, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. - Kích thước vít: có tối thiểu 6 đường kính từ 5,5- 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> 8,0mm, chiều dài từ 30-55mm (bước tăng 5mm) - Vít được thiết kế rộng nòng, 2 bước gen, mũ vít nhỏ với thiết kế Tulip - Đầu vít tạo với thân vít góc nghiêng 25 độ, vít tự taro. - Vít khóa trong: Đường kính 9mm; Chiều cao 5mm; gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo - Tiêu chuẩn chất lượng FDA 			
428	G3.829	Nẹp dọc MIS qua da	Cái	99	29	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Kích thước: Đường kính 5,5mm, chiều dài từ $\leq 40\text{mm}$ - $\geq 600\text{mm}$. - Nẹp được thiết kế dễ dàng uốn cong. - Thiết kế có rãnh tương thích với tay cầm. - Đầu nẹp được bo tròn. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
429	G3.830	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng vật liệu PEEK	Cái	297	89	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu PEEK (ASTM F2026) hoặc tương đương. - Kích thước: chiều dài 22mm và 24mm, chiều rộng 10mm, chiều cao $\leq 6\text{mm}$-$\geq 13\text{mm}$, độ uốn: 0°; 4° - Thiết kế mở của các bề mặt trên và dưới tạo khoang ghép xương lớn. Hai mặt tiếp xúc đĩa đệm được thiết hệ thống khóa răng ngược 45°. - Hai mặt bên có 3 lỗ. - Khả năng hiển thị trên X - quang nhờ các điểm đánh dấu bằng titan. - Thiết kế cây đặt với gen bắt vào miếng ghép. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA 			
430	G3.831	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng	Cái	242	72	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu PEEK (ASTM F2026) hoặc tương đương. - Kích thước: Chiều rộng: 24/28/32mm, chiều dài: 10mm, chiều cao: $\leq 7\text{mm}$-$\geq 13\text{mm}$, độ ưỡn: 0°; 4° - Thể tích khoang ghép xương từ 0,25cc đến 1,1cc. - Khả năng hiển thị trên X-quang nhờ các điểm đánh dấu bằng Titanium. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng
431	G3.814	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng loại chống trật sau	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lõi cầu xương đùi: Lõi cầu: chất liệu Cobalt - Chrome, có lõi cầu trái/ phải có xi măng, gồm tối thiểu 10 cỡ, độ nghiêng trước sau 4 độ, độ dày lõi cầu tối đa 8mm, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 74\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ ≤ 54 đến $\geq 79\text{mm}$ 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt - Chrome, Có tối thiểu 9 cỡ. Độ nghiêng sau 5 độ, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 58\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ $\leq 56,5\text{mm}$ đến $\geq 85\text{mm}$ 3. Đệm mâm chày: Chất liệu: polyethylene bar (UHMWPE), có gờ chống trật sau. Độ dày lớp đệm từ ≤ 7 đến $\geq 19\text{mm}$, bước tăng 2mm. 4. Xi măng: Xi măng độ nhớt cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút, thời gian làm việc ≥ 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C 	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

STT	Mã yêu cầu	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu vùng lãnh thổ sản xuất	Trang thiết bị y tế	Thời gian thực hiện
						Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cản quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.			
432	G3.815	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng loại giữ dây chằng	Bộ	22	6	<p>Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ:</p> <p>1. Lòai cầu xương đùi: Lòai cầu lòai: chất liệu Cobalt - Chrome, có lòai cầu trái/ phải có xi măng, gồm tối thiểu 10 cỡ, độ nghiêng trước sau 4 độ, độ dày lòai cầu tối đa 8mm, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 74\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ ≤ 54 đến $\geq 79\text{mm}$</p> <p>2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt - Chrome, Có tối thiểu 9 cỡ. Độ nghiêng sau 5 độ, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 58\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ $\leq 56,5\text{mm}$ đến $\geq 85\text{mm}$.</p> <p>3. Đệm mâm chày: Chất liệu: polyethylene bar (UHMWPE) Độ dày lớp đệm từ ≤ 7 đến $\geq 15\text{mm}$, bước tăng 2mm</p> <p>4. Xi măng: Xi măng độ nhớt cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút, thời gian làm việc ≥ 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C</p> <p>Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cản quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.</p>	G7	Thiết bị y tế	24 tháng

dungth.bvbd_TaHuuDung_10:58 20/05/2026
dungth.bvbd_TaHuuDung_10:58 20/05/2026
dungth.bvbd_TaHuuDung_10:58 20/05/2026
dungth.bvbd_TaHuuDung_10:58 20/05/2026